

NEUROTONIC



- ✱ BỒI BỔ ÓC
- TĂNG CƯỜNG TRÍ NHỚ
- BẢO VỆ SINH LỰC

hiệu như Thần

ĐỒ THONG

Im-đọc. Chù-bút : Nguyễn Vũ

ĐẶC-BIỆT CHU-NIÊN NĂM THỨ XIII



PHỔ THÔNG

TẠP - CHÍ

GOP PHAN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHO BIEN VAN HOA ĐONG TAY KIM CO

Giám-đọc, Chủ-bút ; Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn : 231 đường Phạm-ngũ-Lão — Saigon — ĐT 25861

Năm thứ XII — số 255 — 1-11-1970

1 — 12 Năm phục-vụ văn-hóa dân-tộc	Ng-Vũ	6 — 10
2 — Dberammorgau	Trần-lê-Nguyên-vũ	11 — 19
3 — Tận thế	Trần-lê-Nguyên-Vũ	20 — 26
4 — Ý nghĩ về những ngày...	Xuân-Bình	27 — 32
5 — Nàng tiên cây táo	Trụ-Vũ	33 — 38
6 — Biết đến bao giờ (thơ)	Trần-bá-Phương	39
7 — Người chó sói	Hoàng-Thắng	40 — 43
8 — Chiếc vòng cứu mệnh	Mạch-Quế-Hương	44 — 51
9 — Rêu đá (thơ)	Hoài-mộng-Diễn.Thu	52
10 — Vòm trời	Nguyễn-khắc-Tiến-Tùng	53 — 56
11 — Thơ văn đồ nghệ	Đông-Tùng	57 — 60
12 — Dầu lửa ngoài khơi	Chu-minh-Thụ	61 — 46
13 — Mừng hồ Thông (thơ)	Mai-như-tuyết	65 — 66
14 — Bát Chai vị lãnh tụ Mèo	Phạm-văn-Sơn	67 — 71
15 — Định mệnh (truyện ngắn)	Vuy-Uyên	72 — 79

16 — Một đạo chẳng hai đường	Thái-Bạch	80 — 82
17 — Mùa thu trên cao (thơ)	Vương-đại-Lợi	83
18 — Cây dừa ba ngọn	Phan-hoài-Bảo	84 — 85
19 — Chùa nhận sơn	Lê-Ngọc-Quang	86 — 88
20 — Độc hành ca (thơ)	Việt-Xân	89 —
21 — Đối thoại	Hoàng-linh-Trung	90 — 91
22 — Chim mồi (thơ)	Nguyễn-ngọc-Uyên	91 — 92
23 — Khương-Tử-Nha	Tân-Nhân	93 — 98
24 — Câu đối trong văn chương	Ng-quang-Tô	99 — 106
25 — Chính nó (dịch)	Giang-Tân	107 — 116
26 — Hồ-Xuân-Hương	Nguyễn-Vỹ	117 — 125

● Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thề-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).

★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.

● Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự tiện trích đăng những bài trong tạp-chí **PHỔ-THÔNG**, nhưng yêu cầu đề rõ xuất-xứ: «Trích tạp-chí **PHỔ-THÔNG**» và dùng viết tắt,

★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.

● Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

★ Copyright by **PHỔ-THÔNG**, printed in Việt Nam.



12 NĂM PHỤC-VỤ VĂN-HÓA DÂN-TỘC

1-11-1958

1-11-1970

● ————— MƯỜI-HAI NĂM QUA,
Tạp-chí **PHỔ-THÔNG** đã chịu rất nhiều hy sinh, rất nhiều thử-thách, và đã đứng vững, đề tiếp tục hy sinh, tiếp tục hoàn thành Nhiệm-vụ. Góp phần xây dựng Văn-hóa Việt-nam giữa những điều tàn tang tóc, máu lửa lan tràn, mặc dầu chỉ góp một phần nhỏ mọn, Tạp-chí **PHỔ-THÔNG** đã không chối từ trách nhiệm đối với Văn-Học Nước Nhà.

Trên các lĩnh-vực Lịch-Sử, Văn-Chương, Nghệ-Thuật, Tư-Tưởng, Tạp-chí PHỒ-THÔNG đã cố gắng sưu tầm, nghiên-cứu, sáng-tác, truyền bá rộng rãi trong Nhân-dân. Gạt bỏ mọi cám dỗ danh lợi, không xu nịnh thời thế, tạp-chí PHỒ-THÔNG đã cương quyết không nương dựa vào một thế lực tiền tài nào cả, một quyền-thế nào cả, và độc lập trong thử thách, kiêu hãnh trong thanh bần, Tạp-chí PHỒ - THÔNG cứ mãi mãi trung thành với Lý-tưởng.

Lãnh đạm với những dèm pha, đổ ky, kích bác vu vơ, điềm-tĩnh trước những trở lực vô số, không tranh đua vật chất, không cạnh tranh thương mại, Tạp-chí PHỒ-THÔNG tiếp tục đóng góp, dù ít oi, dù khiêm tốn, vào gia - sản trí-thức và tinh thần của Dân-tộc. Tạp-chí Phồ-Thông vui-mừng đã đem phần bồi đắp vào Lịch-sử Văn-hóa Việt Nam, vài miếng gạch, một chút vôi, một viên đá.

Và nhiệm vụ còn tiếp tục trường kỳ.



Bắt đầu năm thứ 13, Tạp chí Phồ-Thông xin chân thành tri ân tất cả những bạn đọc trung thành kiên cố của nó. Qua bao nhiêu thăng trầm thử thách, các bạn đã không bỏ Tạp-chí PHỒ-THÔNG. Các bạn ở Quốc-nội luôn luôn theo sát những bước tiến của Tạp-chí PHỒ-THÔNG, ủng hộ nó không ngừng, không chán nản.

Các bạn đọc ở Quốc-Ngoại, tận những khung trời xa-xăm ở Bỉ, Pháp, Anh, Đức,

Thụy-Sĩ, Bắc Phi, Brésil, Nam Mỹ Bắc Mỹ, Gia-nã-Đại, Ấn độ, và tất cả Đông Nam Á, cho đến Manila, Tokyo, Osaka, đều không xa Tạp-chí PHỒ-THÔNG, như một giây liên hệ của thần giao kết-cảm, suốt mười mấy năm.

Nhiều bạn gửi bài về cho Tạp-chí PHỒ-THÔNG. Đa số các bạn chỉ gửi về một thiệp chúc mừng ngày Kỷ-niệm Chu-niên hay ngày Tết. Ngần ấy cảm-tình là cả một khuyến-khích lớn lao, một an-ủi vô cùng quý báu cho Tạp chí PHỒ-THÔNG.

Tạp-chí PHỒ-THÔNG xin muôn vàn cảm tạ.

«Tuần chàng trai nước Việt» được nhiều bạn trích dịch trong các báo Văn.học ngoại-ngữ.

Tạp-chí PHỒ-THÔNG sắp cho ra trong tháng này, do nhà Khai-Tri xuất bản : «Văn Thi-sĩ Tiền-Chiến». Và sẽ kế tiếp 10 quyển «Mình ơi !» trọn bộ, «Thơ Lên Ruột» I, II, thơ «Buồn muốn khóc lên», quyển biên khảo «Hỗ-

xuân-Hương», quyển «Phê-bình Văn-chương hiện-đại» v.v...

Tất cả những tác-phẩm đó, và những tác phẩm sẽ xuất bản kế-tiếp những năm sau, đều đề đền đáp một phần nào những cảm tình sâu đậm và lòng tin tưởng thiết tha của Bạn đọc PHỒ-THÔNG Tạp-chí, ở trong Nước và ngoài Nước.

Tôi cũng chân thành cảm ơn một số anh em nhà Văn Tiền-chiến hiện còn sống ở Hà-nội, đã tiếp tục ủng hộ tôi về tinh-thần trong nhiệm vụ phụng sự Văn-Hóa Dân-tộc, Thuần-túy, và Tự-do.



Sắp phát hành đầu tháng 11.1970 :

Văn-Thi - sĩ Tiên - Chiến

Chứng-dẫn của một Thời-đại

của NGUYỄN - VỸ

● Chương Một : VĂN - THI - SĨ. Từ Tân Đà... Vũ trọng Phụng... Khải Hưng... đến Hàn-mặc-Tử, Thao.Thao, Ngân Giang... (Tất cả 35 Nhà-thơ nhà Văn).

● Chương Hai : VĂN-SĨ VIỆT, VĂN-CHƯƠNG PHÁP.

● Chương Ba : 1 Sinh - Khí Văn - Nghệ Tiên-Chiến.

2 Đời sống tinh thần vật chất của Văn Thi-Sĩ Tiên Chiến.

Dày 520 trang

Nhà Sách KHAI-TRÍ xuất bản

62 Đại-lộ Lê-Lợi. Saigon.

BỨC THU TÂY ĐỨC

OBERAMMERGAU:

Nguyên - sử một phép - lạ

✱ TRẦN-LÊ-NGUYỄN-VŨ

CHÚNG tôi dừng xe trên đỉnh đồi, nhìn xuống thung lũng Ammertal phủ đầy sương mờ lạnh-lạnh. Ngôi làng bé nhỏ còn thiêm-thiếp giấc nồng. Trên nền xanh của cây cỏ thiên-nhiên, lấm-tấm điểm những mái ngói đỏ, những hàng tường trắng toát và nổi bật nhất là nóc một ngôi thánh đường với chiếc tháp củ-hành (Zwiebelturm) cao, vỏi-vỏi. Sông sông Ammer bé-bỏ trôi lững-lờ giữa chòm cây rậm, chỉ thoáng thấy li-ti như

một sợi tơ-trời. Chúng quanh làng, dải Đại-sơn Alpen dựng vách, nối đuôi nhau trùng-diệp độ về xuôi. Cách đây không xa là biên-thùy Đức-Áo nằm chắn ngang đường sang Innsbruck, quanh-co giữa khe núi chập-chùng. Ở góc Tây-Nam, đỉnh Zugspitze cao nhất nước Đức (2963 thước) sừng-sừng đội mây, ngạo-nghe nhìn xuống lũ núi đàn em quây-quần trò chuyện. Oberammergau đây ư ? Ngôi làng bé nhỏ đã làm náo-nức hàng triệu con tim trên khắp

địa-cầu mà báo chí quốc tế đã không tiếc lời ca-ngợi đấy ư ?

— « Vâng ! Chính Oberammergau đấy, thưa quý ngài. » người hướng-đạo tên Fritz vui vẻ trả-lời.

Chúng tôi men theo con đường cái xuyên qua một cánh đồng cỏ xanh mướt đẹp như tranh vẽ dần vào làng. Đường-sá khoáng-trang sạch-sẽ không có lấy một cọng rác hay một tàn thuốc lá. Hoa nở rực-rỡ khắp cửa sổ mọi nhà.

Trên thành tường lối trang trí hoa-hộc lạ mắt của dân miền Bayern thể-hiện bằng những hình-vẽ kể lại truyền-tích Chúa Cứu-Thế và Đức Bà Maria. Địa-danh Oberammergau, một di-âm ngôn-ngữ của bộ-tộc Kelten, có nghĩa là khu-vực ở thượng-lưu sông Ammer (ober thượng-lưu, Ammer tên sông, gau-khu-vực, địa-phận). Làng có khoảng 600 nóc nhà với tổng-số dân-cư 5000 người sống bằng nghề nông, chăn nuôi vắt sữa và khắc tượng trên gỗ hoặc ngà gửi bán khắp nơi. Trong làng có những gian hàng bán tượng rộng lớn như một tàng-cổ-viện chứa đầy áp hàng ngàn hàng vạn pho tượng

đủ loại. Lại có cả một trường dạy nghề khắc tượng (Staatliche Schnitzschule) trước kia do một nghệ-sĩ tài-danh họ Lang tên Ludwig làm giám-đốc. Tượng của dân làng Oberammergau nổi tiếng khắp thế-giới, đẹp từ nét khắc giản đến nghệ thuật đánh bóng và sơn phủ hết sức tinh vi. Thoạt mới bước vào làng, hình ảnh đầu tiên đập vào mắt du khách như một ám-ảnh thần-bí dị-kỳ, khiến cho con người phải khiếp-phục, đó là ngọn núi KOFEL cao 1342 thước mà trước kia người La-Mã gọi là Coveliacae. Núi đứng sừng-sừng choán một khoảng không-gian rộng lớn, vách đá nghiêng hẳn về phía làng, dường tượng như hình một vị thần đang trừng mắt nhìn xuống đám thế-nhân bên dưới. Càng tách xa đôi mắt của thần-nhân càng nhìn theo bên gót, do đó du khách có cảm-tưởng ngôi làng đã bé nhỏ lại càng bé nhỏ hơn. Nếu yếu tố địa-lý không phải là chuyện hoang-đường như người Á-Đông vẫn thành-kính tin-tưởng, thì quả thật tạo-hóa đã an-bài sẵn cho dân Ober-

ammergau một định-mệnh. Định mệnh ấy khởi đầu vào mùa thu năm 1633, khi một trận dịch khủng khiếp xảy ra ở Eschenlenlohe, một làng lân-cận. Mức độ tàn-phá của bệnh dịch ghê gớm đến nỗi trong làng chỉ có hai gia-đình, còn nguyên-vẹn vợ chồng. Các gia-đình khác hoặc chồng chết, hoặc vợ chết hoặc cả hai đều chết hết. Dân địa-phương còn nhớ mãi cái tên Kaspar Schisler, người đã dẫn đường cho thần ôn-dịch về tàn phá Oberammergau. Kaspar Schisler, một nông-dân trẻ tuổi, trước đó từ đầu mùa gặt sang tía bắp hái nho làm thuê ở Eschenlohe, xong việc trở về nhà thăm vợ con. Lúc bấy giờ, nghe tin ôn-dịch, dân làng Oberammergau thay phiên nhau canh-gác kiểm-soát chặt-chẽ các nẻo đường, cấm nhậ người ngoài đột-nhập vào làng. Kaspar Schisler chờ đêm tối, trèo qua vách núi lên về nhà. Hai hôm sau Kaspar Schisler phát bệnh, toàn thân tím đen rồi chết. Tiếp theo lưỡi hái của tử-thần quét hàng loạt. Các vị lương-y nổi tiếng về những phương thuốc ngoại-khoa gia-truyền công-

hiệu như thần cũng lần quay ra chết. Chỉ trong vòng mấy hôm ngắn-ngủ, cuốn sổ khai tử của giáo-đường địa phận đã chật ních 84 tên trong đó có cả tên của hai giáo-sĩ Primus Christeiner và Macellus Fatiga thuộc một dòng tu ở Rottenb. Cả làng Oberammergau sống trong cơn sốt kinh-hoàng tột độ. Tử-thần rình-rập khắp đầu thôn cuối xóm. Ban đêm không ai dám ngủ. Đốt đèn sáng choang quỳ trước tượng Đức Mẹ lần tràng hạt. Sợ quá, các vị bô-lão bèn nảy ý tập-hợp những người còn sống-sót trong thôn lại vào thánh-đường cầu-nguyện tập-thề xin Chúa cứu mạng cho cả làng và dâng lời hứa rằng sau khi Chúa thương-xót cho như lời sở-nguyện thì cả làng sẽ xin tự mình diễn lại cuộc đời khổ đau của Chúa để tạ-ơn và đề nêu gương sáng cho thiên-hạ. Lạ lùng thay, từ khi dân làng dâng lời khấn-hứa, thì móng vuốt Tử-thần đột-nhiên biến mất. Cơn bệnh như bị một bàn tay vô-hình nào ngăn-chặn xua đuổi lui xa. Các sử-gia biên-niên (Chronist) đương thời kể lại rằng cả làng sống

trong một phép lạ chưa bao giờ từng có. Ngay cả những người hấp hối, thân nhân đã đảo sẩn huyết cũng tự nhiên bệnh thuyên giảm rồi lành hẳn. Tuyệt đối không một ai chết thêm nữa. Để giữ lời nguyện, mấy tháng sau, vào đầu năm 1634, dân làng tổ chức buổi Thánh diễn đầu tiên gọi là « Das Passionsspiel » kể lại những nỗi nhục nhã khổ-đau của Chúa chịu chết trên thập tự giá để chuộc tội cho loài người. Bằng một thời gian vì lý loạn đời khổ hơn 40 năm sau, vào năm 1680 dân chúng lại tiếp tục trình diễn một cách rất trọng thể. Và từ đây trở đi, cứ 10 năm trình diễn một lần đúng theo lời khấn hứa. Năm 1970 là lần trình diễn thứ 36.

Trước mắt chúng tôi là cả một rừng người đổ-xò vào hội trường. Hội trường này do Georg Lang, một nghệ sĩ tạc tượng danh tiếng đã vẽ kiểu và đôn đốc xây cất vào năm 1930. Chính ông đã có công cải tiến nghệ thuật Thánh diễn từ chỗ cổ truyền thô sơ đến hình thức vĩ đại như hiện nay. Kiểu kiến trúc được xem là đẹp và rất khoa học. Hội trường hình

vòm bán nguyệt, ráp bằng những vật liệu tiền chiề với 5200 chỗ ngồi (chưa kể số người đứng) xếp đặt từ thấp lên cao. Chung quanh hội-trường có đến 14 cửa ra vào. Nhìn bên ngoài tưởng rất bé nhưng vào trong rộng mênh-mông. Sân khấu vừa lộ thiên vừa dựa vào bối cảnh gồm một tòa nhà lớn xây cất phỏng theo lối kiến trúc cổ-kính ở thánh địa Palestine; khoảng sân trống có thể chứa cùng một lúc 600 diễn-viên. Khán giả ngồi trong hội trường nhìn lên sân khấu thấy rõ rặng núi Alpen xanh biếc với những túp nhà xinh xắn ở lưng chừng núi, như một tấm phong thiên nhiên tuyệt mỹ. Tất cả gieo vào hồn khán giả cảm giác mình đang sống thực, không có gì gọi là « kịch » cả. Nhưng tuyệt diệu nhất phải kể đến hệ-thống âm-thanh. Với một hội trường rộng lớn như thế mà tuyệt nhiên không có lấy một chiếc micro nào. Lời đối thoại của các diễn viên trên sân khấu, ở cách khán giả rất xa, vẫn nghe rõ mồn một từng chi-tiết, kể cả tiếng thở dài rất khẽ.

Georg Lang không còn nữa; sau những ngày làm việc mệt nhọc, ông từ trần vào năm 1968, nhưng công trình của ông vẫn được mọi người ca ngợi.

Đúng 8 giờ 30, ban tổ chức dâng bốn thứ tiếng Anh, Pháp, Đức, Ý, ngỏ lời chào mừng du khách và tuyên bố khởi diễn. Từ hai ngã sân khấu, đoàn thánh ca mặc toàn đồ trắng, phủ áo choàng xanh do ca-đoàn-trưởng Franz Zwink mặc y phục giáo lễ, cầm giáo tượng dẫn đầu, chậm rãi tiến ra. Bước đi được nghiên-cứu và luyện tập từ trước nên vừa đến đúng nửa sân khấu hai cánh (mỗi cánh 25 người) gặp nhau, kết lại làm một xây mặt về khán giả. Tiếng hát nao-nao ầm ập vỗ-tỏa ra khắp hội trường. Ban đồng ca làm nhiệm vụ khai mào giới thiệu các màn trình diễn bằng lời ca điệu hát và bằng các cảnh bất động. Tiếng nhạc đệm mong manh luyến ái nhẹ nhàng vút cao. Phần âm nhạc này do giáo sư Rochus Dedler soạn năm 1815. Rochus Dedler là một nhà soạn nhạc danh tiếng con của một

chủ khách sạn ở Oberammergau. Năm 18 tuổi ông sáng tác bản trường ca đầu tiên và nhiều bài hát cho trẻ con hiện còn được dân chúng ưa thích. Những nhạc khúc ông viết cho Đại-hí-viện đã làm say mê các vua chúa đương thời. Tại các thánh đường ở Oberammergau, nhạc của ông vẫn thường được tấu-diễn trong các buổi lễ long trọng. Phần nhạc ông viết riêng cho cuộc Thánh-diễn (gọi là Passionsmusik) vừa phảng phất những nét huyền bí trang-trọng của các bản thánh ca, vừa thanh thoát bình dân như lời kinh nhật-tụng, do đó dễ ru hồn mọi tầng lớp khán giả. Tiếng hát của ban đồng ca vừa chấm dứt, cuộc trình diễn thực sự bắt đầu. Nội dung của vở tuồng kể lại cuộc đời của Chúa Cứu-Thế từ lúc ở Nazareth cùng các môn đệ vào Jerusalem cho đến khi bị bắt, bị kết án và thụ hình trên thập tự giá đúng như trong Thánh-kinh Tân và Cựu Ước. Phần đối thoại của cuộc Thánh-diễn do Alois Daisen-berg, cha sở địa phận, viết từ năm 1850 đến năm 1860 mới hoàn - tất gồm những màn

chính : Chúa từ giả mẹ, Chúa vào thành Jerusalem. Bữa tiệc cuối cùng Chúa làm phép tẩy-tức (rửa chân) cho các môn đệ, Juda bán Chúa, Chúa cầu nguyện trên núi Olberg, Chúa bị kết án, Đoạn đường cực hình của Chúa từ những chặng vắc thánh giá đến lúc bị đóng đinh ; Cuối cùng là màn Chúa sống lại và lên trời. Trước năm 1850 đã có ba bản đối thoại khác, một của Thánh Ulrich và Afra, một của nhạc sư Sebastian Wild ở Augburg và một bản khác của một tác giả vô danh. Trước nữa, vào thời Trung-Cổ đã có nhiều bản về dùng ca hát hoặc diễn tuồng tại Triều đình và các Thánh Thất mà những nhà viết Văn-Học-Sử Âu - Châu thường nhắc đến. Alois Daisenberger đã viết rộng ra và thêm nhiều tình triết lý kỳ hơn.

Nét độc đáo thứ nhất của vở tuồng ở Oberammergau là thời gian trình-diễn dài đến một ngày, từ 8 giờ 30 sáng đến 5 giờ 30 chiều, buổi chiều buổi trưa khán giả được nghỉ 2 tiếng đồng hồ để ăn uống. Trong lịch sử ca kịch thế-giới

rất hiếm thấy những cuộc trình diễn dài như thế. Nét độc đáo thứ hai là sự linh động và vĩ đại của phần đạo-diễn làm khán giả say mê thích thú quên cả mệt nhọc phải ngồi suốt ngày, Nhà đạo diễn đã nghiên-cứu kỹ lưỡng từ cách phụ sức đến những phong tục, tập quán làm sống lại cả khung cảnh xa xưa dưới thời Chúa Cứu-Thế. Những tấm phong dùng làm bối cảnh phải công nhận quá đẹp và tuyệt tác. Chẳng hạn trong màn Chúa và các môn-đệ trên đường đến Jerusalem, chân Chúa chậm rãi bước trên những ngọn đồi nâu thẫm giữa trời đất bao la, đôi nhân tạo nhưng khán giả cứ tưởng là cảnh thực. Khi Chúa vào thành Jerusalem, đứng đỉnh đồi trên lưng lừa, dân chúng ào ra đón tiếp chật ních cả sân khấu, khán giả không thể tưởng tượng được rằng mình đang sống trong một cảnh giả. Có những màn hết sức vĩ đại như màn kết án Chúa, phải huy động đến 4,5 trăm diễn viên từ mọi ngõ-ngách àn-àn đổ đến, la hét vang cả hội-trường ; những màn như thế

thấy trong xi nê hơn sân khấu kịch trường chân. Khi sang chơi thành kinh đô nước Áo, tôi may mắn được xem trình một vở tuồng ở Đại-Hý-Staatsoper, một trong Đại-Hý-Viện danh nhất Âu-Châu, nơi mà các khán giả bắt buộc phải ăn mặc lịch sự, đồ lớn cà-vạt trông như dự vào một buổi lễ có nhiều khía cạnh còn xa Oberammergau. Những giây xúc động tâm lý nhất của màn Juda bán Chúa và màn vắc Thánh giá đến nơi đóng. Vai Juda do Martin 32 tuổi chuyên nghề tượng gỗ đóng, được chọn là nhân vật xuất sắc nhất trong. Mỗi điệu bộ, mỗi lời gieo vào hồn mọi người những cảm giác sống mạnh mẽ, đưa khán giả vào trạng thái giận dữ xỉ xầm dần dần cho thương hại khi thấy anh hối hận treo cổ tự tử. Đến màn Chúa vắc Thánh giá thì nỗi xúc động càng dâng cao tột-độ Chúa đau đớn gai, mắt lơ dờ, máu chảy mặt, vắc cây thánh giá vai nặng trĩu không được nổi, bị quân Pha-ri-

điêng đá ngã xuống nằm bất động, tự nhiên cả hội trường rầm rức khóc. Có lẽ từ lâu họ chỉ đọc trong kinh sách, nghe các linh mục thuyết giảng nhưng chưa bao giờ lại được thấy nỗi khổ của Chúa Cứu-Thế bằng những hình ảnh cụ thể như vậy. Tôi đảo mắt nhìn quanh một vòng ; mấy ngàn cái đầu cúi xuống, đôi mắt đỏ hoe, tiếng khịt mũi vang cả hội trường. Và khi một tên quân Pharisien lấy mũi đồng đâm vào hông Chúa thì tiếng khóc rầm rức bỗng chuyển sang mũi mẩn bộc-lộ một cách rõ ràng. Đây là lần thứ ba tôi được thấy những giọt nước mắt của những con người có tín ngưỡng. Lần thứ nhất, vào năm 1936, lúc Cách-Mạng chưa phát khởi, tôi đã thấy những người Phật-Tử khóc. Khi họ diên-hành từ Chùa Từ Đàm sang Chùa Diệu-Đế, để phản-đối chính-quyền lúc bấy giờ. Trên khốe mắt những cụ già đầu tóc bạc-phơ, những cô thiếu-nữ đất Thần-kinh hoa-mộng và cả những em bé tuổi đời chưa bao nhiêu đều long lanh những hạt lệ sáng ngời. Cùng

với những hạt lệ tôi thấy phảng phất trên nét mặt họ một vẻ trầm tư đạo hạnh huyền bí lạ lùng, khiến tôi cứ suy nghĩ mãi. Vẻ trầm tư thanh thần ấy nhất là giữa cơn dầu sôi lửa bỏng, biểu lộ một sự nhân nhục chịu đựng cao cả của con người trước tình thế và hình như thuộc về một thế giới siêu hình nào không có trong cuộc đời. Lần ấy tôi nghĩ rằng những người Phật giáo có lý lẽ riêng của họ và tình-cảm của tôi đã nghiêng hẳn về phía họ, phía của những người bị đè nén, áp bức. Lần thứ hai tôi được thấy một đoàn người Công giáo đến hành hương tại Alttotting, một thị trấn nhỏ ở Đông-Nam nước Đức. Alttotting cũng như Lourdes, Fatima, La-vang, được xem là thành địa thiêng liêng của khách hành hương. Những người Âu-Châu ấy những người mà tôi vẫn nghĩ rằng họ chỉ thích xa hoa, vật chất phê phởn hưởng thụ hơn là những điều đạo đức mơ hồ khác đã đi bộ suốt mấy trăm cây số đường trường như những bậc chân tu khổ hạnh, và khi đến thánh đường St. Magdalena ở Alttotting họ đã

khò lưng vác những cây thánh giá đi chung quanh thánh đường vừa khóc vừa ăn năn hối lỗi. Những giọt nước mắt của họ đã làm tôi sửng sốt ngạc nhiên. Lần này, lần thứ ba, tôi lại được thấy dân Âu Mỹ (thực ra người từ khắp thế giới) khóc ở Oberammergau. Tôi không phải là người Công giáo, nhưng trước sự kiện ấy cũng cảm thấy xúc động sâu xa thương yêu Chúa Giê-Su, một Người suốt đời chỉ nghĩ đến tình thương và hạnh phúc của nhân loại. Tôi bỗng nhớ lại những lời chân thành trang trọng của thánh Gandhi, một người ngoại đạo, đã dành cho Chúa Cứu Thế.

Màn Chúa chịu cực hình cũng là màn đẹp nhất. Quân sĩ trang phục lộng lẫy, cỡi ngựa thật, gươm giáo tua tủa trông rất đẹp mắt. Đoạn này Helmut Fischer đóng vai Chúa rất hay. Cảnh lúc một môn đệ bắc thang trèo lên đem xác Chúa xuống tắm vải dùi nâng xác rồi trên Thập tự giá thành một chữ M lớn phát phơ trông vừa ảo-não vừa huyền bí thơ mộng. Trước đó ban đồng ca đã thay áo choàng xanh bằng áo đen chịu

tang. Khi Chúa sống lại lên Trời, từ áo đen lại đổi sang áo xanh. Bản Halleluia long trọng cử lên kết thúc cuộc Thánh diễn. Rồi người từ phút đầu đến phút cuối chăm chú theo dõi mỗi cử động của diễn viên im lặng, như một khối đá vô tri bắt đầu chuyển động...

Một tràng pháo tay dài bất tận dâng cao như sóng cồn. Thác người từ hội trường đổ ra đã gặp ngay một thác người khác từ các xe buýt đổ xuống. Họ đến để chờ xem cuộc Thánh diễn ngày mai.

(Còn nữa)



● Les conseillers ne sont pas les payeurs

Ý nghĩa : Các cố vấn quạu mo không tốn hao gì cả, chỉ có ta là lãnh lấy hậu quả.

TỤC NGŨ PHÁP

● Au royaume des aveugles, les borgnes sont rois

Ở xứ dân mù, anh chột là vua.

TỤC NGŨ PHÁP

TẬN - THỂ

Chuyện giả tưởng của TRẦN-LÊ-NGUYỄN-VŨ

(Tiếp theo P.T. 254)

ĐẠO-sĩ trầm ngâm giây lát, diu dàng đáp :

— « Vâng tận thể. Âu đó cũng là lẽ chí công của Tạo hóa. Nhân nào quả nấy. Chúng sinh nghiệp chướng nặng nề, giết chóc tàn bạo thì phải gánh lấy quả báo kia. Quả báo tự mình tạo ra cho mình. Kẻ dùng gươm sẽ bị chết vì gươm. Khách quên lời của Chúa Cứu Thế ư ? Kẻ tu hành thấy nhân loại sắp tự sát động lòng thương xót nhưng biết làm sao ! Trong lịch sử loài người có biết bao nhiêu nền văn minh xây trên tội ác đã sụp đổ : Ninive, Ba tư, Ai Cập Hy lạp ; La mã ... là những dấu tích tang thương còn khắc sâu trong tâm hồn nhân loại ! Khách học rộng biết nhiều, đọc thiên

kinh vạn quyển, hẳn là thấy rõ điều đó. Trí óc nhân loại càng mở mang, bước tiến của khoa học càng dài, thì sự hủy diệt càng ghê gớm. Có lẽ rồi đây không còn một nhân mạng nào sống sót, mà sống sót chỉ là một hình phạt nặng nề ở địa ngục trần gian đau đớn gấp trăm ngàn lần sự hủy diệt. Chấp chừng được vài bước vào không gian vô tận trên những tinh cầu xa xôi, loài người tưởng đã đoạt được quyền Tạo hóa, nghênh ngang đem những khám phá của mình gieo chết chóc lên đầu đồng loại để dành quyền bá chủ. Thậm chí có kẻ còn ngông nghênh muốn giết chết cả Thượng đế. Tiếng hét ngạo nghễ của Nietzsche gần hai thế

trước vang dội khắp lục địa. Nhân Châu ngày nay đang lan dần dần trên các đồng bằng, trên núi non sông bể Mỹ châu, Úc châu, và luôn cả Á châu, Phi châu nữa. Vì Thượng đế đã chết nên những giáo điều Bác ái, Từ bi, Vị tha, Hỷ xả, Công bằng, Nhân đạo, đã không còn nghĩa lý, biến thành những tiếng than dài mất hút vào sa mạc mênh mông đang ngập tràn sát máu. Ngu muội để rồi đưa đến vực thẳm tận diệt, chúng sinh thật đáng thương thay ! »

Đạo sĩ nói một hơi dài giọng trầm trầm chưa xót. Hoài lịm người ngồi trơ như phỗng đá. Chẳng đã nghĩ đến việc ấy từ lâu, tưởng đem hết tâm trí hoàn thành bộ máy « phản tiết chủng » cứu nhân loại khỏi họa tận diệt, ngờ đâu chỉ nguyện chưa thành thì giờ tận thể đã hầu kề. Chẳng cảm thấy gió mây như ngừng lại, hoa cỏ nhạt phai, biển cả trắng phều như một vành khăn tang. Đạo sĩ chậm rãi nói tiếp :

— « Nhưng lòng Trời rộng lượng, không muốn dứt hẳn căn quả của loài người, vì vậy mới gây tức duyên cho Bản đạo hội ngộ cùng khách hôm nay. Nếu phong cảnh tiên gia không làm khách nhàm chán, thì Bản

đạo xin mời khách lưu lại thạch động di dưỡng tinh thần. Thiên cơ bất khả lậu. Dần dần khách sẽ thấu hiểu. »

Hoài vẫn chưa biết đối đáp thế nào, thì đạo sĩ đã đứng dậy ôn tồn mời khách trở về tịnh xá nghỉ ngơi. Giọng đạo sĩ dịu dàng nhưng âm vang chói tai, át cả tiếng gió phàn phật đang hất trong mảnh đại bào xanh, chứng tỏ đạo sĩ có cường lực phi thường. Đạo sĩ thoăn thoắt vọt qua các chòm cây, mỏm đá. Hoài nhanh nhẹn theo sau ngoan ngoãn như một chú bé !



Hoài ở lại thạch động dốc một lòng tu niệm phủi sạch bụi phồn hoa, hồn lâng lâng siêu thoát. Thăm thoát đă sang Xuân, cây cỏ đâm chồi nảy lộc, trăm hoa đua nở ; thạch động chìm giữa làn mưa tuyết mịn như nhung. Rặng đào nở hoa đỏ thắm nằm vắt qua sườn núi như một chiếc khăn choàng diềm dứa, nổi bật trên nền tuyết trắng phau phau. Đào trĩu nặng trái Mối trái một màu, lung linh phản chiếu. Hoài mặc áo đỏ, chân đi thảo hài, xách giỏ theo các đạo đồng xuyên vào rừng đào hái quả. Ngày mai

chư Tiên khắp các non động từ Tây Bắc trở lên, từ Đông Nam đổ xuống mười phương tám nẻo, sẽ ngự về thạch - động thượng Xuân, dự yến Bàn-Đào. Thầy dạy phải dâng hơn mười cỗ đào ngũ-sắc. Hoài nắm từng trái đào chín mọng trong tay, lòng nghĩ đến tháng năm dài trường-thọ. Ăn mỗi quả sống trên ngàn năm. Linh khí của Đất Trời quy cả vào trong tạng phủ, bồi bổ tiên thiên, gầy nguồn sinh lực vô tận. Đào đặt trong những mâm ngọc lượn khí Ngũ hành, sắc tươi không bao giờ sút giảm,

Cỗ bàn dọn xong, tiên tử ướp hương thơm ngào ngạt. Chư Tiên lần lượt giảng làm, vị nào cũng da vẻ phiêu điều thanh thoát. Tiên thiều nhã nhạc trôi lên cung bậc nổi chìm thánh thót lạ thường. Nhạc khúc từ Trời cao dâng xuống, ngân dài trong không gian, Hoài ngơ ngác nín lên chẳng biết ở đâu. Chư Tiên ung dung cười nói vui vẻ, Hoài và các đạo đồng luôn tay tiến tửu.

Tiệc đang vui bỗng chư Tiên nhìn nhau ngơ ngác, mặt hấn vẻ lau khô. Nhạc tắt. Mỗi vị cúi đầu từ tạ, lùi thối ra về không ai thốt một tiếng nào. Hoài

ngạc nhiên thấy đạo sĩ mặt mày ủ rũ, lặng lẽ quay về tinh thất. Các đạo đồng cũng im phăng phắc bỏ bàn tiệc, từng đôi một trở vào phòng riêng. Hoài thấy thế cũng vội bỏ đi. Suốt mấy hôm sau, đạo sĩ không ra khỏi phòng. Hoài thăm kinh sợ không biết việc gì đã xảy ra. Chàng từng thử men theo giòng suối nhỏ đi sâu vào rừng hoa, tri mông lung suy nghĩ. Chợt nghe tiếng Lam Y đồng tử khẽ gọi chàng :

« — Sư phụ cho đòi tôn huynh lên đại sảnh. »

Hoài hấp tấp bước mau, lòng hồi hộp lo sợ. Vừa qua khỏi tiểu môn đã thấy đạo sĩ chờ đấy tự bao giờ. Đạo sĩ đắm đắm nhìn vào mắt Hoài, tia điện quang như đốt thịt da cháy bỏng. Mãi một lúc lâu đạo sĩ mới bảo :

« — Duyên Tiên đã mất. Bây giờ thầy cho con trở lại Hồng trần. » Hoài lặng người đứng trơ, hai giòng lệ tràn qua khóe mắt. Đạo sĩ ngậm ngùi nói tiếp : « Nhân loại đã bị tận diệt thầy vô cùng đau đớn. » Hoài suýt ngất đi, cổ chàng như nghẹn lối không còn hơi thở.

Đạo sĩ chậm rãi nhấn mạnh từng lời :

« — Mai đây một thế giới mới sẽ được sáng lập trên công bằng và nhân đạo. Thế giới tương lai không có hận thù, không sát sinh, không có tội lỗi. Mọi người sẽ thương yêu nhau, quý mến nhau, nhường cơm sẻ áo cho nhau, đùm bọc lấy nhau, sống trong hạnh phúc triền miên. »

Hoài ngược mắt nhìn đạo sĩ, đầu óc xôn xao nhiều ý nghĩ dị kỳ. Đạo sĩ vẫn ung dung giảng giải, vẻ mặt đượm ít nhiều huyền bí :

« — Lòng Trời muốn dành sinh dự sáng tạo kia cho một dân tộc thần thánh. Đó là dân tộc Việt Nam của con. Từ khi họ Hùng Vương dựng nước trải gần năm ngàn năm, dân tộc con đã được gặp hiền tài ương. Hơn một ngàn năm ngoại thuộc một thế kỷ vong quốc, kể từ phương Bắc đến, phương Tây sang, kể từ phương Nam lại, ách nước tai trời dòn dập. Mấy phen tổ quốc bị cắt chia. Lọp sóng phũ hưng bao lần đổi lượn, con cháu Lạc Hồng đã mấy thuở hưng vong. Đó chẳng qua là ý Trời muốn

thử xem có kiên gan bền chí, có đủ đức độ tài ba để đảm nhiệm sứ mệnh cao cả sau này chăng. Sứ mệnh quá lớn - lao nếu không có đủ năm đức lớn Nhân-Công-Ái-Tri-Dũng thì không thể hoàn thành được... »

Ánh mắt đạo-sĩ trở nên xa vời, huyền hoặc. Người khoát tay bảo Hoài đến gần, âu-yếm nắm lấy vai. Mấy chòm râu của người rung nhẹ. Hoài nấc lên phục xuống chân Thầy, khóc ngất. Chàng nói đứt quãng qua giòng lệ nóng hổi : « Từ khi được Sư-phụ điểm hóa, lòng đã rửa sạch bụi hồng, đệ-tử không muốn trở về tục-lụy nữa. Đệ tử tâm nguyện chỉ mong được ở bên Thầy sớm hôm hầu-hạ. Dám xin người rộng lượng bao dung. »

Đạo sĩ thoảng vẻ bối rối cảm động. Người đỡ Hoài đứng lên, vuốt nhẹ mấy chòm tóc rũ phất phơ trên trán Hoài, rồi chậm rãi vỗ về :

« — Duyên hội-ngộ còn nhiều. Con hãy an-tâm. Tò-Tiên con đã mấy đời dày công phúc đức, thầy ước mong con sẽ đem hết tâm trí, nghị lực xây dựng thế giới mới căn bản trên đạo nghĩa để khôi phục lòng Trời. Có

một điều con cần ghi sâu vào tâm não : Con là NGƯỜI thì đạo của con là «EAO LAM NGƯỜI». Cúng tế ghi lễ chỉ là để tỏ lòng tưởng-nhớ tiên-nhân, biết ơn Tào hóa. Nhưng trời ở ngay lòng NGƯỜI. Trời không bao giờ xa NGƯỜI. Phạm đến lễ sống của NGƯỜI là phạm đến Trời, giết người là giết Trời. Kẻ tội lỗi không thoát khỏi những hình phạt nặng nề, sa đọa trầm-luân đời đời kiếp-kiếp».

Hoài cúi đầu vâng lĩnh, trí óc miên-man nghĩ đến cuộc chia ly sắp phải rời thạch động, mờ hồ hình dung một thế giới mới, nhưng chưa hiểu ý Thầy muốn sai mình làm gì. Chàng chấp tay toan hỏi thì chợt thấy Thanh-Y đồng tử bung một chiếc quả vàng quý dăng lên, đạo-sĩ nhìn Hoài dịu dàng bảo :

— «Bây giờ thầy cho con ba bảo-vật. Một là «phi thiên mao» khi đội lên đầu thì bay bổng như chim. Từ Đông sang Tây, từ Nam lên Bắc đường xa ngàn dặm chỉ vượt trong nháy mắt. Hai là «nhập địa hải» mang vào chân có thể đi sâu vào lòng đất, thấu suốt cổ kim, biến hóa khôn lường. Ba là «chương ấn tiên phù» dùng để khắc phục

ngũ hành. cái quàn muốn loài động vật. Người có đức độ mới cầm giữ được các bảo vật này. Hễ lòng tham sân tội lỗi, thì bảo vật sẽ biến tan thành mây khói».

Hoài hiểu ý cúi đầu tạ ơn. Ôm bảo vật trong tay, lòng bồi ngùi cảm động. Đạo sĩ ời lên nói tiếp :

— «Con hãy trở về Việt-Nam trước. Cách ba trăm dặm về hướng Nam, con sẽ gặp Quỳnh-Tiên. Nàng là bậc dung hạnh vẹn toàn đã được các Thánh mẫu trên thượng-giới nuôi nấng dạy dỗ. Nàng với con vốn có túc duyên. Con học rộng tài cao, lại có tâm hồn thi sĩ tiêu-diêu phóng-khoáng ; nàng là trang thiên hương, lương duyên tốt đẹp, sau này con cháu sẽ thông minh tài giỏi hưởng phước đức dài lâu». Hoài thẹn đỏ mặt. Đạo sĩ cả cười dặn thêm :

— Rồi đây sẽ có lửa Tam-muội giúp con đốt tan uế-khi đang nhiễm độc địa cầu. Sau đó một trận Đại-hồng-thủy sẽ quét sạch những vết tích xấu xa tội lỗi của trần gian. Thôi con hãy lên đường cho kịp»

Hoài chân chừ không muốn

rời chân. Đạo sĩ dục mấy lần, bắt đắc dĩ chàng phải quỳ lạy tạ từ biệt, chia tay các đạo đồng, rồi khoác dây lên vai bước ra cửa động. Bạch mã đứng đấy tự bao giờ, phe phẩy hai tai mừng hí vang trời. Hoài nhảy phắt lên ngựa lấy phi thiên mao đội vào. Người và vật lơ lửng bay vào không gian. Thạch động khuất dần. Hoài bồi ngùi thương cảm. Từ trên mây cao Hoài thấy bóng dáng địa cầu hiện rõ. Một cảnh quá thương tâm bày ra trước mắt chàng. Địa-trung-hải biến mất, cả Âu-châu chìm xuống lòng Đại dương. Một đường nứt chạy dài từ Ba-tư chẻ đứt Hy-Mã-Lạp Sơn xuyên qua Tây-Tạng, Mãn Châu, vút sang Tây-Bá-Lợi-Á đến tận mũi Tchénouksine. Nước bề tràn vào chia Châu-Á thành nhiều mảnh. Thái - Bình - Dương vòng lên những lục địa mới. Gia-Nã-Đại bị tả rời lấp cả vịnh Hudson. Một vệt cháy sém đen xóa mờ Mễ-Tây-Cơ, Hoa kỳ men theo giải Đại-Thạch-Sơn tiến sang vùng Alaska. Nam-Mỹ bề làm hai mảnh. Phi-Châu rách nát như tương. Tất cả các quần đảo li-ti giữa Ấn-Độ-Dương đều nổi lên cao như chiếc nấm. Xác chết ngổn ngang nằm chất lên

nhau như rơm rạ. không những người bị cháy co-quắp mà ngay cả loài cá và các thú dữ trên rừng cũng phơi thây la liệt. Hoài quay mắt không dám ngó. Thật là khủng khiếp !

Chàng hạ thấp xuống ven bề Việt-Nam. Đất nứt nẻ, các đô thị chỉ còn là một đồng gạch vụn. Giải Trường-Sơn lớp-ngóp bở như muốn lún tránh. Vừa đặt chân xuống đất, chàng đã thấy bóng Quỳnh - Tiên từ từ tiến lại. Bốn mắt nhìn nhau, không ai bảo ai, cả hai cùng ôm chầm lấy nhau. Giọng Quỳnh Tiên rên rỉ ; - « Thật là khủng-khiếp ! Em sợ quá. »

— « Thật là khủng - khiếp ! » Hoài lặp lại. Hai người dịu nhau lên một đỉnh núi cao. Hoài đưa mắt nhìn khắp phía cố gắng tìm lại căn nhà xưa. Bóng dáng mẹ già đã mất hút chìm bao. Chàng quá cảm xúc bậc khóc vang như đứa trẻ : — « Mẹ đâu Duy đâu ? Nhân loại đã đi về đâu ? ! ». Tiếng kẻ lẽ nấc lên nghẹn dần trong cổ họng Quỳnh-Tiên ôm lấy Hoài vuốt ve an ủi. Chợt bốn phương lửa dậy ào ào. Lửa nóng hàng mấy triệu độ, lan đến đâu đốt tiêu đến đấy. Lửa phừng-phục suốt bảy ngày đêm mới tắt. Theo

chân lửa nước dâng cao ngập núi non, cuốn phăng các tro tàn nhơ bẩn. Nước bời sâu xuống lòng đất, hút đi tất cả những gì lửa chưa đốt sạch. Năm ngày sau nước rút đi, để lại trên mặt đất một lớp phù sa màu mỡ. Theo luồng nước mới tôm cá tràn về ngập cả hồ ao sông bể. Cây cối bắt đầu nảy mầm mọc lại tươi tốt lạ thường. Hoài và Quỳnh - Tiên ngồi trên ngựa vạch mây nhìn xuống không khi đã trở lại hiền hòa. Cảnh sắc lung linh chớp chòn trong nắng ấm Quỳnh Tiên ngã đầu vào vai Hoài mỉm cười duyên dáng.

Mười ngàn năm sau quả Đất đã có đông người ở. Nhưng tuyệt nhiên không phân chia quốc gia, biên giới. Người sống với nhau trong tình thương rộng lớn. Ai cũng tận lực làm việc, xem như một bốn phận thiêng liêng, vì thế mà của cải trở nên phong phú, nhân loại không còn bao giờ đói rách. Đi đường không lợm của rơi. Đêm tối không cần đóng cửa. Không Thánh đường, không Chùa chiền miếu vũ, không phân chia màu da tôn giáo. Nếp sống rất văn minh nhưng vô cùng đạo đức. Con người không

bị biến thành cái máy. Thế giới không chính phủ, không có quân đội, không thu thuế, không bắt bớ giam cầm. Trên cao tuyệt đỉnh chỉ có hội đồng các bộ lão, niên cao, trí túc, họp mỗi năm một lần về mùa Xuân để các con cháu từ bốn phương quây quần về chúc thọ. Và cũng để truyền thụ cho con cháu cái ý nghĩa cao siêu của « ĐẠO LÀM NGƯỜI ». Đó là ba chữ được khắc sâu vào sườn núi đá cao nhất thế giới. Dưới chân núi sừng sững một ngôi đền cao hơn ngàn thước. Trong đền có tượng của bậc học Nguyễn-Vũ-Hoài ngồi với Quỳnh Tiên trên lưng Bạch mã. Mỗi năm, hàng trăm triệu người trên khắp thế giới, bất kể già trẻ lớn bé bệnh hoạn tật nguyền đều dùng phi thuyền siêu tốc đặc chế theo hình Bạch-mã, lũ lượt kéo nhau về đền Tổ cúng bái. Họ thường kể cho nhau nghe một cách thần ái và trang trọng rằng Tổ Tiên họ là dòng dõi Thần Tiên.

TRẦN-LÊ-NGUYỄN-VŨ



LÀ THU ẮN ĐỘ

Ý nghĩa về những ngày lễ nghỉ và hội hè tôn giáo của Ấn Độ

★ XUÂN-BÌNH
(Bihar - India)

(tiếp theo P.T. 254)

JANMA ASHTAMI (tháng 8-9). — Janma, từ ngữ Ấn độ, nghĩa là sinh. Ashtami là ngày thứ 8 của tháng âm lịch. Janma Ashtami là lễ sinh nhật của thần Krishna, vào ngày mùng 8 tháng 6 Ấn lịch. Theo thần thoại, Krishna là hóa thân của thần Vishnu, và là một trong những thần Ấn giáo phổ thông nhất. Dân chúng tin rằng Krishna giáng trần để diệt ác vương Kansa xứ Mathura, nay thuộc bang Uttar Pradesh (Đông-bắc Ấn). Tại Mathura,

Krishna đã sống và lớn lên nhờ sự giúp đỡ, chăm sóc của những trẻ chăn bò và những nàng thôn nữ Gopis (vắt sữa bò). Krishna thường được miêu tả qua hình ảnh một chàng thanh niên trẻ, đẹp trai, có nước da màu xanh da trời, với ống sáo cầm tay. Lễ chính thức bắt đầu lúc 12 giờ đêm, vì dân chúng tin rằng Krishna đã sinh vào giờ đó. Ngày nay tại các đền chùa Ấn giáo cũng như địa điểm hành lễ, người ta tổ chức những buổi văn nghệ để diễn

lại lịch hủ thần Krishna. Đặc biệt tại những vùng lân cận Mathura, nơi sinh của Krishna, dân chúng tổ chức lễ rất đình đám.

Ở bang Maharashtra, vào dịp này, những trẻ nghèo thường tụ họp nhảy múa, từng đoàn kéo nhau đi tìm đập vỡ lạy sữa chua đặc đựng trong các bình đất được người ta treo sẵn dọc đường phố, vì họ tin rằng rằng lúc sinh thời Krishna đã làm như thế. Ở miền Nam Ấn, cũng có những trò chơi tương tự như vậy. Người ta dựng những cột bó tron mớ, và treo trên đỉnh cột một hủ đất có đựng tiền và lụa. Những trẻ nhỏ mặc đồ giống như Krishna cố gắng bảm cột treo lên đỉnh để đoạt lấy giải thưởng trong khi khán giả phun, tạt nước vào chúng và reo hò. Tôi nhớ hồi còn nhỏ ở quê nhà, mỗi khi có hội hè lớn, dân làng thường tổ chức trò chơi leo cột mớ này

MUHARRAM (tháng 8-9). — Ngày tin đồn Hồi giáo tưởng nhớ vị Thánh tử đạo của họ là Hazrat Imam Hussain, nhưng được xem như ngày lễ của Ấn độ vì ý nghĩa đạo đức của nó, cũng như sự tham gia rộng rãi của đa số dân chúng Ấn trong

ngày này. Thời gian lễ vào khoảng 10 ngày đầu tháng Muharram tức tháng giêng niên lịch Hồi giáo. Hazrat Imam Hussain là con của Hazrat Ali và Fatima và là cháu nội của giáo chủ tiên - tri Mohammed. Hussain bị giết chết cùng với toàn gia đình (Hazrat Ali) ngày 10 tháng Muharram, khi ông giao chiến với những lực lượng của Yazid. Đặc biệt tại thành phố Lucknow, nơi hiện còn nhiều di tích lịch sử Hồi giáo, dân chúng tổ chức lễ này rất trọng thể để tưởng niệm vụ thảm sát trên. Người ta làm những mộ phần Imam Hussain bằng gỗ hoặc giấy rất đẹp, kiệu rước, diễn hành qua các phố, và sau cùng đem chôn chúng ở vùng đất trống gọi là Imambaras. Các nơi khác ngoài Lucknow, những ngôi mộ giả này, sau buổi lễ rước, chúng được đem chôn ở nghĩa trang trong vùng gọi là Karbala. Cỗ ngựa Dul Dul, tượng trưng ngựa của Hussain dùng ngày trước cũng được trưng bày trong đám rước. Các nhà đô vật và thể thao cũng diễn lại chiến Karbala để kỷ niệm vào dịp lễ này.

GANDHI JAYANTI (2 tháng 10). — Lễ sinh nhật Thánh

Gandhi. Ngày này, khắp nơi nhiều buổi lễ cầu nguyện tập thể đại chúng được chính quyền tổ chức để tưởng niệm nhà đại ái quốc, lãnh tụ của Ấn độ. Đặc biệt ở Tân Đề Li, ngày này không đảo quần chúng gồm đủ các tôn giáo đến viếng thăm mộ phần của Thánh Gandhi để hành lễ và tụng kinh.

DASSEHRA (Tháng 9-10). — Dassehra, một trong những ngày lễ chính của Ấn độ, tương trưng cho Thiên thắng Ác. Bằng nhiều hình thức khác nhau, lễ này được dân chúng khắp nơi tung bừng tổ chức kéo dài đến 10 ngày. Lễ Dassehra phát xuất từ thần thoại sau đây. Rama, hóa thân thứ bảy của thần Vishnu, sinh tại Ayodhya (Uttar Pradesh) bị lưu đày xa xứ với vợ là Sita trong 14 năm. Ngày nọ, nhân dịp Rama bị vắng ác quỷ mười đầu Ravana, vua xứ Lanka (Tích Lan) đến cướp Sita mang đi. Rama tức tốc đi tìm vợ, và đại chiến xảy ra giữa chàng với Ravana. Sau cùng, Rama cầu cứu nữ thần Durga giúp sức, thắng diệt được Ravana và đem Sita về lại kinh đô. Do đó, Dassehra là ngày lễ kỷ niệm nữ thần Durga (hay nữ thần chiến tranh) và Rama tiêu

diệt ác vương Ravana. Cũng là ngày thiện thắng ác, chính thắng tà.

Tại các tỉnh miền Bắc Ấn, vào dịp này, trận chiến Rama với Ravana thường được những vũ nam đeo mặt nạ trình diễn trên xe hoa rước ngang qua các phố. Sang ngày thứ mười, cuộc lễ càng trở nên vui náo. đặt đến điểm cao nhất của nó. Ba tượng ác quỷ lớn làm bằng đất Ravana mười đầu, Meghnada và Kumbhakarna được dựng lên và bọc quanh bằng pháo nổ. Buổi lễ kết thúc khi Rama bắn tên lửa vào tượng ba ác quỷ trên làm pháo nổ tung trên thân xác chúng. Mọi người đứng xem vui sướng reo hò khi thấy ba ác quỷ đã bị giết chết. Ở tiểu bang Bengal (Đông Ấn), người ta đắp những tượng nữ thần Durga rất đẹp để hành lễ trong 9 ngày. Sang ngày thứ chín họ tổ chức rước thần tượng trên diều qua các phố và sau cùng đem chìm nó xuống hồ hoặc sông. Tại miền núi như thung lũng Kulu gần Hi Mã Lạp Sơn, dân sơn cước tổ chức lễ với nhiều hình thức sắc sảo như ca hát, vũ múa v.v... Vào dịp này, những vị thần làng được họ rước kiệu đi quanh vùng và người ta giết súc vật để cúng tế các thần đó. Ở thị

trần Mysore (Tây Ấn độ), ngày lễ trên cũng được dân chúng tổ chức rất linh đình. Nhiều đám rước có voi trang sức rực rỡ dẫn đầu đi qua các phố được chưng kết đẹp để những bông hoa cờ xí.

DIWALI (tháng 10-11).

- Ngày lễ tưởng niệm nữ thần Lakshmi, thần của giàu sang và thịnh vượng. Theo thần thoại Lakshmi, vợ của thần Vishnu, hiện sinh ra từ đại dương. Bông sen là hình ảnh tượng trưng cho nữ thần này. Do đó, dân Ấn thường vẽ hoặc đắp tượng nữ thần Lakshmi đứng trên tòa sen với bông sen cầm ở tay phải, trông hơi giống tượng Quan Thế Âm Bồ Tát bên ta. Mừng lễ này, ban đêm mọi gia đình Ấn giàu lẫn nghèo, đều thắp đèn dầu dĩa, hoặc đèn sáp quanh trước thềm nhà. Thắp càng nhiều càng tốt vì dân chúng tin rằng nhà nào không thắp đèn sáng, sẽ không được nữ thần chiếu cố phù hộ. Người ta cũng đặt trước thềm cửa những dĩa bột gạo để cúng thần và đốt pháo nổ; pháo bông suốt đêm lễ. Các tiệm buôn, hiệu sách thường có tục lệ khai trương cửa hàng của họ vào dịp này để cầu mong làm ăn phát tại.

GURPARB (tháng 10-11).

- Lễ sinh nhật của Guru Nanak (1469-1539), giáo chủ đạo Sikh. Từ ngữ Sikh, phát sinh từ căn ngữ Syanskrit « Shishya » có nghĩa là môn đồ hay đệ tử. Đạo Sikh chủ trương Nhất thần, tin chỉ có một đấng Thượng - đế. Nhưng Thượng đế ở đây là Chân lý tối thượng, không phải đấng toàn năng toàn tri hoặc siêu chúng sanh như nhiều tôn giáo nhất thần khác chủ trương. Giáo lý của Guru Nanak đã giúp Ấn và Hồi giáo bớt cố chấp thiên cận trong chủ thuyết của họ. Nhờ vậy, ông ta được tin đồ cả hai đạo trên sùng kính. Adi Granth hoặc Granth Sahib được xem như bộ sách căn bản bao gồm toàn bộ giáo lý của Guru Nanak và chín môn đệ của ông. Lễ Gurpard được tổ chức trọng thể tại Amritsar, bang Punjab và Haryana (Bắc Ấn) và Patna, bang Bihar (Đông-Bắc Ấn) là những nơi tín đồ đạo Sikh xem như Thánh địa của họ. Lễ kéo dài đến hai ngày đêm và toàn bộ Granth Sahib được tin đồ của Guru Nanak tụng liên tiếp từ đầu đến cuối. Người ta còn tổ chức cung nghinh bộ kinh trên diễu hành qua các phố trong dịp lễ

này. Theo thống kê năm 1961 Ấn độ hiện có khoảng 8 triệu người theo đạo Sikh.

TẾT NHI-ĐỒNG (14 tháng 11)

- Cũng là lễ sinh nhật của cố Thủ tướng đầu tiên của Ấn độ Jawaharlal Nehru. Ngày này được chọn làm ngày Tết Nhi Đồng, vì sinh thời Nehru rất mến thích trẻ con.

CHRISTMAS (25 tháng 12).

- Lễ Chúa Jesus Christ giáng sinh. Ngày này, ở các đô thị lớn như Calcutta, New Delhi v.v... tại các nhà thờ đều có tổ chức nhiều cuộc lễ lớn với sự tham gia đông đảo của tín đồ Thiên chúa. Lễ chính thức Chúa giáng sinh bắt đầu vào nửa đêm 25. Mọi gia đình Thiên chúa đều dựng cây Noel trong nhà và trang hoàng phố xá đẹp đẽ. Ngày lễ cũng được tham gia bởi nhiều tín đồ các tôn giáo khác, như Ấn Hồi giáo v.v...

Ngang đây, tôi muốn ghi thêm vài chi tiết đặc biệt để các bạn đọc giả nhà rõ hơn và buổi lễ rước tượng Thần (God) ra sông mà tôi đã nói trên. Tùy địa phương, thời gian có thể khác nhau, nhưng hầu hết khắp nơi, lễ rước này thường được tổ chức vào buổi khoảng 5 chiều hoặc 6 giờ, là lúc đoàn rước bắt đầu rời

địa điểm hành lễ để diễu hành ra sông, mãi đến 11, 12 giờ, khuya hơn nữa mới kết thúc sau khi tượng God được nhận chìm xuống nước. Tháng 10 năm ngoái tại Lucknow, tôi may mắn được ban tổ chức mời dự lễ rước nữ thần Durga, nhân dịp tôi viếng thăm thành phố trên lần thứ hai. Trước 5 giờ tôi đã có mặt tại địa điểm hành lễ. Khoảng gần 5 giờ 30 cuộc rước bắt đầu. Dẫn đầu đám rước là ban nhạc gồm độ 30 người, mặc đồng phục quần trắng, áo đỏ. Nhạc cụ là những chiếc kèn đồng và trống mang ở vai, đủ loại, lớn có, nhỏ có. Đại để hơi giống ban nhạc giàn chào lên ta, xử dụng trong các cuộc lễ của chính phủ. Vừa đi họ vừa đánh trống thổi nhạc. Tiếp theo là những chiếc xe hoa trang hoàng đầy cờ giấy ngũ sắc rực rỡ, và trưng bày với nhiều tượng thần, ác quỷ vẽ sơn màu hoặc đắp bằng đất sét cao hơn thước, trang sức qua y phục khác nhau dựa theo tích sử trận chiến giữa Rama và quỷ Ravana trong các thần thoại Ấn xưa. Rồi đến chiếc xe hoa chính có đặt tượng nữ thần Durga đứng trên mình sư tử.

Tượng đắp bằng đất cao khoảng non 3 thước, chạm vẽ sơn màu, trang điểm rất đẹp với mười cánh tay to lớn giang ra hai bên thân phải trái, trông thật oai nghi, hùng dũng. Trong mỗi cánh tay, nữ thần cầm mỗi loại vũ khí khác nhau, nỏ, gươm, búa, rìu, cung, tên, cày, răn nữa v.v.. Trước mặt tượng nữ thần, trên bàn đầy ắp những bông hoa quả phẩm, đủ màu sắc xanh, vàng, trắng, đỏ với nhan đèn thấp sáng, khói hương nghi ngút. Tiếp theo là một chiếc xe hoa lớn khác được trang hoàng như hoàng như một sân khấu nhỏ, trên đó các thiếu niên nam nữ, mặt mày phấn sáp, xiêm y rực rỡ, đang uyển chuyển múa hát theo nhịp trống kèn. Hàng chục ngàn người, không hàng ngũ, chậm rãi đi theo đoàn rước, kéo dài hàng mấy cây số. Ngoài đường, trước phố, trên cửa lầu các tiệm, đầu đầu cũng tràn ngập những người, đang đứng chờ để cùng nghinh đám rước. Mọi người nhất là các bà, các cô, ai nấy đều tỏ vẻ hết sức sùng kính, chấp tay vái đầu khi xe hoa tượng nữ thần đi ngang. Đoàn rước đi thỉnh thoảng ngừng lại vài phút ở một ngã tư. Nhiều kẻ đến đốt nhang đèn khấn bái, tung hoa vào

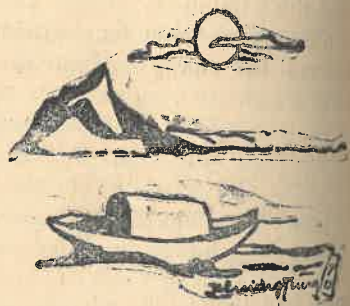
tượng nữ thần. Đoàn rước lại tiếp tục đi giữa tiếng nhạc, tiếng trống, tiếng pháo nổ vang rền tạo nên một không khí thật huyền ảo, tung bừng, vui nhộn. Gần 12 giờ khuya, đám rước mới đến bờ sông. Và buổi lễ kết thúc sau khi tượng nữ thần Durga được thả chìm từ từ xuống nước...

Trên đây là sơ lược ý nghĩa một số ngày lễ và hội hè tôn giáo áp dụng chung cho toàn khắp Ấn độ. Ngoài ra, có những ngày lễ và hội hè mang màu sắc địa phương từng vùng hoặc tiểu bang, tôi sẽ tường thuật cùng các bạn vào một dịp khác.

Viết xong tại Ấn-độ, ngày 10-9-1970

XUÂN-BÌNH

(Nalanda Research Institute Bihar - India)



NÀNG TIÊN CÂY TÁO

Truyện cổ xứ Bohémie

TRUYỆN THUẬT LẠI

(tiếp theo P.T. 254)

THẤY mặt ông cụ hoàng phủ thủy hồi :

— Sao ông không tìm ra chúng à ?

— Hừ ! ai biết chúng ở đâu mà tìm bây giờ ! Tôi đã bay một quãng đường xa song chỉ gặp một gã nông dân đang canh ruộng lúa mì của gã.

— Ôi chao ! sao mà ông khó nhạo thế ! Chính là chúng nó đã biến hóa ra đây; hãy đuổi theo mà bắt chúng về, nhanh lên !

Ông vua phủ thủy vội tuân theo lệnh vợ (vì ông ta vốn thuộc đảng ... thờ bà.)

Một lát sau, Otolienka lại bảo người bạn đồng hành :

— Chàng ơi, chúng ta lại đang bị đuổi theo nữa đấy ! Chàng hãy quay mặt nhìn ra phía sau Lan.

— Anh chỉ thấy một đám mây đen.

— Thế thì chúng ta hãy dừng lại !

Tiếp theo, Otolienka làm phép trấn Chourina thành một lão đạo sĩ và mình thành một ngôi đền.

Ông vua phủ thủy đến nơi, ngoác miệng ra hỏi :

— Này ông đạo ! Ông có thấy một cặp trai gái nào đi qua đây không ?

— Không ! Mặc dù đã già ngần này, bản đạo chưa từng thấy một cặp trai gái nào đi

qua đây kể từ khi ngôi đền này được kiến tạo cho tới giờ !

Ông vua phù thủy lại cúi thủ trở về cung điện, mặt cúi gằm xuống đất.

Thêm một lần nữa, cái giọng the thé của mẹ hoàng hậu phù thủy lại cất lên, day nghiêng :

Thế nào ? Lại vẫn thất bại à ? Sao mà ông vô tích sự thế !

Trước thái độ gắt gỏng và hỗn hào của bà vợ, ông vua phù thủy đã tiu nghỉu lại càng thêm tin nghỉu. Một tay gãi mang tay, ông ta ấp úng kể lại cho bà vợ hay về sự tình của cuộc đuổi bắt lần thứ hai. Nghe xong, mẹ phù thủy đã tức giận tại càng thêm tức giận. Mẹ trợn mắt, la lên :

— Sao mà ông khờ thế !

Đoạn, đưa tay đẩy ông chồng say một bên, không nói không rằng, mẹ chụp lấy đôi giày phù thủy mang vội vào chân và phóng mình nhảy ra cửa sổ, dăng vùn bay vút như đại bàng.

Một lát sau, nhờ chiếc má bên trái báo hiệu, Otolienka đã hay biết về cuộc truy nã của bà mẹ phù thủy. Nàng thổ lộ bảo Chourina :

— Chàng ơi ! Lần này chính mẹ em đang đuổi theo chúng ta đó ! Chàng hãy quay lại nhìn xem.

— Em đoán đúng lắm : mẹ em đang đuổi theo thực ! Bà phi nhanh như gió !

Otolienka vội bảo người yêu tăng thêm tốc độ trong lúc nặng trĩu chân lại, dùng chiếc đũa phép gõ lên mặt đất ; một cái đầm nước hiện ra, và Otolienka rùng mình hóa thành một con vịt lội xuống đầm bơi lội tung tăng.

Nhưng cái trò biến hóa đó không qua nổi mắt mẹ phù thủy. Mẹ nghiêng răng nói :

— Hừ ! mi định lừa gạt mẹ mi sao ? Mi nên nhớ : áo mực không qua khỏi đầu !

Nói đoạn, mẹ cúi xuống tháo đôi giày phép để trên bờ đầm bắt « Cô con gái cứng » của mẹ, giờ đây đang hóa thân làm một con vịt bơi lội tung tăng.

Otolienka chỉ chờ có thế ; nàng đợi mẹ tới gần đoạn phóng ngay một mạch lên bờ hiện trở lại nguyên hình, cúi lượm đôi giày phép mang vào chân và tạm biệt !

Mẹ phù thủy giận đến sùi bọt

mép. Mẹ ngoác miệng la the thé :

— Hừ, con nhỏ bất hiếu ! Mi dám chống lại mẹ mi ! Ta nguyên cho mi một điều đây : chừng nào mà thằng bé Chourina ôm hôn một người đàn bà nào khác, nó sẽ quên mi ngay tức khắc ! Hai đứa mi sau đó sẽ phải xa cách nhau trong vòng bảy năm... Và khi mi gặp lại nó, ta cầu chúc cho mi được nhìn thấy nó ở trong tay một cô gái khác ! ...

Tặng xong lời nguyên độc địa cho chính đứa con gái út của mình, mẹ phù thủy quay lưng trở lại lâu đài. Lần này vì đã mất cả đôi giày phép lẫn chiếc đũa phép, mẹ phù thủy hết... phép, đành phải cuộc bộ một quãng đường dài cực kỳ gian nan vất vả, đến nỗi mà, một khi đã về đến nhà, mẹ đâm ra quên bẵng hết những câu thần chú đã làm mẹ trở thành phù thủy ; thế là từ đó cứ đi đến suốt đời, mẹ hoàng hậu phù thủy đã chẳng còn sử dụng được pháp thuật để tác oai tác phúc với bất cứ một ai ! Âu đó cũng là một điều may mắn lớn cho những người dân lương thiện vậy !

Hết cuộc Chourina và Otolienka đã đi đến đích của cuộc hành trình của họ xứ sở của

hoàng tử Chourina.

Tay trong tay, hai người bạn trẻ vừa đi vừa ca hát. Đến một nơi nọ, Chourina nhìn thấy một lão thợ rèn đang ngồi thiu thiu ngủ trong một chiếc ghế dựa đặt trước hiên nhà lão, và chàng cất tiếng hỏi :

— Bác ơi ! Ở nước ta lâu rày có xảy ra chuyện gì lạ không, hả bác ?

Lão thợ rèn đáp :

— Cũng chẳng có gì lạ ! Duy có điều là nhà vua của chúng ta đã băng hà rồi ! Còn các vị trong hoàng tộc thì tranh giành gây gỗ nhau, ai cũng muốn lên kế vị ngai vàng. không ai chịu nhường ai, cho đến bây giờ ngai vàng vẫn còn bỏ trống !

Được tin hung, Chourina bật khóc òa. Đoạn chàng bảo người yêu :

— Thôi em hãy tạm ở lại đây, chờ anh. Anh trở về gặp mọi người trước ; mọi việc xong xuôi rồi anh sẽ trở lại đón em !

Nhớ đến lời nguyên của bà mẹ ruột, Otolienka tê tái nói :

Hỡi ôi ! Nhưng mà chàng sẽ quên em !

Chourina bảo cho người yêu

biết rằng sự lo sợ của nàng thực vô căn cứ, rằng chàng biết rõ mối tình chân thành tuyệt đối của mình hơn ai cả. Chàng hứa rằng sẽ không để cho bất cứ một phụ nữ nào dù già dù trẻ ôm hôn mình. Như vậy, chàng kết luận, nàng có thể yên tâm, vì lợi nguyên kia sẽ không có điều kiện để thực hiện... Dứt lời, chàng tạm biệt nàng, hẹn rằng sẽ trở lại đón nàng ngay sau khi về đến cung điện để cho mọi người hay biết sự hiện hữu của mình.

Nơi cung điện của vua Ngu, Chourina đã được bà hoàng hậu mẹ chàng đón tiếp với biết bao mừng rỡ. (Dĩ nhiên là thế.) Bà mẹ muốn ôm lấy cậu con trai yêu quý vào lòng để ve vuốt, nựng nịu cho thỏa tình thương mong nhớ, nhưng Chourina đã nhẹ nhàng gỡ tay mẹ ra trước khi bà kịp ôm lấy chàng. Toàn thể mọi người trong hoàng tộc cũng như trong triều đình đều hân hoan mà đoán tiếp sự trở về của chàng, kẻ duy nhất có đủ tư cách lên kế vị cái ngai vàng từ lâu bỏ trống, đều đó làm chấm dứt mọi sự tranh dành chia rẽ từ bấy lâu nay đã khiến cho bầu không khí của hoàng tộc

cũng như của triều đình trở nên ngọt ngào, bất lợi cho tất cả mọi người. Cuộc tiếp đón diễn ra khá lâu và trong thời gian đó, Chourina đã vô cùng thấp thỏm, lòng chỉ những lo cho người yêu đang khắc khoải đợi chàng trở lại.

Song cuối cùng thì cuộc lễ tiếp đón cũng kết thúc và vị tân vương, sau một ngày mệt mỏi, đã bất giác nhắm mắt ngủ thiếp đi một hồi lâu trong lúc chàng chỉ tự nhủ là sẽ nghỉ ngơi trong giây lát để có đủ sức khoẻ mà lên đường trở lại chốn cũ tìm người yêu của mình. Rồi cho chàng và rồi cho nàng ta trong cái khoảng khắc ngủ thiếp đi vì mệt mỏi đó, một tai họa vô tình đã xảy ra ! Vì bà hoàng hậu bà mẹ lợi dụng khoảng khắc này, đã âu yếm ôm lấy cậu con trai trong giấc mơ nồng mà hôn lên trán !

Lập tức lời nguyên của mẹ phù thủy liền thực hiện : Chourina quên phứt mất người yêu !

Otolienska chờ, chờ rất lâu, và cuối cùng nàng hiểu rằng số phận của nàng đã bị định đoạt trong một chiều hướng thật thảm nhất !

Như thế, trong bảy năm trường ! biết bao nhiêu giờong nước đã chảy qua cầu, biết bao nhiêu giờong lệ đã tuôn từ đôi mắt người xuân nữ !

Cuối cùng, vào cái ngày cuối cùng của bảy năm cách biệt, Otolienska rời khỏi khu rừng mà nàng đã nương máu để cất bước đến nơi vườn ngự uyển; ở đó, nàng gỡ chiếc đĩa phép, tự hóa thành một cây táo sum suê. Chẳng bao lâu cây táo sản sinh những quả chín trĩu cành. Vị tân vương hết sức ưa chuộng những trái táo đó. Mỗi lần ăn chúng chàng nghe một mùi vị ngon ngọt tuyệt vời thấm vào miệng lưỡi. Trong lúc một, hương vị thương nhớ nàng mang thấm đượm tâm hồn chàng lạ làm sao, hương vị của những quả táo này đã gọi trong tâm hồn chàng một cái gì u hoài khôn tả, như nỗi nhớ nhung những kỷ niệm rất đời thần tiên êm dịu tuy rất đời mơ hồ.

Nhiều năm tháng đã trôi qua, những vị tân vương đã dường như tuân theo một mệnh lực, một mệnh lệnh huyền bí của tâm hồn chàng từ khước tất cả mọi mối tình yêu của tất cả mọi người con gái đẹp mà địa vị cũng như nhân phẩm cao quý

của chính chàng đã đem đến cho chàng.

Và cứ thế, Chourina đã kéo dài một kiếp sống cô đơn giữa cung vàng điện ngọc !

Cây táo trong vườn ngự mỗi ngày một lớn, một sum suê, đến nỗi một ngày kia bà hoàng hậu đã phải yêu cầu con trai chặt bỏ. Bà nói :

— Con à, con hãy giúp mẹ chặt bỏ cây táo đó. Khổ quá ! nó mọc ngay nơi cửa sổ phòng mẹ, che kín cả, làm mẹ chẳng còn trông thấy hoa cỏ gì !

Chourina từ chối lời yêu cầu của bà hoàng hậu mặc dù chàng yêu mẹ vô cùng. Song le, một ngày kia, với một nỗi tê tái trong tâm hồn, chàng đã đành phải quyết định chiều theo ý mẹ, nguyên do vì cây táo, mỗi ngày một lớn rậm, đã thực sự trở nên một ám ảnh tai hại cho bà. Nhưng Chourina không muốn giao cho ai khác làm công việc đó : chàng muốn tự tay đốn « cây táo thương yêu của lòng mình ». Với một chiếc rìu cầm tay, Chourina nảo nề bước đến bên cây táo... Nhưng, một khi đã đứng đối diện với cây, Chourina đã không đủ can đảm để hạ thủ. Nước mắt chảy ròng ròng, chàng đành buông chiếc rìu xuống; và một cánh bất giác chàng dang hai tay ôm lấy gốc

cây táo mà đặt lên đó một cái hôn

Gã làm vườn của hoàng cung, có mặt tại đó, kinh ngạc lắm lắm.

Hỡi ôi ! Hoàng thượng đã uống quá nhiều rượu trong những ngày gần đây, ngài sắp sửa điên tới nơi rồi !

Nhưng gã càng kinh ngạc hơn trong khi theo dõi sự diễn tiến ! Gã lắm bầm tiếp :

— Kia ! Cái gì thế ? Có ma quỷ thực chăng ? Hay là mắt mình đã trông lầm ?

Là vì, trước mắt gã làm vườn, cây táo mà vị hoàng đế đang ôm hôn, thoảng cái đã hóa thành một thiếu nữ ! Một thiếu nữ đẹp tuyệt vời, như thể nàng tiên vậy !

Kinh hoàng, gã làm vườn vội chạy xốc tới, ý chừng để giúp vị hoàng đế của gã hạ sát « con tinh cây táo » đang hiện hình để làm hại nhà vua !

Nhưng không ! Vì vị hoàng đế của gã đang vừa « mắt khóc miệng cười » vừa ôm chặt lấy « con tinh cây táo » trong vòng tay với muôn vàn âu yếm ; và khi nhìn thấy gã, vị hoàng đế

đã đã tươi cười thuật tự sự cho gã hay, rằng «nàng» không phải là yêu tinh quỷ quái mà là một vị công chúa con vua láng giềng, và rằng «nàng» chính là người yêu duy nhất của ông (hoàng đế) vậy !

Gã làm vườn vốn thông minh và... tế nhị. Sau khi được vị hoàng đế trẻ tuổi giải thích, gã liền lượm chiếc rìu lên, cúi chào vị hoàng đế (và người yêu của ông) đoạn rút lui... có trật tự, nhường khu vườn ngự nên thơ lại cho phút đoàn viên của... cặp tình nhân. Vừa rút lui, gã vừa lắm bầm, lặn nầy thì với nọ cười vui vẻ trên môi :

— Hừ ! Chuyện thực là kỳ lạ, cứ y như là trong tiểu thuyết thần thoại của xứ Bohème ! Một cây táo mà lại hóa thành người yêu của nhà vua ! Nhưng nghĩ cho cùng thì cũng chẳng sao : điều quan trọng là nhà vua sẽ kết hôn ; như vậy, bà thái hậu sẽ vui lòng, và tất cả một người trong nước cũng được hưởng điều vui vẻ ! Còn như người yêu của nhà vua có phải là do một cây táo hóa ra không thì cũng chẳng sao : điều quan trọng là nàng rất đẹp, đẹp như tiên nữ trên trời...

Mã Đen, 14-6-1670.

TRỤ-VŨ

Biết đến bao giờ ?...

Sóng núi đang trong cảnh tối tăm:

Non sông cao vợi bốn ngàn năm.

Hiển dằng TÔ-QUỐC nhiều xương máu.

Tiếp diễn thường xuyên năm tháng năm.



Chiều lại chiều đi ai mãi trông

Bồng con hóa đá khóc trông chồng.

Âm vang sóng thét gào tan nát.

Biết đến bao giờ thôi hết giông.



Xin trả về đêm sao hồi sao.

Ta nghe đau nhói máu dằng trào.

Bởi nghe tiếng Quốc buồn ma mác.

Soi sáng tôi về hỏi bóng sao.



Hy vọng ngày mai trời tươi sáng.

Cho đàn con trẻ bỏ khăn tang.

Cho muôn chim hót mừng nắng ấm.

Cho mẹ già tôi thôi thở than.

TRẦN-BÁ-PHƯƠNG

(Gia đình Bụi đời P.N.L.)

Người chó sói

● HOÀNG-THẮNG kể

Nó đã nhiều lần nghĩ như vậy, nhưng chưa bao giờ nó được thỏa mãn sự tò mò. Mà nó hỏi ai bây giờ ngoài đàn chó sói, bạn bè của nó? Ngay nó cũng không biết nói, Chỉ biết hú thôi. Tiếng hú của loài chó sói. Như vậy thì nó cũng là chó sói rồi còn gì! Nhưng không... nó không có đuôi, mình nó không có lông, đầu có tóc màu nâu ngô và tai không dựng đứng như loài bốn chân kia. Nó cũng chạy, cũng nhảy như lũ chó sói nhưng thỉnh thoảng nó còn đứng thẳng lên để bằng hai chân được. Như thế nó khác hẳn bạn bè nó chứ? Vậy mà nó vẫn sống chung đụng với bọn kia, cũng xé mồi, ăn sống nuốt tươi, nhai ngấu nhai nghiền và những

khi đói mỗi cũng hú lên, những tiếng hú ngân vang trong đêm khuya tịch mịch.

Đời sống của nó bình thân giữa bọn chó sói luôn luôn sửa, cần ăm ỹ. Con nọ cần cần con kia, nhưng đặc biệt đối với nó thì bọn kia lại quý mến. Có lẽ lại có hơi khác loài chăng?

Nhưng một hôm, đoàn chó sói và nó vượt khu rừng để đến chỗ ở mới để kiếm ăn mà đời sống của nó bị sáo trộn. Nó đã trông thấy một loại giống, mà lạ thay đầu tóc, chân tay lại giống nó thế. Chỉ khác chăng là nó không đi trong vầy như họ được thôi và móng chân của nó thì dài, cong và sắc.

Sau buổi đó, nó luôn luôn

nghĩ ngợi. Nó không muốn nó cũng bọn chó sói như mọi lần mà chỉ nghĩ ngợi chòm chòm một chỗ để tự ngắm mình; ngắm ba lũ chó sói rồi lại ngừng nhìn những đám mây trắng trôi thông thả trên nền trời xanh trong.

Nó không đi săn mỗi chung với lũ chó sói nữa mà dành thì giờ để trở lại bìa rừng để ngắm «người.» Nó phải núp kín trong một bụi rậm để nhìn về một chiếc nhà sàn. Qua khung cửa lớn, một chú bé con đang chạy, chồm bước. Một người đàn bà ngồi nhìn theo, đôi mắt triu mến.

Nó đã nghiệm ngắm hình ảnh đó. Đêm nào nó cũng mò tới và khi ánh bình minh le lói trên những chòm bay cao, nó lại phóng vút về rừng. Đã một lần, nó phải bỏ chạy ngay khi bị một con chó trong nhà sửa vang khi đánh hơi thấy kẻ lạ.

Trí nhớ của nó lần lần trở lại. Nó mang máng như hồi nó còn bé tí teo, bé như đứa nhỏ bước chập chững trong căn nhà kia, nó cũng đang tập đi và cũng có một người đàn bà

với một bộ mặt hiền dịu như người đàn bà này đã chậm chạp bước theo để đỡ nó lên mỗi khi nó khuyu chân té. Người đàn bà ấy là mẹ nó.

Như vậy nó cũng là người rồi!

Nhưng tại sao nó không ở đây mà lại sống ở trong rừng giữa bọn chó sói hung dữ?

Tại sao nó không nói được mà chỉ biết hú thôi?

À! Nó nhớ ra rồi. Một hôm mẹ nó đi chợ bố nó vào rừng chỉ còn có một mình nó ở nhà thôi. Nó lững thững bước ra sân, và nhanh như chớp, một con chó sói rất lớn phóng lệ tới ngoạm lưng nó tha đi. Nó chỉ kịp hét lên: mẹ! Mẹ rồi thiếp luôn.

Khi tỉnh lại nó thấy mình sống giữa bầy sói hung dữ. Nó sợ hết sức nhưng chính con chó sói tha nó lại rất dịu dàng đối với nó. Khi nó đói, chính con chó sói cái đã cho nó bú sữa.

Thời gian trôi nhanh nó lớn lên giữa lũ sói hỗn tạp. Nó quên hẳn những tiếng Mẹ Mẹ

mà đã một lần nó hét lên như quá sợ hãi. Mỗi lần tranh ăn, nó cũng hăm hừ như lũ sói vậy. Nó không có tập đi mà chạy, mà chồm tới.

Và bây giờ... những giọt nước mắt đột nhiên chảy và nó muốn hét to lên những tiếng Mẹ Mẹ nhưng không được âm thanh từ cổ họng vang ra chỉ là những tiếng hú rợn tai. Tiếng hú uất hận của nó đã làm cho cậu bé trong căn nhà kia khóc thét lên và cánh cửa cũng được đóng kín lại một cách hối hả. Rồi một đым, cũng nơi lùm bụi mà nó từng núp, nó dấn gù quên và khi thức giấc thì trời đã sáng tỏ. Dân làng đã dậy từ lâu, kẻ vác đu vào rừng đào củ chặt cây người vác cuốc ra đồng vun sỏi.

Nó sợ quá vội phóng chạy. Một người trông thấy trì hô lên và mọi người áp lại rượt theo nó. Một chiếc gậy đập trúng lưng nó nằm gục xuống. Nó đau quá không chạy được nữa, đôi mắt đỏ ngầu, nước; bọt sùi hai bên mép. Nó sủa. Nó hú, tiếng tru của nó vang lên đầy uất nghẹn làm dân đồ xô tới.

Mọi người bàn tán xôn xao về con « quái vật » nửa người nửa chó sói này.

Đúng là người mà sao nó lại hú và chạy như loài chó sói ?

Chợt một ông già nhớ lại chuyện cũ vội nói :

— Hay là « con này » là con của bác Sami đã bị chó sói tha đi mất tích cách nay đã mười năm ?

Tất cả những người có mặt đều tán đồng cậu nói đó là đúng. Mọi người đều bàn nên gọi vợ chồng bác Sami tới coi nhưng trước hết hãy trời « con vật » lại cho chắc đã.

Sau một hồi găm gù, rầy rầy dung nó đã chịu nằm yên cho người ta trời lại.

Vợ chồng bác Sami nghe tin vội vã chạy tới coi. Bác Sami gái lặn đám đông để bước tới tận chỗ con quái nằm, nhìn nó, bác không thể làm sao mà nhận được có phải nó là đứa con bị mất tích không nhưng bác cũng cảm động run rẩy khi bác thấy nó nhìn mình trừng trừng. Nó đã thôi hú

ở kia, hai hàng nước mắt đang chảy giải trên khuôn mặt đen hần. Nó đã nhìn ra người đàn bà có đứa con nhỏ còn đang chập cững bước mà nó đang nhìn mỗi tối. Nó đang nghĩ tới mẹ ruột nó. Phải đây là mẹ ruột nó chăng ?

Thôi không còn nghi ngờ gì nữa rồi ? Đứa bé chó sói này chính là đứa con mất tích của bác Sami rồi ! Mọi người đồng kêu lên như vậy.

Bác Sami gái ngồi sụp xuống

vuốt ve nó. Và trước những con mắt ngạc nhiên của mọi người, nó cũng dựa đầu vào chân bác như cầu sinh một sự che chở. Bác Sami đã vội vã cõng trời cho « con », đứa con trai mất tích bây giờ mới gặp lại.

Ngay khi đó, từng trong rừng sâu có nhiều tiếng chó sói tru. Dương là đàn chó sói rừng đang đi tìm kiếm bạn nó đã mất tích từ đêm tối giờ chưa thấy trở lại với đàn.

□□□

Da Đen Làm Sao Trắng

Thí dụ : những dân tộc ở Bắc Phi, họ là những dân tộc da màu (đen) thì không làm sao cho trắng được.

Riêng dân tộc Việt Nam, vốn là dân tộc da vàng. Tuy nhiên, có những người vì phải xê dịch nhiều hoặc vì quá lam lũ làm ăn bị ánh nắng mặt trời thiêu đốt nên màu da đen sạm. Trường hợp này làm cho hết đen được, bằng cách : tuyệt đối ở trong mát 1 tháng, nắng tắm và kỳ rửa mặt bằng khăn nhám.

Ở các nước văn minh có bào chế thứ kem và phấn đặc biệt, dùng nó không bị nắng ăn chỉ hiem giá rất đắt. Ở Việt Nam vừa sống chế được thứ kem và phấn vừa đề trang điểm vừa có công dụng chống nắng như vậy, nhưng giá trị thì rất bình dân. Đó là CRÈME THORAKAO.

Truyện dài đường rừng

CHIẾC VÒNG CỨU MỆNH

● của MẠCH-QUẾ-HƯƠNG

(Tiếp theo P.T. 254)

SÁNG nay, trời trong và đẹp, Hoàng-Ngọc đã bình phục hẳn. Chàng ra ngồi tựa cửa sổ và có dịp quan sát khắp sơn trại.

Những dãy nhà chăn nuôi xây cất rất kiên cố, đề đề phòng thú dữ. Các chuồng bò, lợn, được xây bằng bê-tông. Có nhiều ống dây dẫn nước suối vào rất tiện việc dọn rửa.

Cạnh ngôi nhà sàn xinh xắn, cũng xây bằng bê-tông, có một cái hồ to, chứa nước mưa, hồ có nắp đậy kín.

Những đàn cừu thông thả đi lại trong sân cỏ.

Mộng-Quyên rón rén đến bên cạnh Hoàng-Ngọc nói đùa :

— Anh bình phục là nhờ sữa tươi của chị bò cái nẫu kia. Chị ấy cho sữa nhiều nhất. Anh khoan tay cảm ơn chị ấy đi !

Mộng-Quyên tiếp :

— Hôm nay anh đã khỏe nhiều vậy em hướng dẫn anh đi viếng trại chăn nuôi cho vui nhé !

Hoàng-Ngọc đồng ý rồi cả hai xuống thang gác.

Những người giúp việc ở khắp chàng, họ đều chào hỏi. Bích-Chiều đang vắt sữa sữa trông thấy chàng, nàng tùm cười.

Từ khi Hoàng-Ngọc vào sơn trại, lão Pha-Giai và Mộng-Quyên muốn tránh sự dò xét của Thao-Sơn nên đặt chàng vào trang làm người Lào. Nàng cho chàng những chiếc áo mới và chàng vận xà rôn. Chàng trông giống như anh dân Lào vùng này. Lão Pha-Giai cố dặn chàng khi ai hỏi thì chàng tự xưng là bà con đến đây thăm sơn trại.

Buổi chiều hôm trước, khi gia đình đang dùng cơm, có một người cưỡi ngựa đi ngoài sơn trại. Mộng-Quyên là người đầu tiên nhận ra hẳn : Đó là Thao-Sơn.

Vẽ hãi hùng thoáng hiện trên gương mặt nàng.

Hoàng-Ngọc nhận thấy sự bối rối lo âu của Mộng-Quyên, chàng ngạc nhiên hỏi nguyên do. Nàng chỉ tay về phía người

đàn ông cưỡi ngựa và thốt lại sự gặp gỡ mới đây giữa nàng và Thao-Sơn cùng sự đe dọa của hắn.

Hoàng-Ngọc trấn an nàng :

— Bao giờ anh còn sống trên đời này quyết định không để cho tên cướp rừng cướp núi ấy chạm đến em. Trời đất xui khiến anh đến đây, được phụ thân em cứu thoát chết. Ân này anh xin đáp lại bằng cuộc đời của anh.

Chàng đứng lên, lễ phép thưa với ông Diệp-Tuấn-Phương :

— Thưa bác, cháu xin thề từ nay sẽ bảo vệ đời em Mộng-Quyên khỏi nanh vuốt của Thao-Sơn. Bác có bằng lòng và bác có chấp nhận lời cầu xin của cháu chăng ?

Lão Pha-Giai cảm động siết mạnh bàn tay chàng và khẽ gật đầu.

Trong lúc đó Thao-Sơn cho ngựa chạy chậm vài vòng ngoài đường dốc, sát bên sơn trại. Gương mặt hắn có vẻ bức tức rồi đột nhiên hắn phóng ngựa đi mất dạng.

Hoàng-Ngọc dịu dàng bảo
Mộng-Quyên :

— Bác đã chấp nhận lời cầu
xin của anh. Thôi em hãy vui
lên và đừng bận tâm lo nghĩ
gì nữa. Anh sẽ có cách đối
phó với tên Thảo khấu kia.

— Em xin vâng lời anh dạy
bảo. Từ nay em trút đi được
sự lo lắng bên lòng.

— Hẳn có muốn đấu dao
hay đấu súng, anh cũng vẫn
sẵn sàng. khi anh du học bên
Pháp, anh có học võ và học
đánh kiếm với một vị
giáo sư nổi tiếng về hai môn
này. Vì thế hôm nay anh mới
dám xông pha vào chốn núi
rừng nguy hiểm, trước đề
ngắm cảnh quên sầu, sau nữa
anh cốt thuê thập nhiều điều
hay lạ, giúp ích cho sự nghiệp
anh sau này.

Sau buổi cơm tối ấy,
Hoàng-Ngọc và Mộng-Quyên
nuôi nhiều mộng đẹp tương
lai.

Rồi sáng nay, Mộng-Quyên
đưa chàng viếng qua sơn trại,
chàng vận y phục dân quê
Lào, khiến Bích-Chiều đang

vắt sửa bò tươi, thấy bộ
lưng túng của chàng mà không
thể nín cười được.

— Di Bích-Chiều cười gì
anh đấy ? Bích-Chiều càng
cười to, nàng suýt đánh rơi
bồn sữa.

— Trông dáng đi ngượng
ngập của anh em không thể
nín cười được.

Hoàng-Ngọc cũng vui vẻ
cười theo.

Hai người đi khuất, Bích-
Chiêu tiếp tục công việc của
nàng, nhưng gương mặt ngày
thơ của nàng bỗng thoáng nét
buồn.

Nàng nhủ thầm :

— Tạo-Hóa khéo cợt đùa
chỉ con cho lòng con vương
vấn mối tình tuyệt vọng. Con
thấy lòng con thâm yêu
Hoàng-Ngọc từ khi mới gặp
chàng. Nhưng vì con không
duyên kiếp với chàng nên chỉ
Mộng-Quyên sẽ may mắn đi
vào hạnh phúc. Ngày mai đời
chị ấy huy hoàng rực rỡ. Than
ôi ! Còn con, chắc là con sẽ
chết mòn, ú-rủ, như cành hoa

hiếu nước khi hai người ấy
xây tổ ấm, rời khỏi chốn
sơn cùng thủy tận này ! »

Ngoài kia, Hoàng-Ngọc và
Mộng-Quyên đang vui vẻ trò
chuyện, họ đang hòa nhịp
trong buổi bình minh
trời đẹp. Họ tin tưởng rằng
Thao-Sơn không hay biết về
sự đính ước của họ, họ đã
lên ! Thao-Sơn, một con
người đầy mưu thâm kế độc,
đã rình rập họ từng phút từng
giờ. Hẳn đã tung thật nhiều
tiền ra mua chuộc một tên
giúp việc trong sơn trại của
Mộng-Quyên và không một
người nói, không một cử chỉ nào
của Hoàng-Ngọc và Mộng-
Quyên không bị hắn ghi chép.

Tuy giả-vờ im lặng chớ
Thao-Sơn đã sôi sục hận.

Có nhiều khi trông thấy
Hoàng-Ngọc trò chuyện với
Mộng-Quyên hẳn nghĩ rằng
tâm học thốt :

— Hoàng-Ngọc ! Mi đã số
rồi nên mới dám đến đây cướp
đet người đẹp của ta !

Bích - Chiêu cũng thường
bắt gặp Thao-Sơn đi quanh
trại dò xét. Linh tính báo cho

nàng biết rằng Hoàng-Ngọc sẽ
bị hấn hại ngầm.

Một đêm trời vẫn vũ như sắp
có mưa to. Gió rét thổi mạnh
từ trên ngọn núi rừng
u tịch. Hoàng-Ngọc ngồi đọc
sách, Mộng-Quyên thêu áo và
khăn tay. Lão Pha-Giải bận chế
thuốc trong phòng riêng để sáng
mai mang đến tận nhà các bệnh
nhân nghèo giúp họ.

Bích-Chiều đang dệt lụa nơi
khung cửi.

Hoàng-Ngọc phá tan sự yên
lặng :

— Em Mộng-Quyên à ! Anh
có nghe nhiều người tiên đoán
về thời cuộc, họ bảo rằng thế
nào quân đội Nhật cũng sẽ
kéo sang Đông Dương.

— Vâng ! Phụ thân em cũng
đoán biết trước, việc đó nên
chỉ người không muốn ở tại
Kinh Đô. Người cũng không
cho chúng em tiếp tục sự học.
Người bảo rằng chiến tranh sẽ
lan tràn và chừng đó đô thị là
nơi tai nạn vì sẽ bị oanh tạc.

— Hôm nay anh đến Luang
Prabang thăm một người bạn
thân, bạn anh cũng có bàn về

việc đó. Anh định ở tại nhà bạn hai tuần lễ rồi sẽ trở về Saigon. Nhưng bỗng anh nảy ra ý định đi viếng vùng này, rồi anh lại gặp tiên nữ đời anh đó !

Mộng Quyên liếc nhìn chàng và mỉm cười, e-thẹn.

Bỗng có những tiếng hú dài từ nơi rừng sâu vọng lại.

Hoàng-Ngọc giật mình hỏi ;

— Tiếng ai hú giữa đêm khuya vậy ?

Bích-Chiêu vội đáp :

— Thưa đây là tiếng hú của một loài ó to lớn, gọi là ó ma lai. Tiếng nó hú lạnh lạnh như tiếng người, ai không quen, lạc vào rừng, nghe đến cũng sợ hãi.

— Ghê quá nhỉ ?

— Chúng em sống quen ở đây rồi, thế mà mỗi khi nghe tiếng hú đó cũng phát run.

— Hôm trước khi bị nạn, anh đi viếng rừng này với một tên dẫn đường. Hắn có hỏi anh đến đây với mục đích gì. Anh bảo là ahh đi du lịch. Hắn nói rừng này có ó ma lai, loại ó

to lắm. Nay anh mới được nghe tiếng hú.

— Rồi khi anh bị bắt, tên dẫn đường đó bỏ anh sao ?

— Hắn thấy anh ngã xuống và rên rỉ, hắn chuồng mắt.

— Thôi ! có lẽ hắn là thuộc hạ của Thao-Sơn đó. Nếu anh đã bảo với nó là anh đi vào đây dò thám tìm vàng chắc là nó ra hiệu cho đồng bọn sát hại anh bằng tên tầm thuốc độc rồi đó. Nghe anh đi du lịch, hắn chỉ cảnh cáo sơ thôi.

— Em, biết rành về Thao-Sơn quá !

Bích-Chiêu đứng lên, xin cáo từ đi nghỉ trước Hoàng-Ngọc cũng chúc cho Mộng Quyên một giấc ngủ bình yên rồi vào giường nghỉ.

Khi vừa khép cửa phòng lại, Bích-Chiêu đến nhìn bức di ảnh của cha mẹ nàng và than thở :

— «Ba má qua đời để lại cho con một số châu báu ngọc ngà quý giá. Con xin nguyện sẽ đem nó ra mà giúp ích cho người nghèo đói. Vàng bạc đổi với con giờ đây vô nghĩa khi

sự học của con đang dở và khi con đã mất hết tình yêu thương của ba má. Con chưa nguôi lòng thương cha, nhớ mẹ thì nay lòng con bỗng vương vấn mối tơ tình. Xin ba má hãy giúp cho con có đủ nghị lực xua đuổi mối tình ngang trái ấy ra khỏi tâm hồn con».

Nàng khấn nguyện xong, úp mặt xuống gối thồn thức. Nàng thấy tâm hồn nàng tê-tái, rã rời.

— Rừng khuya lạnh lẽo, mây đen phủ đầy trời. Từng cơn gió lạnh thổi vù vù nghe như sắp có mưa to.

Bích-Chiêu đang khóc bỗng nghe xa xa có tiếng phèn la giống lên từng hồi. Nàng thấy có ánh đèn lập lòe trong từng xa. Có vài bóng người thấp thoáng. Một tiếng kêu the thé xé tan sự im lặng. Rõ ràng là tiếng của vị phù thủy trong vùng. Nàng nhủ thầm : «Có ai bệnh nặng hay sao mà nhờ ông ấy chữa trị giờ này» ?

Nhưng bỗng ánh đèn vụt tắt có vài đóm lửa đỏ xẹt lên không trung. Bích-Chiêu nghe

lạnh vài xương sống. Nàng nghe mơ hồ như có ai gọi tên Hoàng-Ngọc. Rồi ánh đèn lại hiện ra, những bóng người đi xa dần, mất hút trong rừng đêm.

Tất cả khu rừng trở về trong im lặng. Trán nàng rịn mồ hôi, mặc dù trời rét buốt.

Nàng đoán thầm : « — không lẽ Thao-Sơn muốn phù thủy ếm anh Hoàng-Ngọc ! » Nàng bán tín tín nghi, vì quá mệt mỏi, nàng trở vào giường nằm xuống. Giấc ngủ nặng nề chập chờn đến với nàng.



Ánh nắng mặt trời chiều còn gay gắt trên chòm cây, kẽ lá.

Lâm trại lão Pha-Giai hôm nay có vẻ nhộn nhịp khác thường. Ba bốn con bò tơ được mổ ruột sạch sẽ, nằm giữa sân trại, cạnh đóm than hồng đang cháy rực lên. Các vị trưởng trại lân cận được mời đến dự tiệc. Lễ vu quy của Mộng-Quyên được tổ chức theo phong tục người Lào. Các người giúp việc trong lâm trại quây quần bên

đồng lửa. Chủ và khách ngồi trên chiếu, xèo từng miếng thịt bò tươi, nướng trên than hồng. Họ vừa ăn uống, nhậu nhẹt vừa cười đùa vui vẻ. Họ dùng thịt bò nướng, ngồi quay, ăn cơm nếp, uống rượu đế.

Cô dâu vận xiêm y rực rỡ trông như nàng công chúa Lào thời xa xưa, nàng mang rượu đãi từng người, trên môi luôn nở nụ cười tươi thắm.

Tóc nàng bới cao cài hoa rừng tuyệt đẹp, nữ trang quý giá lấp lánh nơi cổ và trên hai cườm tay nỏ-nà. Chàng rể Hoàng-Ngọc cũng vận y phục Lào, chàng ngồi gần bố vợ, trông như một anh kếp hát đẹp trai.

Buổi tiệc gần tàn, khi cô dâu chú rể sánh vai nhau đứng trên sạp cao đề cảm ơn quan khách, tiếng hoan hô chúc tụng và những tràng pháo tay vang động trong sân trại.

Bích-Chiều, cô phù dâu, cũng vận xiêm y lộng-lẫy như nàng tiên nữ chốn động đào, nàng ra chào quan khách và múa hát giúp vui thân hình nàng nở nang đều đặn, nàng

uyên chuyển bước theo nhịp kèn, khiến tất cả quan khách đều say sưa tán thưởng.

Đêm dần xuống, hoa đèn thấp lè tè rực rỡ, nàng trở hết tài ra đề chúc mừng anh và chị. Nàng quay cuồng múa hát, hết vũ điệu vui đến vũ điệu buồn đến lúc nàng dâng bó hoa rừng tặng anh và chị trong vũ khúc «chúc mừng» bỗng nàng cảm thấy choáng váng, mặt lả người và ngã quỵ xuống trước mặt Hoàng-Ngọc, Mộng-Quyên. Mọi người xôn xao và bảo :

— «Kìa Bích-Chiều đã ngất xỉu rồi ! Tội quá ! Hãy cứu cấp nàng tỉnh lại».

Bích-Chiều mơ màng thấy Hoàng-Ngọc vội vàng cúi xuống bế nàng chạy bên nhà sàng, Mộng Quyên cũng giúp chàng một tay.

Nàng nấc lên, nghẹn ngào. Mộng-Quyên, trong đêm khuya vừa thức giấc, nghe tiếng khóc của Bích-Chiều vội chạy sang giường em lay em tỉnh dậy.

Nàng gọi : «Bích-Chiều em ! Em nằm mơ thấy gì mà khóc nức nở thế ?»

Bích-Chiều nghe chị gọi, tỉnh giấc mơ, bàng hoàng mở mắt và ấp úng đáp.

— Em vừa nằm mơ...

— Em mơ thấy gì ?

— Em mơ thấy mẹ về thăm em khóc. Nàng cố trách không dám nói ra sự thật trong giấc mơ vừa rồi.

Mộng-Quyên khẽ thở dài :

— Tội nghiệp em tôi quá ! Thôi ngủ đi em, đừng buồn nữa !

Rồi nàng rời em, nhẹ gót

trở vào phòng riêng.

Bích-Chiều không sao chợp mắt được. Nàng hồi tưởng lại giấc mơ ban nãy. Nàng còn nhớ rõ từ chi tiết và thở dài.

— Thôi, thế là hết ! Ta không còn hy vọng gì. Thân núi rừng linh thiên lắm. Khi tê nằm mơ thấy đám cưới của chị Mộng-Quyên và anh Hoàng-Ngọc là hai người đã có duyên kiếp với nhau. Thân Linh đã tác hợp cho họ. Từ nay ta phải cố quên hết ! Lòng dằn lòng như thế mà sao nàng vẫn thấy buồn.

(Còn nữa)

NHẠC ! NHẠC ! NHẠC !

— Nhạc hay nhất !

— Giá hạ nhất !

— Đủ mọi loại nhạc !

Riêng nhạc Việt, kỹ-thuật thu âm hay hơn bằng cái (master tape).

Xin mời tới :

PHONG'S RECORDING SHOP
102/5 TRUONG-MINH-KY, GĐ

(Trương-minh-Giang nổi dài)

Thâu băng lớn và cassette, âm-thanh nổi và trung thực..



Rêu đá

Nghe trăng sao vỡ trong hôn
Lá thu rụng xuống tay buồn xa xôi
Sương che khuất lấp mặt người
Rừng khuya bản vắng, cuộc đời lo âu
Cổ ôm bờ suối rầu rầu
Poncho ẩm ướt dấu giày chinh nhân
Hai mươi tuổi trót phong trần
ngủ cạnh tay súng — cần phần đi hoang
Gối ba lô giấc võ vàng
Ưu tư quện mỗi dấu chân miệt mài
Hoả châu thao thức đêm dài
Thuốc đen xuôi giọng; tháng ngày đi qua
Mặt trời run rẩy mù xa
Vùng khuya đỏ bóng sầu da dẻi hồn

HOAI MỘNG ĐIỂM THU
(trắng bình)

VÒM TRỜI

văn hóa thế giới

□□□ NHUYỄN-KHẮC-TIẾN-TÙNG

PHÁP

Jacques Hebertot từ trần

Jacques Hebertot, nhà đạo diễn, giám đốc hí-viện, thi sĩ, nhà báo, người viết văn có tiếng ở Pháp từ trần ngày 19-6-70 vừa qua thọ 84 tuổi.

Hebertot là tên hiệu ông đã dùng khi bước vào con đường nghệ thuật: khởi đầu bằng cách viết văn, viết phê bình kịch nghệ rồi sáng lập nên nhiều tờ báo vào khoảng từ năm 1920 trở đi, trong đó có thể kể đến tờ «La Danse», «Le Théâtre» v.v... Tên thật của ông là André Daviel. Trong khoảng từ 1920 đến 1925 ông đã làm Giám đốc «Théâtre

des Champs — Élysées» Tiếp theo đó Ông còn đứng đầu nhiều Nhà hát khác và từ 1940 phụ trách «Théâtre des Arts», nhà hát ngày nay mang chính tên Ông.

Paris kỷ niệm ngày sinh của nhà soạn nhạc vĩ đại thành phố Bonn

Trong khuôn khổ đơn giản mà trang nghiêm trước đài kỷ niệm Beethoven ở rừng Vincennes, thành phố Paris đã kỷ niệm lần thứ 200 ngày sinh của nhà soạn nhạc vĩ đại Đức sinh trưởng tại Bonn bên bờ sông Rhin. Buổi lễ do Hội thân hữu Đức-Pháp tổ chức có Đại lý Đại sứ Đức ở Paris, và Thị trưởng

thành phố Bonn tham dự với tư cách khách danh dự. Hai người đứng đầu hai thành phố Paris và Bonn, de Vericourt và Kraemer, đã đặt vòng hoa trước đài kỷ niệm Beethoven và ca tụng tác phẩm của nhà soạn nhạc vĩ đại này. Một buổi hòa nhạc tiếp theo với những nhạc phẩm của *Beethoven* (1770-1827), người nghệ sĩ điếc tài hoa, đã chấm dứt buổi lễ trang trọng này.

Ludwig van Beethoven để lại một kho tàng vô giá âm nhạc cho nhân loại, trong đó có nhạc kịch *Fidelio*, 32 bài sonates cho dương cầm và chín bản đại hòa tấu... hầu hết đã được thâu đĩa và thường xuyên chiếm một địa vị đặc biệt trong chương trình của các Đại hý viện Âu châu.

TÂY - ĐỨC

Hội nghị quốc tế các nhà chính trị học tại Munich

Theo nguồn tin của Giới Đại học Munich, *hội nghị lần thứ 8 của Hiệp hội các nhà khoa học chính trị quốc tế* sẽ họp tại Munich từ 31-8 đến 5-9-70 với sự tham dự của chừng 1200 học giả bốn phương. Đề tài chính của hội nghị sẽ là: *Vấn đề thống nhất Âu châu, vấn đề dinh dưỡng trên thế giới, chính sách xã hội, v.v...*

Tướng cũng nên ghi chú Munich là một thành phố đại học, nơi các nhà nghiên cứu chính trị và xã hội học thời danh như Max Meber, E. i. Voegelin... đã từng lưu lại nhiều ảnh hưởng. Đại học Munich qui tụ các nhà khoa học chính trị, trong Viện Geschwister—Scholl—Institut, một trung tâm giảng huấn và nghiên cứu Liên Khoa gồm 5 Giảng đàn do các giáo sư chính thức phụ trách và một số đồng các Giáo sư, Giảng sư, Tiến sĩ. Viện Chính trị học Geschwister-Scholl là viện lớn thứ hai tại Tây-Đức sau Otto—Suhr—Institut ở Tây-bá-Linh. Trong phạm vi nghiên cứu về Á-Châu, Viện Chính trị học Munich đang thực hiện ba dự án nghiên cứu những vấn đề liên quan đến Nhật, Trung-hoa và Việt Nam.

Hội nghị quốc tế các nhà y-khoa chuyên về máu

Cũng tại Munich từ 2.8. đến 8.8.70 *Hội nghị quốc tế lần thứ 8 về Huyết dịch học* được tổ chức. Đây cũng là lần đầu tiên Đức được chọn làm nơi hội nghị.

Trong số quan khách về phía chính quyền người ta nhận thấy Thủ Tướng Tiểu bang

Bavière, Bà Bộ Trưởng Y-Tế Liên-Bang Đức. Giới khoa học Munich cũng tham dự đông đảo phải kể trước tiên là Viện Trưởng Viện Đại học Munich, 1 đại học đồng sinh viên nhất tại Tây-Đức. Các nhà chuyên môn nổi tiếng quốc tế thuyết trình và trao đổi ý kiến về Huyết dịch học (Hématologie) qua 1.250 bản thuyết trình và diễn cũng giảng như trong 80 đề tài hội thảo chuyên biệt. Sơ lược một vài đề tài; *Sự tiếp máu và vấn đề thay các cơ quan trong người* (như tim, gan), *Nguyên nhân và cách trị bệnh bạch huyết* (Leucémie), *Sự biến đổi của máu do điều kiện của hoàn cảnh chung quanh, của thuốc uống và của đồ ăn v.v..* Một đề tài Hội thảo đặc biệt dành cho *Y học không gian* với sự tham dự của nhóm Y-sĩ thuộc chương trình Apollo với đề tài « *Tác dụng những chuyến bay không gian vào hệ thống máu và miễn dịch của con người* ». Tính theo quốc tịch thì các tham dự viên đến từ 55 nước khác nhau, trong đó có cả các nhà khoa học, của khối Xã-hội Chủ-Nghĩa, nhất là Liên Xô và Lô-Ma-ni.

ĐÔNG ĐỨC

Nhà xuất bản của Đảng 25 tuổi

Dietz, nhà xuất bản của đảng Xã-hội thống nhất Đức (SED) tức đảng Cộng sản vừa kỷ niệm một phần tư thế kỷ ngày thành lập. Từ 1945 nhà *Dietz* đã cho in ra dưới hình thức những tập sách mỏng tác phẩm của các lãnh tụ Cộng sản. Giới nghiên cứu quốc tế chuyên về các nước Cộng-sản và Sô-viết học đánh giá rất cao các ấn bản Lénine toàn tập xuất bản năm 1965 và Marx Engel toàn tập năm 1968 của nhà xuất bản này.

Dựng lại khu vườn của Goethe, đại văn hào cổ điển Đức

Qua nhật ký, thư từ của *Johann Wolfgang von Goethe* người ta thấy ông đặc biệt săn sóc khu vườn mang tên « *Garten am Stern* » của mình, khu vườn Ông chắt chiu săn sóc suốt 50 năm kể từ 1776. Những người phụ trách văn hóa ở Đông Đức đã tìm cách dựng lại khu vườn ở Weimar đó theo những hình ảnh tranh vẽ còn lưu lại cũng như qua các nét mô tả trong thư từ nhật ký của chính Goethe và các người cùng thời với Ông.

BẮC VIỆT

Một tin Kỹ Nghệ liên hệ đến sản phẩm văn hóa: Nghiên cứu cách làm giấy

Vấn đề giấy in sách báo quả là 1 vấn đề hệ trọng cho các nhà báo và xuất bản như vụ xôn xao vừa qua tại Saigon đã chứng tỏ.

Tại Bắc Việt, Viện Công Nghiệp giấy thuộc bộ Công Nghiệp nhẹ (kỹ nghệ nhẹ) đã nghiên cứu và chế tạo 1 số máy móc dùng trong việc khảo sát các nguyên liệu trong nước để làm giấy. Một thành công được ghi nhận là việc có thể sản xuất giấy báo bằng bột bã mía.

Văn học bình dân

Hội « Văn nghệ dân gian » Bắc Việt đã tổ chức một cuộc thi sưu tầm văn học dân gian trong năm 1969-1970. Theo báo Nhân dân ngày 5.7.70 « Hội đã nhận được nhiều tài liệu sưu tầm thuộc các loại tục ngữ, ca dao, dân ca, câu đố, truyện dân gian kịch bản sân khấu v.v.. ». Hạn khoá sổ định vào ngày 2.9.70

Ý ĐẠI LỢI

Nữ kỹ giả Ý được giải Thưởng về những bài

phong sự viết từ Việt Nam

Trong cuộc họp kín tuyển lựa của 150 nhà sách, nữ kỹ giả Ý Oriana Fallaci đã được trao giải thưởng Bancarella với tác phẩm *Niente e così sia* (chẳng có gì và như vậy đó) gồm các phóng về Mỹ tây cơ và Việt-Nam.

Đại hội điện ảnh Venice 1970

— Từ 19-8 đến 1.9-70 đại hội điện ảnh tại Venice sẽ chiếu 18 phim. Pháp được lựa nhiều phim tham dự nhất (3), tiếp đó Ý là nước tổ chức (2) và Hung gia Lợi (2). Các quốc gia Anh, Mỹ, Nga, Phần lan, Tây ban nha, Brésil, Argentine, Balan mỗi nước 1 phim. Ngoài ra có 1 phim là sản phẩm hợp tác Mỹ—Đức, và 1 phim Ý—Pháp.

Đại hội điện ảnh Venice 2 năm trước đã không trao giải thưởng cho phim nào sao các cuộc chống đối kịch liệt «khuyến hướng quá ư thương mại» của Đại hội. Năm nay theo gương đó cũng sẽ không có phim nào được trao giải thưởng. Ernesto Laura, Giám đốc Đại-hội điện ảnh Venice cho rằng với những tiêu chuẩn dãi lợt khắt khe, nguyên «việc chọn lựa phim cho đại hội tự nó cũng là 1 thứ giải thưởng rồi».

NGUYỄN KHẮC TIẾN TÙNG

THƠ VĂN ĐỒ NGHỆ

ĐÔNG TÙNG sưu khảo

CÁC ông Đồ Nghệ - Tỉnh thời xưa thường mang tiếng gàn (Đồ gàn Nghệ - Tĩnh).

Theo ngụ ý : có trường hợp quá đúng gàu đáng chê ; Nhưng cũng có nhiều trường hợp, trong cái gàn của các Cụ đã thể hiện trọn vẹn một tinh thần tiết tháo của đăm Sĩ Phu, kết tinh bởi nơi núi cao sông sâu, giang sơn Hùng kỹ Nghệ - Tĩnh, mà người ta khó bắt - chước.

Bởi vậy, chúng ta chỉ nên ghi nhận rằng:

Các cụ Đồ Nghệ - Tĩnh là những người dám nói thẳng, nói toạc móng heo, không cần che dấu, xé tránh chi hết; kể cả việc làm thơ liên quan tới cái «Mu Rùa»

Thiệt vậy, trong khi các nhà Nho đương thời cho cái đó là

tục tiểu, luôn luôn né tránh, nhất là khi hành văn, thi Uy-Viện Tường - Công, thi hào Nguyễn - công - Trứ (người làng Uy-Viện, huyện Nghi-Xuân, tỉnh Hà-Tĩnh) thẳng thắn viết :

«Ai dám bảo chữ đăm là chữ bậy
«Nếu không đăm sao lại xảy ra liềm»

Lại một cụ Đồ Nghệ khác, cũng không cần úy tỵ :

«Con kêu lân phạm cha môn trán
«Em toại công danh chị nát l...»

Cụ thể nhất là bài thơ Vịnh l... của cụ Phan-Điệu sau đây :

Vài nét sơ giản về cụ Phan-Điệu (1874-1945)

Người làng Tùng-Anh, xã Châu-phong, phủ Đức thọ, tỉnh Hà-tĩnh. Từ bác trắng kiêu đã nổi tiếng

hay chữ, nhưng thi khoa nào cũng trượt, lý do vì con người ngạo nghệ, xem kỹ luật trường ốc không ra gì, nên khoa nào cũng hỏng vì phạm trường quy. Sau đó cụ chán khoa cử bỏ vào Nha-trang làm nghề dạy học.

Vì có sự xích mích với mấy ông Quan lại địa phương, nên cụ lại bỏ Nha-trang rồi ra Bắc-Hà.

Người biết chuyện kể rằng : Khi từ Trung ra Bắc qua địa phận tỉnh Ninh-Bình, đi ngang qua cổng một phủ đường, được người địa phương nói cho hay :

«Quan Phủ ở đây, Ngai rất mộ điệu thư Văn, gặp một nhà Nho nào, quan liền ra thơ, ai làm được thơ hay quan liền trọng thưởng.

Cụ Diệu liền khấn áo chỉnh tề, đi thẳng vào Phủ Đường. Phủ chưa tới giờ hầu, quan phủ đang ngồi trong tư thất, cụ liền mon men đi vào.

Thiệt là không may cho cụ, quan ông quan bà đang có một cuộc khẩu chiến, và quan bà đang chính lúc thịnh nộ.

Vừa thấy mặt quan Phủ, cụ Diệu chấp tay bái :

— Bẩm quan lớn, tôi là một

nhà Nho ở Vùng Nghệ-Tĩnh, khi đi qua đây được tin quan lớn rất thương học trò nghèo, tôi xin tới hầu.

Trong lúc đang bị quan bà làm bức trí, quan phủ định dùng Ông Đồ-Nghệ làm phương tiện đánh trống lảng. Quan nói :

— Ông là Đồ-Nho, lại là Đồ Nho Nghệ-Tĩnh, có lẽ là Văn chương chữ nghĩa cứng lắm, tôi thử ra Ông một bài thơ, ông làm được hay tôi thưởng.

— Bẩm vâng ! Xin quan lớn cho chủ đề.

Ngồi bên kia giường, quan bà chưa hết cơn thịnh nộ, liền nói tạc ngang để phá đám :

— Thơ với thần gì ! thơ cái «lồn» ấy ạ !

Cụ Diệu vẫn tỉnh bơ nói tiếp :

— Đề tài quan bà cho rồi ! Vậy xin quan ông Văn.

Bị bà vợ tục tiểu làm mất thể diện, quan phủ liền xua tay :

— «Không» ! (Có nghĩa là không làm bài thơ tục tiểu ấy).

Nhưng cụ Diệu sẵn tính gan, rồi cố ý làm không hiểu, ứng khẩu đọc ngay bài thơ Vịnh «L...» sau đây :

«Trời đất sinh ra nòi tổ tông.
«Mỗi người mỗi cái chẳng ai không.

«Ngoài bạo da trắng ba phần bạc
«Giữa diêm son châu một tắc hồng

«Hang cạp chen chân bờ cỏ rậm.
«Đào nguyên đưa khách suối dòng thông,

«Tôi đây hầu sĩ và xin xỏ,
«Cái ấy của dả dề kinh. Ông.

Cụ Diệu đọc hết bài thơ, quan phủ thất kinh nói :

— Mặc dù đối với tôi có hơi hỗn, nhưng không vì thế mà không phải khen ông Đồ Nghệ-Tĩnh là một tay Đại hay chữ.



Tới bài «Ca Trù» của Lam-Cường

Lam-Cường là một biệt danh của T.2.P. người huyện Thanh Chương (Nghệ-An). Hồi anh còn học tại Trường Quốc học Vinh, có lèng pháng với một cô đầu hát ở Cổng-Đệ-Nhi, tên là Lê thị Ngọc-Tuyết thuộc thị xã Vinh-Bến-Thủy, Năm 1927, trong khi anh đang học ở trường Cao Đẳng Sư Phạm Hà Nội, anh cùng đồng bọn bỏ trên qua Tàu. Không dè vừa tới biên giới Hoa-Việt thì bị mật thám Pháp rượt theo

bắt được giải về nhà lao Vinh (thị xã Nghệ-An) để khai tác cung tiêu.

Khi Lam-Cường đang bị giam tại nhà Lao Vinh, thì tình cờ gặp lại Lê thị Ngọc-Tuyết trong nhà lao (Tuyết bị chủ cô đầu kiện về tội ăn cắp đồ). Aồi bạn đồng tù trách anh làm thơ tặng Tuyết, nhưng họ buộc anh phải làm điệu «Ca Trù» như các Văn gia thường làm cho cô đầu hái khi quỳnh tương rượu cho khách làng chơi-

Trước một mỹ nhân tên là Tuyết, trước một bài Ca trù sắp hình thành, người ta liền tưởng tới bài Ca-trù của Thi hào Dương-Khuê :

«Hồng hồng,.. Tuyết Tuyết...
«Mỗi ngày nào chưa biết cái chi chi...»

Nhưng không v! Tuyết của Lam-Cường thì «mùi» và «ướt át» hơn nhiều, vì anh đã Viết :

«Tuyết ơi là Tuyết !
«Các anh đây chưa biết mấy năm từ

«Năm canh năm nghe muỗi gáy u... u...

Nghĩ đến chữ Đ.U. mà thù thù !
«Toán lại thế sự vô như dật
«Tuyên đảo nhàn tình cánh đặc hôn,

«Cò ra chi, chi một cái L...
 «Mà Công tử Vương Tôn đều
 ngông C...
 «Thốn ngục thất tình cò gặp chắt
 (1)
 «Chằng cắc tùng, tùng cắc cũng
 dòm chơi!

«Tuyệt ơi ôm váy lên coi!

Bài ca trù này được truyền

tụng trong các nhà lao vùng
 Nghệ-Tĩnh. Nhưng kẻ nào «vô
 duyên bạc phước» lại lạc vào nơi
 đây một lần, chỉ một lần thôi, co
 lẽ không ai không được nghe đọc.

(1) Chắc : nhau, gặp chắt là gặp
 nhau. Tiếng Thở ám Nghệ-
 Tĩnh.

● Tháng 10-1970 phát hành tác phẩm thứ
 Hai Mươi của cơ sở Xuất bản Nhân-Chứng :

Ba mươi hai bài lục bát

Thơ Phổ-Đức.

Bìa Cửa Hồ hữu Thủ Phụ bản của Duy Thanh,
 Hoàng Hương Trang và Nguyễn hữu Nhật nhạc
 của Anh Việt Thu.

Qua nhận định của : Đình Hùng, Vũ hoàng
 Chương Mai Thảo, Nguyễn hiến Lê, Bùi Giáng và
 Hoàng-trúc-Lý.

Quý bạn ở tỉnh xa muốn có sách đẹp. Xin liên
 lạc tác giả :

192. 194 Lê văn Duyệt — Sài Gòn.

DẦU LỬA NGOÀI KHƠI

★ CHU MINH THỤY

MẤY lúc gần đây, báo
 chí có đề cập tới các cuộc tìm
 kiếm và khai thác mỏ dầu ngoài
 khơi vịnh Liêm La. Nhưng
 ngoài bờ biển V.N quả có dầu
 lửa hay không ?

Từ lâu, người ta vẫn đồng
 hóa những kẻ đi tìm mỏ dầu
 như những kẻ tiền phong ở Mỹ
 thời xưa đi chiếm đất đai. Các
 công ty có tầm vóc quốc tế đã
 dựng lên máy khoan khắp nơi
 trên thế giới: ở Los Angeles,
 trong rừng già Nam dương, trên
 bãi cát nóng hổi ở Trung đông.
 Nhưng mấy năm gần đây, sự
 tìm kiếm dưới biển đã gây chú
 ý cho mọi người.

Ngoài tánh chất mới lạ, người
 ta còn tự hỏi sự quan trọng
 thiết sự của nguồn lợi mới mẻ
 đó ra sao trong kỹ nghệ dầu lửa
 nơi chung, và vai trò của nó
 trong địa dư kinh tế của thế

giới ra sao. Tất nhiên, một
 quốc gia có mỏ dầu lửa trở nên
 giàu có, hoặc trở nên nơi tranh
 chấp hoặc thuộc địa trá hình
 của loài cường quốc hoặc công
 ty lớn.

Trong những vùng hiện đang
 được dò tìm, cơ cấu địa chất ở
 dưới biển không khác với trên
 lục địa. Ranh giới của bờ biển
 luôn luôn xê dịch từ xưa đến
 nay, do đó sự tìm kiếm và khai
 thác nhóm hydrocarbures (dầu
 lửa cùng đồng loại) ngoài biển
 cũng na ná như các kỹ thuật
 được sử dụng trong đất liền.

Tại sao cho tới nay các nhà
 khai thác mới nghĩ tới việc rút
 dầu dưới biển ? Dân xứ Mésop-
 otamie cách nay mấy ngàn năm
 đã biết tới dầu lửa, và từ thế
 kỷ 1^o, người ta bắt đầu khai
 thác triệt để ở Mỹ rồi tới các
 nơi khác, càng ngày càng khó
 khăn hơn : rừng rậm sa mạc

lãng giá... trước khi phiêu lưu ra khơi. Nguyên nhân chính vẫn là những cản trở do biển cả tạo nên : sóng gió, luồng nước, sự cô quạnh...

Lẽ làm việc trong môi trường khó khăn đó, con người phải thay đổi thói quen, dùng tàu thay vì xe hơi, trực thăng thay vì máy bay khoan trên bề nổi, v.v.

Thiết ra lịch sử của việc khai thác dầu lửa dưới biển bắt đầu từ năm 1894. Năm 1933 người ta khoan những giếng dầu lửa đầu tiên trong hồ MARA CAIBO (Venezuela), và năm 1936 trong vịnh Mexique (Mễ tây cơ). Nhưng người ta chỉ khai thác thiết sự kể từ 1938 Louisiane (Mỹ). Từ năm 1945, người ta bắt đầu nghiên cứu địa chất dưới biển, và từ 1954, mới khoan những giếng dầu sâu dưới đáy biển.

● TÌM KIẾM

Trên trái đất, mặt biển chiếm 360 triệu cây số vuông, trong khi đất chỉ chiếm 150 triệu. Trung bình, độ sâu của biển cả là 3.800 thước. Kinh nghiệm cho biết chỉ 1/3 diện tích các lục địa là có chứa những chất

thuộc nhóm hydrocarbures. Trong số 52 triệu cây số vuông ấy, chỉ có 25 triệu là đáng lưu ý.

Đối với trường hợp ở biển, thì cũng vậy : chỉ một phần dưới đất sâu là có liên hệ tới mỏ dầu. Ngoài bất tiện do giới hạn đất đai vừa kể, còn một bất tiện thứ hai : chiều sâu của nước biển. Hiện nay chưa có vấn đề khai thác các đáy sâu, mà chỉ giới hạn nơi lớp đất ven bờ (nằm dưới mặt nước) dài 250 ngàn cây số quanh lục địa. Nếu ta giới hạn sự khai thác ở 2.000 th bề sâu (càng xa ngoài khơi thì càng sâu), diện tích chung có thể dò tìm là 32 triệu cây số vuông — trong số đó chỉ 11 triệu là có hi vọng chứa dầu, và phân chia như sau :

— *Bắc Mỹ Châu*. Hiện nay vùng đang được khởi sự khai thác nằm trong vịnh Mễ tây cơ. Tiền thuế khai thác nơi đó cao nhất thế giới : 3 triệu quan cho mỗi cây số vuông. Ở California, vì lòng biển không được dài, nên việc khoan còn gặp nhiều trở ngại. Ở vịnh Hudson (Gia nã đại) và vịnh Cook Inlet (Alaska) người ta cũng khởi sự khoan giếng.

— *Nam Mỹ Châu*. Các nước sau đây có hải phận chứa mỏ dầu lửa : Venezuela, Guyani, Ba tây, Á căn đình, Pérou, Xích đạo, Colombie.

— *Âu Châu*. Từ nhiều năm nay, đã được độc lập về vấn đề dầu lửa, các quốc gia Âu châu tìm cách khai thác các mỏ nằm trong hải phận của mình. Ta có thể kể :

— Pháp : trong vịnh Gascogne và Địa trung hải.

— *Biển Bắc* : được phân chia giữa. Nhiều quốc gia, nơi người ta vừa tìm thấy các hầm gaz phòng định chừng 1 tỷ thước khối.

— Ý : trong biển Adriatique.

— Nga : trong biển Caspienne.

— *Trung Đông*. Trong vịnh Persique, người ta thấy có nhiều triển vọng tốt đẹp.

— *Phi Châu*. Vịnh Suez (Ai cập), Nigeria, Gabon, là những nơi đáng lưu ý.

— *Úc Châu*. Mặc dầu mới bắt đầu tìm kiếm nhưng khu vực nằm giữa Úc và Tarmanie đã cho một số dầu và gaz.

— *Á Đông*. Chỉ mới khởi sự tìm kiếm, tuy nhiên triển vọng khá tốt đẹp. Từ Tây Bắc Úc châu

tới vịnh Xiêm La, có cả một vùng rộng lớn mà người ta xem như có mỏ dầu dưới biển. Cụ thể nam hải phận V.N. cho tới giáp giới Cao mên cũng nằm trong phạm vi đó. Ngoài ra, vịnh Hạ Long cũng được xem như nơi có mỏ, tuy ít chắc chắn hơn.

● KHAI THÁC

Mức sản xuất dầu lửa trên thế giới vào năm 1967 là 1 tỷ 738 triệu tấn, trong đó có 234 triệu tấn lấy từ biển lên.

Mỗi máy khoan di động được, dùng ngoài biển giá từ 25 tới 50 triệu quan (1 tỷ bạc V.N.), cho nên các xứ nhỏ bé thường cho mượn đất để các cộng ty ngoại quốc khai thác. Tiền thuế thầu được tùy giao kèo, và được mệnh danh là «bonus».

Số dầu lửa có nguồn gốc dưới biển do 3 vùng cung cấp : Nước Mỹ (30 0/0), Venezuela (34 0/0), vịnh Persique (26 0/0). Tuy nhiên từ nay tới 1971, vai trò của vịnh Persique sẽ nổi bật, tăng lên tới 42 0/0, trong khi Venezuela chỉ còn 17 0/0 và Mỹ 23 0/0, Phi châu sẽ chiếm khoảng 9 0/0.

Trang năm 1967, số dầu lửa lấy từ biển chiếm 13,5 0/0 của tổng số dầu lửa sản xuất trên thế

giới. Tới năm 1978, có lẽ tỷ sẽ tăng lên tới 33 %.

● VỀ MẶT KINH TẾ.

Mặt dầu biển cả chứa rất nhiều tìm năng (nguyên liệu, nguồn lợi về thực phẩm...) nhưng hiện nay chỉ có ngành đánh cá và lấy dầu lửa là quan trọng hơn hết. Tuy ngày nay số tiền kinh doanh của ngư nghiệp nhiều gấp 4 lần của kỹ nghệ dầu lửa dưới biển, nhưng chỉ trong vòng 5-10 năm nữa, có lẽ hai kỹ nghệ sẽ tương đương. Số tiền đầu tư trong các nước trong các nước không cộng sản đối với ngành dầu lửa dưới đáy biển lên tới 15 tỷ quan trong năm 1967 tức 1/3 của tổng số đầu tư dùng vào việc tìm kiếm và khai thác dầu lửa trên thế giới. Tám mươi phần trăm số tiền đầu tư là của Mỹ.

Mặc dầu sự thăm dò địa chất rẻ hơn ở đất liền, khoảng 2.000 quan (40 ngàn đồng) mỗi oay số, loại máy khoan giếng ở biển lại hết sức mắc, như đã nói trên. Trung bình mỗi ngày khoan để dò tìm tốn hết 100 ngàn quan, và một giếng sâu 3.500 thước tốn 10 triệu quan (200 triệu đồng). Còn khoan trong giai đoạn sau (để phát

triển thêm) thì mỗi ngày tốn 60 ngàn quan. mỗi giếng tốn 3 triệu quan. Sự tốn kém cao gấp 2 hoặc 3 lần hơn trên mặt đất. Ngoài ra còn có chi phí tình hình khác : bảo hiểm, chuyển chở, v.v...

Như vậy, tại sao người ta tìm cách khai thác dầu dưới biển ?

Lý do chánh là có thể một ngày gần đây, mức tiêu thụ sẽ vượt qua mức cung cấp khiến thế giới sẽ thiếu hụt dầu lửa. Biển cả là nơi còn « trình » đủ khả năng bù đắp vào nhu cầu trên. Trong 10 năm nữa, 1/3 số dầu sản xuất trên thế giới sẽ do biển cả cung cấp. Theo sự ước lượng, trong tổng số 215 tỷ thước khối dầu nằm dưới mặt đất, hiện đã rút ra 85 tỷ, nghĩa là còn lại 130 tỷ m³. Còn dưới biển, trong tổng số 100 tỷ thước khối, chỉ mới rút ra 12,4 tỷ, nghĩa là còn 87,6 tỷ m³.



PHỔ THÔNG 23

Mừng Phổ - Thông

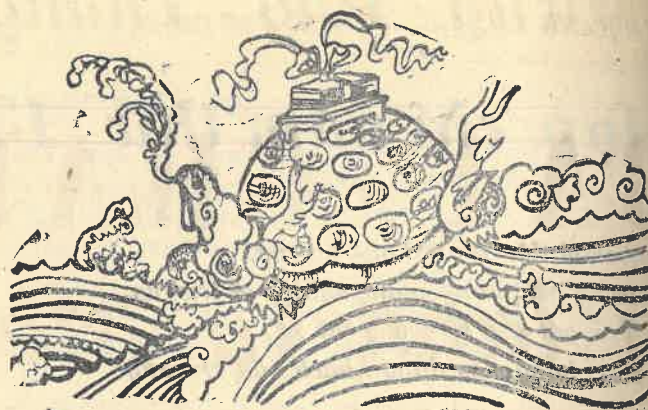
tạp chí năm thứ 13

Anh vì dân tộc với quê hương,
Rạng nét phong quang nghiệp vĩ trường.
Trải gót sơn hà xoay thế hệ,
Tri: hàng siêu đẳng khách văn chương.



Phổ thông qua mấy dặm đời,
Bút son mực thấm rạng ngời diêm tô
Mấy nghìn năm mảnh cơ đồ,
Trình sông núi có trắng thơ dệt thành.
Cổ, kim, văn hóa tình anh,
Dệt trang kiệt phẩm lưu danh mai sau.
Trang liệt nữ, khách anh hào.
Non sông cầm tú há nào lãng quên !
Đất Rồng khắc mãi tuổi t n,
Con Tiên, cháu Lạc dựng nên nghiệp nhà.
Tiền nhân nối chí gọi là,
Chông gai quét sạch, trái hòa gấm vào.
Văn đài đẹp để xiết bao.

MACH-QUẾ-HƯƠNG
(Vĩnh Bình)



Phổ-Thông sống được 13 tuổi

PHỔ-THÔNG đã được tuổi mười ba,
Giữa cảnh gian-truân của nước nhà !
Vẫn sống âm-thầm làm đuốc sáng ;
Soi đường tăm-lối kẻ gần xa.
Mở-mang văn-hoá kim và cổ,
Xây-đắp tinh-hoa trẻ đến già.
Yin chúc *DIỆU-HUYỀN* tài khéo lái,
Dưa thuyền Văn Học vượt phong-ba.

MAI - DƯƠNG - TUYẾT
(Phan-thanh-Giản, Đà-Nẵng)

VÀI TRANG LỊCH SỬ ĐÃ BỊ LÃNG QUÊN...

BÁT - CHAI, vị lãnh tụ Mèo

**đã chống Pháp đầu thế kỷ
20 như thế nào ?**

★ **PHẠM-VĂN-SƠN**

(Tiếp theo và hết)

TRÊN đây chúng tôi đã nói vào ngày 14-11-1920 Trung tá Dorey trực tiếp thay Bochot lãnh quyền chỉ huy việc đánh dẹp nghĩa quân Mèo do Bat-chai cầm đầu nhưng nghĩa quân Mèo lại hiện bất thường, lúc tập trung đông đảo, lúc phân tán mỏng, có lúc lặng lẽ hoàn toàn như đã bị tan rã khiến chiến

thuật, chiến lược của thực dân bị xáo trộn lung tung, nghĩa là chúng không biết đường nào mà mò.

Dorey đến Mưòng-ngoi liền lập một chiến tuyến từ phía Bắc sang phía Đông bằng ba trung đội đóng ở Tây Chang (Ko-hô), Mưòng-Nhà, Houei Bang và Lạng-Kút Y còn tung 3

trung đội khác xuất phát từ Sen chi-ta và Muong-Ngoi mở rộng cuộc càn quét đây núi Pou-chong-Chang. Nếu nghĩa quân không bị thất trận hay vượt qua phong tuyến thì ba trung đội này có nhiệm vụ mở cuộc bao vây, khép chặt gọng kềm với ba trung đội trên.

Hai quân gặp nhau.

Cuộc ác chiến nổ ra ác liệt

Nghĩa quân ở vùng núi Pou-khi-Pheung giữa Nậm-hu và Nậm-Seng chặn đánh Trung đội thứ 4 của thực dân xuất phát từ Luaug prabang đến Muong-ngoi. Trung đội này có nhiệm vụ tìm đánh họ ở vùng Pou-khi-Pheung

Vào ngày 8-2-1920 sáu chục quân tập kích bốn chục quân uy binh (lính tập của giặc) tại Trung đội 11 ở Sen-chi-ta. Cam quyền chỉ huy Trung-đội này là Thiếu úy Padre. Giặc bị thương một số sau một giờ rồi chiến đấu mãnh liệt rồi phải rút lui.

Trước sức kháng cự của nghĩa quân khá hăng hái chúng lại dùng biện pháp chánh trị thay cho biện pháp quân sự. Chúng cho người vác loa kêu gọi, dụ dỗ nghĩa quân về hàng, hứa hẹn

mọi sự oan toàn và thỏa mãn mọi nguyện vọng đáp lại công tác ác ôn truyền lửa phỉnh này từ rừng già phát ra những tiếng chào rủa của nghĩa quân khiến giặc tức sặc máu lại mở cuộc càn quét như cũ. Cho tới cuối năm vẫn không có kết quả

Ngày 20-12-1920 chúng thi hành cuộc càn quét làm hai đợt. Với những kế hoạch mới.

Đợt thứ nhất bắt đầu từ 20-12 đến 20-12-1921 sau những vụ tấn công kẻ như thất bại vào những tháng chót của năm trước (1920) giặc dò la biết rằng những cánh quân đã đánh nhau với chúng tại vùng Sen-chi-ta, Muong-Ngoi v.v... chỉ là những đoàn quân Mèo nghi binh, còn đại quân vẫn tập trung ở phía Đông trong khi đang những bản Bát-chai, Sung-quan la -văn 'ao-Kou v.v... nên chúng cử hai Đại đội lần

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG

ĐAU NHÚT, CẢM CỨM

lên tấn công toàn bộ miền Sơn-heup và Nam-bong. (Đại úy và Đại đội 11). Đại úy Pesquidous dẫn hai Đại đội 2 kèm theo một Trung-đội Nam thứ 4 đánh vào phía Nam bong và làng Sung-quan lao văn.

Xét về quân số giặc đã tăng cường lực lượng đến cấp tiểu đoàn nếu ta cộng số binh sĩ đã ra mặt trận bấy giờ.

Pesquidous từ Muong-ngoi ra và 3 giờ chiều hôm 22 cánh quân tiên phong của chúng đã đánh bắt chốt tại Phya-cham cách 2 cây số. Nghĩa quân từ một pháo đài, hai bên tả hữu có chiến hào, quân số độ 100 bắn ra như mưa. Nhờ có công-sự chiến đấu dũng vàng khéo sắp đặt quân Mèo đánh suốt đêm 22 đến nửa đêm hôm sau. Giặc chết lại một số nhưng chúng vẫn cứ phong tỏa làng Sung-quan Lao Văn và cướp bóc làng này:

Nghĩa quân không ham đánh và có ý bảo-toàn lực lượng nên rút từ một đường hẻm rút về làng, một số bị hy-sinh. Giờ thì Sung-quan lao văn thành mục-tiêu cho mọi mũi dùi của giặc. Chung quanh làng có đầy chỗ ẩn nấp. Đồi bên xô sát

mỗi giờ phút một mạnh và sáng hôm 24, Trung-đội lính Nam thứ 4 của Pháp đã liền chết để xông vào trong làng. Đến hồi 9 giờ sáng hai đội của Trung-đội 6, cũng lọt được vào vị trí của nghĩa quân. Giặc chết 4 bị thương 18 trong có một hạ-sĩ. quan. Nghĩa-quân thấy có cơ bất lợi liền triệt-thoái nhiều, cuối cùng chỉ còn 30 người ở lại để đánh lừa giặc rồi cũng triệt thoái theo.

Ngày 23-12 địch mang một Trung-đội từ Pong-thông gần Sen-chi-ta đánh thẳng vào Lao-Kon. Cấp chỉ-huy của Trung-đội này là Đại úy Limousin, nhà cửa của nhân dân Mèo trên đường đi của giặc đều đã bị đốt phá sạch và mọi người vào hết trong rừng sâu để tránh sự chém giết của chúng.

Ngày 24-12 nghĩa quân làm

DECAPAN

THUỐC THOA. CHUYỀN

TRỊ CÁC BỆNH NGOÀI

DA.

trận khi giặc ào vào làng. Cuộc đụng độ kéo dài 2 tiếng đồng hồ sau đó nghĩa quân rút đi.

Ngày 26-12 đôi bên lại gặp nhau ở một địa điểm khác trong vùng, địch bị thiệt hại nhiều. Trưa ngày hôm ấy Trung đội thứ 11 của giặc bị đánh rất cách làng Phú-Nhai 600 thước làm 2 tên bị thương trong đó có Thiếu-úy Padre.

Nghĩa quân lại rút.

Nhưng giặc càng đến gần cứ điểm Batchai càng chặt vật. Tới đây giặc kinh nghiệm rằng chúng không phải chỉ đương đầu với nghĩa quân Mèo mà cả với nhân dân Mèo nữa. Ảnh hưởng của lãnh tụ Bat-chai ăn sâu đậm vào khắp tầng lớp nhân Mèo xa cũng như gần. Riêng việc nhân dân Mèo đánh theo lối du kích vào các đoàn vận tải của chúng, chúng đủ thấy mệt. Và việc phá hoại này có tính cách tự động bởi Bat-chai chỉ kêu gọi họ có một lần. Để trả thù bọn Pháp dõ thủ đoạn đê hèn nhất là phá hoại Kinh-tế của họ: đốt nương, hũy rẫy, hoa màu và cây thuốc phiện là nguồn lợi lớn nhất của miền Sơn-cước.

Qua ngày 19-1-1921, viện quân lại ùn-ùn kéo thêm đến tăng

cường cho lực lượng Limousin và Pesquidous nên hai làng Bat-chai và Sung-quan lao vào không thể là những vị trí có giá trị tuyệt đối cho việc chiến đấu lâu dài. Nghĩa quân đành bỏ hai cứ điểm này sau khi đốt hết nhà cửa và phá hủy các công sự.

Đợt thứ hai từ cuối tháng 1-1921 đến tháng 2-1921 cuộc kháng chiến của nhân dân Mèo vẫn tiếp tục ở các nơi khác ngoài vùng Sung-quan lao vẫn nhưng thế nguy của nghĩa-quân đã trông thấy bởi việc bổ sung quân số đã thấy khó khăn. Trái lại về phía địch đã chiếm được toàn quốc ta; chúng thiếu đến đâu thì có tới đó để bù vào chỗ tồn thất.

Trước tình trạng này tinh thần của nghĩa quân sút giảm dần. Pháp lợi dụng được một lãnh tụ Mèo đến ra hàng tên là Sung-quan-Sung ở Mườngngoi tới đi khuyến dụ dân Mèo ra hàng. Chúng hậu đãi tiền bạc và, muối, thuốc men cho những gia đình về với chúng. Chúng còn thi hành cả chức thậm độc nhất là đặt giải thưởng lớn cho bọn phản bội và bọn lính dõng. (lính Mèo) xui chúng lùng nghĩa quân chặt đầu về nộp hàng thưởng, hoặc bắt vợ con và cha

của nghĩa-quân để làm áp lực với nghĩa-quân. Việc này hiệu-lực đáng kể nên hàng ngũ của nghĩa quân càng mỗi ngày một thêm tan rã mạnh.

Nhưng có một điều giặc Pháp không làm nổi và không bao giờ thành công là kêu gọi được dân-tự Bat-chai hay bắt được Bat-chai mặc dầu chúng đã nghiên cứu rất nhiều phương thức sâu sắc. Chúng hiểu rằng Bat Chai còn thì dân tộc Mèo vẫn ở trong tay Bat-chai. Chúng chia nhau thành nhiều toán quân nhỏ rải rác khắp nơi để lùng bắt Bat-chai mà vẫn tuyệt vô âm tin. Song hành với các toán quân càn quét, còn những đội quân tinh bảo bí mật, những đội phục-kích trong các nẻo đường xuyên sơn nhưng bí-mật vẫn bao trùm hoàn toàn con người của vị lãnh tụ bất hủ ấy.

Có kẻ nói rằng sau khi đại-cuộc không thành ông ta đã vượt sang đất Tàu, cùng vợ con sang ở bên kia biên thùy Việt-Hoa. Còn thực dân sau Đại chiến thứ nhất ít năm đã xuất toàn lực đàn áp đồng bào Mèo các nơi và dần dần đặt xong được nền thống trị khắp vùng Tây Bắc Việt-Nam bằng chánh sách lấy người Mèo trị người

Mèo cũng như dùng người Việt để trị buộc người Việt.

Chúng tôi viết bài này hôm nay để kỷ niệm cuộc kháng chiến anh dũng rất đáng ca ngợi của các đồng bào sơn cước; đồng thời cũng tỏ lòng sùng kính vị anh hùng Bat-chai và xin đưa ông vào Lịch-sử. nước nhà chung vai sát cánh với các nhà ái-quốc các liệt-sĩ ta từng ghi tên trên sách vở cũng như trong tâm-khảm.

□□□





... VUY-UYÊN

ĐỊNH MỆNH

Đã hơn ba năm trời dài dang dẳng và đau khổ biết chừng nào! Tuấn vẫn còn đi. Phải, Chàng vẫn còn lê bước chân đi tìm kiếm, không một chỗ nào là không có gót chân chàng đặt đến. Từ những nơi bùn dơ nước đọng của một xóm nghèo nàn, hay ở những thềm hoa gạch quý của các Vũ Trường. Thế mà chàng vẫn không tìm thấy bóng dáng người yêu đâu cả.

Vừa đi chàng vừa thì thầm như nói với chính mình.

— Mai Liên em! hiện giờ em ở đâu? em có biết chăng, từ ngày em bước chân ra đi. Nay đã hơn ba năm trời biệt biệt, anh đau khổ và nhớ đến em biết chừng nào! Em có hay chăng, trong thời gian đó anh đã đi tìm kiếm em không chỗ nào là không tới, thế mà bóng em vẫn biệt phương trời vô định...

Tuấn vẫn còn đi, nhưng bước chân của chàng vẫn dần dần bước, nhưng chàng không biết mình đi về đâu. Bóng chàng xiêu vẹo ngã nghiêng

đó dài trên mặt đường, chập chờn như bóng ma ẩn hiện dưới ánh đèn điện không đủ tỏa ánh sáng, mà chỉ vàng ọt, mờ ảo. Không biết vô tình hay cố ý Tuấn lại đi vào con đường đầy kỷ niệm, mà ngày xưa chàng và Mai-Liên thường sánh bước... Ôi! thế mà giờ đây chỉ mình chàng đơn độc bước như một kẻ không hồn. Bất giác Tuấn khẽ thở dài lầm bầm.

— Thời gian trôi nhanh thật, mới ngày nào...

Tuấn đi đến công viên lúc nào không hay. Vẫn quen thói cũ chàng bước lại ngồi chỗ băng đá, nơi mà Liên và chàng hay ngồi ngày nào khi hai người còn bên nhau, nhưng giờ đây chỉ mình chàng lặng lẽ ngồi một mình buồn biết bao. Tuấn ngược lên nhìn những cảnh vật xung quanh như để tìm những dư hương ngày xưa. Nhưng ế ố thay mất chàng lại nhìn thấy đôi tình nhân đang âu yếm nhau nơi băng đá bên cạnh. Những tiếng yêu đương và giọng cười khúc khích đó lại rót vào tai chàng,

Chàng khác gì như đem một con dao đâm vào tim rỉ máu. Chàng đưa hai tay lên bịt lấy tai, nhưng ác nghiệt thay chàng vẫn còn nghe rõ tiếng nói yêu đương đậm đà kia. Chàng lắc đầu như cố xua đuổi hình ảnh kia đi nhưng không tài nào được, cuối cùng chàng gục đầu xuống hai tai ôm lấy đầu. Hình ảnh ngày nào Chàng và Mai-Liên ngồi nơi đây hiện về với Tuấn một cách rõ rệt.

Đêm hôm đó cũng có ánh trăng mờ mờ như đêm nay. Liên gói trọn trong lòng Chàng thủ thủ tiếng yêu đương đậm đà, lòng Tuấn gợn lên niềm sung sướng không thể tả. Chàng siết nhẹ vòng lưng thon của Liên kéo sát vào mình, Chàng thì thầm bên tai nàng.

— Em ơi lòng anh sung sướng quá em biết không?...

Liên ngã đầu vào vai Chàng, ngửa mặt lên cười chúm chím, Tuấn như ngây ngất trước vẻ đẹp liêu trai của Nàng, hai lúm đồng tiền rất duyên khi mỗi lần nàng mỉm cười nó lại hiện lên rõ rệt, đã bao lần chàng tình nghịch đặt tay vào đó rồi ngoáy qua ngoáy lại, Tuấn càng

ghì chặt Liên thêm rồi cuối cùng cúi xuống đặt lên trên môi nàng một chiếc hôn nồng nàn say đắm, đam mê.

Liên đầy nhẹ chàng ra trách.

— Anh làm em sắp ngộp rồi đây nè.

Tuấn cười trong đam mê, mờ ảo.

— Anh yêu em lắm Liên à. Chúng mình hãy tạo hạnh phúc của tình yêu luôn luôn được bền chặt nghe em ?...

Liên khẽ gật đầu thay câu nói.

Ánh trăng mờ dần, mờ dần sau làn mây như e thẹn trước đôi tình nhân trẻ đang âu yếm tràn ngập trong hạnh phúc yêu đương.

Bỗng giọng Liên trầm buồn hỏi.

— Tuấn, anh có yêu em thành thật không ?

Tuấn ngơ ngác.

— Em hỏi gì kỳ vậy, em không tin ở tình yêu của anh sao. Vắng em ngày nào là anh nhớ em chừng này, anh có thể

chết được khi thiếu vắng em...

— Em cũng yêu anh lắm, nhưng không hiểu sao em lo sợ cho một ngày mai tình chúng mình sẽ dang dở...

Tuấn chặn lời nàng.

— Thôi em đừng nói nữa, một khi chúng mình đã yêu nhau thì không có gì ngăn trở cả, mặc dù có chẳng nữa, anh đủ sức để vượt qua mà tiến tới với em.

— Anh ạ bỗng dưng em lại nghĩ khi chúng mình xa nhau chắc buồn lắm phải không anh ?.. em...

Tuấn vội đưa tay bịt miệng nàng lại.

— Liên em đừng nói gò, không gì chia sẻ được tình ta.

Tuấn cúi xuống uống cạn từng giọt lệ lan tràn trên mặt Liên, Chàng đặc môi lên đôi mắt sâu buồn như nước hồ thu của Liên.

Chàng khẽ thì thầm bên tai nàng.

— Liên, mai anh về quê,

ba má đề tiến tới cuộc hôn nhân chúng mình, phải, anh có hôn nhân, chúng mình mới khỏi phải xa nhau. Chúng mình sẽ sống trong một mái nhà có anh có em. Em hãy nghĩ xem lúc đó còn gì hạnh phúc bằng...

— Vắng em cũng chỉ mong anh về thôi.

Rồi hai người lại ôm chặt lấy nhau như không bao giờ rời. Ánh trăng lại sáng tỏ như ban ngày vui mừng cùng ân tình nhân vừa trải qua một giấc mộng hải hùng.

— Thôi khuya rồi chúng mình về đi em.

Tuấn dìu Liên từng bước trở về con đường mà hai người vẫn đi. Họ đặt tên cho con đường là con đường « hạnh phúc của tình yêu ». Hai bóng hình cứ chập vào nhau Thành một hình độc nhất. Tà áo của Liên phất phơ theo gió quyết vào chân chàng như âu yếm. Những chiếc lá vàng rơi lác đác Tuấn mừng tượng là xác pháo đón chào đôi tân lang « Tuấn-Liên ». Nhưng đời cứ thế trôi chảy thì cuộc đời Tuấn

đâu có đau khổ như hôm nay. Chàng hơn hờ vui tươi đề báo tin mừng cho người yêu. Thì ôi thôi Liên đã ra đi không để lại tin tức gì, không một lời từ biệt. Tuấn tự hỏi lòng, chàng không có lỗi làm gì mà đến nỗi Liên phải buồn giận chàng mà ra đi, giờ biết nàng đi về đâu. Thân gái dặm trường cuộc đời đầy chạm bấy này. Giờ Liên sống ra sao.

Tuấn mang một nỗi buồn sâu kín đi tìm người yêu, từ những chỗ quen biết rồi tới chỗ xóm nghèo, Vũ trường và nhiều nơi khác, thế mà bóng Liên vẫn biệt tăm, không ai hay biết nàng đi về đâu. Cuộc tìm kiếm vẫn hoài không bóng người yêu đâu chẳng thấy... biệt tăm... vẫn hoài biệt tăm...

Một lần gió mạnh thổi qua khiến Tuấn giật mình mới biết từ nãy giờ mình ngồi tại băng đá công viên mà thả hồn trong dĩ vãng tình yêu. Sương đã xuống thấm ướt hai bờ vai gầy, Chàng uể oải đứng dậy và bước đi một phương trời vô định. Chàng cứ đi, đi mãi...

— Anh Tuấn.

Tuấn giật mình đứng lại, tiếng gọi hơi quen quen, chàng quay lại, và chạy về phía người con gái đó, có dáng người giống Mai Liên với mái tóc mềm mại thả xuống bờ vai tròn nhỏ, như bắt được vàng Tuấn kêu lên mừng rỡ.

— Em Liên.

Nhưng Tuấn vội khựng lại, nụ cười tắt vội trên môi, người con gái đó không phải là Liên mà là Huệ, người bạn thân của Liên.

Tuấn ấp úng.

— Xin lỗi chị, tôi tưởng lầm là Liên.

Huệ nhìn về tiểu tụy bờ phờ của Tuấn ái ngại.

— Anh Tuấn sao anh ra nông nổi này, anh biết không? anh gầy đi nhiều, mặt hốc hác, tóc tai bờ phờ và đôi mắt sâu quầng thâm đen em buồn lắm anh ạ.

— Chị thử nghĩ coi, tôi vui sao được. Liên ra đi không một lời nói, giữa khi tôi và nàng còn yêu nhau tha thiết, thế rồi bỗng đứng lại chia lìa,

chị khuyên tôi hãy quên nàng đi, nhưng biết bao giờ mới quên được mối tình giữa tôi và nàng.

Tuấn khần khoản tiếp.

— Chị Huệ, hiện giờ chị có biết Liên ở đâu không, chị đừng giấu tôi nữa. Chị không thấy sao tôi khổ sở thế này chị nhân tâm nào...

Huệ chặn lời Tuấn.

— Anh Tuấn, em hối hận lắm, em giấu anh, đó cũng chỉ là do Liên yêu cầu em không được nói với anh. Nhưng bây giờ thì em không thể giấu kín được lâu nữa.

Tuấn mắt sáng lên nắm tay Huệ giọng hấp tấp.

— Liên bây giờ ở đâu hả chị, nói cho tôi biết ngay đi?

— Anh hãy bình tĩnh chuyện còn dài lắm, em sẽ nói cho anh rõ. À chúng ta vào quán đằng kia, em sẽ nói cho anh biết đầu đuôi ra sao mà Liên lại ra đi như thế.

Tuấn và Huệ vào trong quán ngồi ở một góc khá vắng.

— Ông bà dùng gì?

Tuấn trầm ngâm, lòng chàng rối như tơ vò nên không nghe thấy.

Huệ làm lơ hỏi Tuấn

— Anh uống gì?

Tuấn lắc đầu tôi không khát chị ạ. Chị nói cho tôi biết ngay đi.

Người chủ quán vẫn còn đứng đó đợi.

Huệ khoác tay.

— Bà chủ làm ơn cho hai ly nước ngọt.

Huệ nhìn gương mặt Tuấn, bất giác thấy trong lòng mình nao nao, tình yêu lại nổi dậy, biết rằng nàng chỉ yêu âm thầm trong tuyệt vọng, nàng đã yêu Tuấn từ lâu, nhưng Huệ chỉ đau khổ cho mình khi biết Tuấn chỉ yêu Liên người bạn của nàng. Từ ngày Liên ra đi Huệ nuôi bao nhiêu là hy vọng rằng chàng sẽ quên Liên đi, nàng đem bao nhiêu lời khuyên giải, và an ủi Chàng, nhưng chàng vẫn một mực giữ lòng chung thủy với Liên. Nàng buồn và giận Tuấn nên hơn

một tháng nay nàng không gặp, mà giờ đây gặp lại chàng nàng càng đau khổ khi biết Tuấn chỉ nặng tình yêu về Liên thôi. và thân thể ra nông nổi này.

Huệ nén lòng.

— Uống nước đi anh.

Tuấn sốt ruột giục.

— Chị uống đi, tôi chẳng thấy khát. Chị nói cho tôi biết ngay đi tôi sốt ruột lắm.

Huệ uống một ngụm nước. rồi đâm chiêu để nhớ lại sự việc đã xảy ra đã qua.

Giọng nàng trầm ngâm.

— Anh biết không, từ ngày anh trở về quê, cách hai hôm, thì Thúy ăn ngày sinh nhật.

— Anh có biết cô Thúy không, em ông Hùng đó.

Tuấn gật đầu,

— Biết.

Huệ kể tiếp.

— Hôm đó Thúy có mời em và Liên, nhưng em bị cảm không đi được, có lẽ Liên đi. Cho nên từ đêm hôm đó Liên bất tin, không biết là đi đâu, cả

nhà Liên đi liếm và em cũng đi tìm khắp chỗ mà không thấy. Cuối cùng em gặp Liên ở trong một xóm lao động. Liên đã nức nở khóc với em và kể cuộc đời đen bạc mà định mệnh đã dành riêng cho Liên. Đêm sinh nhật của Thúy. phải, đó là đêm định đoạt của đời Liên. Liên đã mất đi cái gì trong trắng và quý báu nhất của người con gái, vì tay của Hùng anh của Thúy. Hùng đã yêu Liên từ lâu nhưng không được Liên đoái tưởng, nên cố ý chiếm đoạt thể xác của Liên.

Vì vậy mà Liên ra đi sau một đêm kinh hoàng đó, Liên trốn tất cả bạn bè, nhưng cuộc đời nhiều đen trắng rồi cuối cùng Liên xa ngã, đã trót đạp lên làm rồi thì bước đi luôn. Bây giờ Liên không còn như xưa nữa, thân tàn ma dại, thể xác và đau khổ đã hành hạ Liên.., Liên không còn xứng đáng với tình anh, cho nên Liên không muốn cho anh gặp vì tình của anh cao thượng quá còn Liên thì...

Tuấn ngắt lời

— Sao từ trước chị không nói sao cho tôi biết.

Huệ nghe ngào.

— Vì từ trước Liên có cảnh báo em đừng nói, với anh và khuyên anh hãy quên Liên đi.

— Chị Huệ như vậy có tàn nhẫn với tôi không.

— Anh Tuấn anh cứ chờ em đi, chờ nữa đi giờ em em hối hận lắm rồi, vì em mà hai người đến nỗi này.

— Huệ, chị tha lỗi cho tôi.

Huệ lắc đầu ứa nước mắt.

Tuấn, anh không có lỗi gì, lỗi là ở em.

— Chị Huệ Liên bây giờ ở đâu.

Huệ đứng dậy trả tiền.

Anh đi theo em tới chỗ Liên ở ngay bây giờ.

Hai người hấp tấp ra đi, được một lúc lâu mới dừng lại ở một căn nhà tối lụp xụp, hơi hám xông lên.

Bất giác Tuấn kêu lên.

— Trời! Liên mà ở chỗ này sao!..

Cửa chỉ khép hờ Huệ đẩy cửa trước và Tuấn theo bèn gót lòng hồi hộp.

— Liên ơi có ở nhà không, Huệ đây nè.

Tiếng Liên khàn khàn..

— Ai đó. Huệ đấy à.

Giọng Tuấn lạc hẳn đi.

— Em Liên.. Tuấn về với em đây.. nhận ra anh không Tuấn đây... Tuấn của Liên đây.

Liên đang nằm trong giường hoảng hốt ngồi dậy, nhìn đăm đăm vào người đàn ông trước mặt. Tuấn bước tới bên Liên, lòng chàng quặn đau vì Liên giờ đây tiền tụy, mặt mày hốc hác, tóc tai rối bù, người gầy đi không còn gì là Liên của chàng năm xưa nữa.

Tuấn rên rỉ.

— Em Liên.. Tuấn đây

Liên hốt hoảng thét lên.

— Anh Tuấn...

Rồi như điên dại cầm đầu chạy thẳng ra ngoài bằng mình vào đêm tối. Tuấn và Huệ như sự tỉnh biến cố vừa qua, vội chạy lại thất thanh kêu.

— Em Liên

— Liên ơi hãy dừng lại...

Bỗng một tiếng xe rít trên mặt đường rùng rợn và tiếp theo là tiếng thét hải hùng.

— Á...Á...Á...

Tuấn và Huệ vừa trở tới, thì Liên đã nằm sòng sọt ở đầu xe, mình mẩy đầy máu me Tuấn vội quỳ xuống xốc người yêu lên lay gọi, giọng lạc lỏng.

— Liên em hãy tỉnh lại đi em.

Như một nhiệm mầu. Liên từ từ mở mắt môi mấp máy nói đứt từng quãng.

— Tuấn.. anh.. tha thứ.. cho em.., vĩnh biệt tất cả...

Rồi Liên nhắm mắt buông xuôi tất thảy.

Tuấn gào thét.

— Mai Liên em...

Như điên dại chàng ầm Liên đứng dậy chạy băng vào đêm tối miệng không ngắt kêu.

— Mai Liên em... Mai Liên... em...

Đang sau Huệ cũng chạy theo.

— Anh Tuấn... Liên ơi...

— Anh Tuấn... Anh Tuấn...

●●●

Một đạo chẳng hai đường

□□□ THÁI BẠCH

TRONG hàng khoa bảng suốt thời nhà Nguyễn, người đồ vẽ vang nhất phải nói là ông Tam-nguyên Trần-bích-San. Sinh năm 1833 mất năm 1877, người làng Vị-xuyên, huyện Mỹ-lộc, tỉnh Nam-định, ông Trần-bích-San thi hương đỗ giải-nguyên trường Nam năm 1864, qua năm sau thi đỗ hội nguyên rồi đình nguyên, tức liên trúng tam nguyên, nên vua Tự-Đức ban cho biệt hiệu là Hy-Tăng, để sánh với Vương-Tăng, một nho sĩ bên Trung-quốc xưa đã liên tưng tam-nguyên đời Tống.

Thi đỗ sớm, làm quan sớm, lại không may mất sớm, thành thử sự nghiệp văn chương của ông Tam-nguyên Trần-bích-San lưu lại cho đời, không được lừng lẫy như ông Tam-nguyên Nguyễn Khuyến (tức Yên-Đỗ) người cùng bạn học một thầy cụ

Hoàng-Giáp Tam-đăng Phạm-văn Nghị.

Có người bảo ông Trần-bích-San chỉ tài về Hán-Tự không giỏi về quốc âm, nên thi văn ông làm cũng nhiều mà không được phổ biến sâu rộng trong quảng đại quần chúng. Vả lại, đa số là những bài thù tạc, nên ngay cả giới sĩ phu cũng không truyền tụng mấy. Bằng chứng trong quyển thơ «Tam-nguyên Vị-xuyên thi tập» của ông lưu lại có cả hàng trăm đầu đề mà nhắc đến, người ta chỉ kể mỗi bài Tam quá Hải vân quan (3 lần qua đèo Hải vân).

*Tam niên tam thương Hải
vân đài
Nhật điều thân khinh độc
Vãng hồi.
Thảo thụ bán không đề
nhật nguyệt,
Bản khôn chích nhơn tiểu
trần ai.*

*Vân phi sơn thủy vô kỳ
khí ;
Nhân bất phong sương vị
lão tài.
Hưu đạo Tần quan chinh
lộ hiểm,
Mà đầu hoa tận đời yên
khai.*

Ông Tô-Nam Nguyễn-đình Niệm đã dịch ra quốc âm :

*Nhe bằng mình chim lối
Hải vân,
Ba năm qua lại đủ ba lần.
Xưa con mắt ngó trần ai
hẹp ;
Sát ngọn cây trông nhặt
nguyệt gần.
Chứa dạn phong sương tài
chứa luyện ;
Không pha sơn thủy bút
không thần.
Mây lồng cổ ngựa hoa đua
nở ;
Cổ hiểm gì đầu lối ái Tần...*

Nhưng theo tôi, có lẽ không đúng vì ông Tam-nguyên họ Trần có một giai thoại hy hữu, xin kể lại sau đây :

Tục truyền khi ông đi nhậm chức tuần phủ Hà nội, có ông Khâm sai linh mục Trần-văn-Lục (tục gọi cụ Sáu) ở xứ đạo này. Chúa giáo Phá điếm đến

Cụ Sáu họ Trần (1825 1899 người làng Mỹ-quán tỉnh Thanh-hóa) vốn cũng tay thâm nho, nên trong khi trò chuyện có đưa một câu đối nói thác của người khác ra, nhưng khó quá, đối không được, muốn nhờ ông Tam-nguyên đối hộ. Ông Tam-nguyên lễ phép thưa :

— Xin cụ cứ cho nghe, xem kẻ hậu sinh này có thể có được không ?

Cụ Sáu đọc :

**Ba cụ ngồi một cỗ, cụ
đủ đều cụ chẳng sợ ai ?**

Câu ra này bao hàm một ý nghĩa ngạo nghễ, muốn gián tiếp chỉ cho ông Tam-nguyên biết rằng : «Các anh muốn ghét đạo Gia-Tô thì ghét, bài xích thì bài xích. Ta đây không sợ, và cũng đủ lý lẽ để đối lại như ai». Cái khó vẽ hình thức của nó là ở chỗ trong câu ra đã có chữ «cụ» để chỉ tiếng cụ đạo (linh mục) lại có cụ là cỗ, cụ là đủ, cụ là đều, cụ là sợ.

Với óc thông minh, ông Tam-nguyên nghe xong, biết ngay ông cố đạo họ Trần vừa muốn thử tài, vừa chơi chữ xô xiềng, nên trả lời :

— Thưa cụ, *tuồng sao*, chớ dễ thế, kẻ hậu sinh này tuy dốt vẫn có thể đối được chỉ sợ đối rồi, không hay lắm, và sợ cụ buồn giận !

Cụ Sáu cười ra vẻ đắc ý, nói :

— Được «*văn hành công khí*» miễn quan lớn đối hộ cho là cảm ơn, có chi mà giận cốt hay thôi !

Ông Tam-Nguyên khiêm tốn :

— Dạ, cụ đã cho phép, kẻ hậu sinh này xin đối :

*Một đạo chẳng hai đường,
Đạo dẫn trộm đạo còn nói
láo !*

Câu đối lại này có bao hàm một ý nghĩa gián tiếp chê ông cố đạo họ Trần đã chạy theo quân đội thực dân Pháp, được Pháp che chở, ý thể Pháp lên mặt, đã vậy không biết đó là nhục, còn ra vẻ hách dịch ta đây với lý lẽ nọ kia. Cái hay của nó là ở chỗ trong câu đối lại, đã dùng chữ «*đạo*» là đạo, lại có đạo là đường, đạo là dẫn, đạo là trộm, đạo là nói, để đáp lại với một chuỗi dài những chữ «*cụ*» ở trong câu ra trên. Đặc biệt là dùng chữ đạo để đối với chữ cụ ; cụ đạo !

Thế là ông Sáu họ Trần bị chơi lại ngay một cú đáu hơn

hoạn. Nhưng biết làm sao được ! Ta chính ông là kẻ đã gieo gió, gieo gió thì phải chịu gặt bão, nhất là ông ta tuyên bố «*văn hành công khí*» và chỉ «*cốt hay thôi*». Vô quít đầy móng tay nhọn ! Thành ông chỉ còn nước rút lui, cáo từ ra về với vẻ mặt xúi xị.

Kể ra thì ông Sáu hơi thật, nếu không nói là dầy. Nhưng ai bảo ông đã tự kiêu tự đại, không biết ngấm lại bản thân trước.

Chuyện này chỉ là giai thoại giữa hai người, một bên là nhà Nho quan chức của triều đình, một bên là tu sĩ của một tôn giáo đang bị khủng bố vì nghi oan tất cả theo giặc. Nhưng xuyên qua đó, ta thấy ông Trần bích-San về tài học quả xứng danh một vị Tam nguyên, đồng thời cũng là tay cừ Nôm chứ không kém như người ta tưởng đâu. Và đây tuy là giai thoại, nhưng với đời ông có lẽ câu chuyện này đáng để cho đời nhắc lại hơn là những thi văn kia vậy.

THÁI-BẠCH



PHỒ-THÔNG — 235

Mùa thu trên cao

Mùa thu này mưa giăng giăng bay bay.

Trên đèo cao mây mù che đen đầy.

Buồn lơ lơ đang trôi ngang rừng thông.

Từng hàng cây cảnh reo vang xoay vòng.

Màu vàng sầu màu xanh trên cánh tuôn.

Thân bơ vơ gầy đũa ca u buồn.

Trông lưu đây mơ toàn là vu vơ.

Từ đèo cao thương ngày xưa xa mờ.

Như cung đàn buồn vào lòng kêu than.

Làm văn thơ run suy tư từng hàng.

Mang bàng khuâng bà mẹ cùng bảy em.

Cầu mong sau còn vương tròn êm đêm.

Mùa bây giờ còn đơm bông vàng không?

Dân nghề nông đông hay thưa...cày rờng?

Trường làng xưa đâu — đâu xanh ra sao ?

Thương ông thầy đầu sần nua hai màu.

Mặn đêm về — tàn cơn mơ phân vân.

Nghe lòng đau nên hồn ta khó cần.

Bầu không gian mưa ngừng than mây tan.

Ta có đơn ta mong đêm mau tàn.

VƯƠNG-ĐẠI-LỢI

Phan Thiết



Cây dừa 3 ngọn

□□□ PHAN-HOÀI-BẢO

ĐÂY bức ảnh cây dừa ba ngọn ở Hà-tiên, một cây dừa lạ nhất thế giới. Cây dừa này ít lắm cũng đã được 80 năm. Khi xưa nó cũng mọc như các cây dừa

khác, đến một năm nào đó không ai còn nhớ vào khoảng năm nào nó bỗng nhiên đâm ra hai nhánh rẽ quạt thành ra ba ngọn, như có một quyền phép kỳ diệu nào của tiên thánh. Cả ba ngọn

PHỒ-THÔNG — 255

đều sanh ra trái đều nhau. Đứng dưới đất ta thấy như trái nhỏ vì nó cao quá, nhưng khi ta hái được trái đem xuống thì trái to như trái dừa to mới có trái chiến.

Năm 1956 bị một trận bão lớn, vì cao quá phải tróc gốc ngã nghiêng về hướng bắc tây bắc châu thành (dừa này mọc ngay trung tâm châu thành), Ty Công-Chánh mới đúc hai cây trụ chống đỡ nó lên như bác thấy trong ảnh.

Tuy nhiên sắp ngã như thế mà hiện nay cây dừa này vẫn

còn và vẫn trở trái sai như thường lệ, không ai được leo lên bẻ trái sợ làm hư hỏng mất đi cái di-tích kỳ lạ ấy.

PHAN-HOÀI-BẢO
(Kiên-Giang)



Võ-Duy-Thạch

thay vì **Võ-Duy-Thạch**. Trong Phồ-Thông số 253, Bà Ái Lan viết về «ông **Võ-Duy-Thạch**», theo tài liệu các sách báo cũ do bà tra cứu.

Nhưng theo những sử liệu chắc chắn hơn mà chúng tôi được biết thì tôn danh của ông Bổng-nhân làng Kim Bồng là **Vũ-Duy-Thạch**. Các bản văn bằng chữ Nho cũng chép rõ là **Vũ-Duy-Thạch**.

Vậy, xin minh-định nơi đây, để các nhà học giả tự đính chánh.

PHỒ-THÔNG

PHỒ-THÔNG — 255

85

Chùa Nhận-Sơn

●●● LÊ-NGỌC-QUANG

RỒI thị xã Qui-nhơn, theo quốc lộ số 1 đi về hướng bắc và sau khi đến địa phận xã Đập-đá quận An-nhon, du khách đi ngoặt về hướng tây độ một cây số rưỡi là đến ga Vân-sơn. Từ ga Vân sơn muốn đến ấp Nhận-tháp phải đi về phía nam độ 300 thước.

Ấp này thuộc xã Nhơn-hậu quận An-nhon tỉnh Bình - định, một ấp có nhiều di tích lịch sử.

Ấp Nhận-tháp nam giáp ấp Quan-quang, bắc giáp ấp Vân sơn, đông giáp ấp Ngãi-chánh tây giáp ấp Thiết-trụ và quy tụ 1.789 người dân.

Theo các vị bô lão, ấp này gọi là Nhận tháp vì xưa kia trên một ngọn đồi thuộc ấp này có ba ngọn tháp Chàm.

Nhận-sơn tự

Từ ga Vân-sơn đi về phía nam độ 300 thước, du khách sẽ có dịp viếng thăm chùa Nhận-sơn tại xóm An-xuân. Chùa vách gạch lợp ngói dựng trên một khoảnh đất rộng dưới chân đồi Ba-tháp.

Sau khi vào khỏi cửa tam-gian, tiếp đến là một lối đi rộng, hai bên có hai hàng lan can. Nhìn về bên tả, một ngôi tháp hình bát giác cao 5 thước, trên chóp xây hình búp sen. Đó là ngôi mộ của vị hòa thượng sáng lập ngôi chùa xưa kia. Bên hữu, một tháp mới dành làm ngôi mộ tương lai cho vị trụ trì chùa này.

Phía ngoài chánh điện, chữ « Nhận sơn tự » bằng xi măng được tạc lên nổi bậc phía trên

Bước vào trong, ngừng chân lên, du khách sẽ trông thấy một tấm hoành với hàng chữ « Nhận-sơn-tự » sơn son thếp vàng. Tại đây du khách được dịp mục kích tường tận hai tượng đá mà dân chúng địa phương thường gọi « hai ông Bà ». Tượng đá cao 3 thước và tượng này cách tượng nọ 3 thước.

Trong truyền xưa kia tại nơi đây được dân chúng địa phương tin là linh thiêng bên lập chùa thờ phượng. Từ đó, chùa này được gọi « chùa Ông Bà », lại có tên chùa « Nhận sơn » vì nằm dưới chân hòn thổ sơn thuộc ấp Nhận tháp. Hòn thổ sơn này thường được dân chúng gọi đôi « Ba tháp ».

Chùa này còn gọi là « Song nghia tự » và có giả thuyết nói rằng xưa kia Huỳnh-tấn-Công và Lý-xuân-Điền ăn ở với nhau rất tử tế và lại còn giúp đỡ dân chúng địa phương nên có người tạc tượng để kỷ niệm. Theo sách « Đồ-bản ký » thì bảo rằng đó là di tích của người Chiêm thành.

Cách tượng đá chừng 10 thước là một bàn thờ bằng gỗ, nơi có tượng đức Thích-ca mâu-ni.

Phía bắc ngôi chánh điện được đặt một đại hồng chung và phía nam là phòng « ti kheo » nơi vị trụ trì nghỉ ngơi.

Sau chánh-điện là hậu điện. Hậu điện này vừa được trùng tu năm 1967, gồm 3 phòng trong đó có phòng chính để thờ phượng và hai phòng hai bên dành cho các vị sư tăng nghỉ.

Bên tả chùa Nhận-sơn cách đó chừng 300 thước, về phía đông bắc một bầu sen hình trắng thượng huyền rộng trên 3 mẫu được gọi Tân-nguyệt-tri. Trước mặt chùa, cách đó chừng 100 thước là bầu Ao rộng hai mẫu ta. Bầu này đã từng giúp ích cho nông gia trong việc tưới ruộng. Bầu sâu lối 2 thước và đầy rẫy những bông súng. Nơi đây, những loạt cá rô; cá sặc bơi lội nhón nhơ trông tuyệt đẹp.

Nhắc đến chùa Nhận-sơn, một tác giả vô danh đã có bài thơ như sau ;

« Nhận sơn chùa cũ dưới chân
đồi,
Tượng đá hai ông đứng chẳng
ngồi.
Ngày tháng dài sen hương biếc
tỏa,
Sớm chiều bệ Phật nền vàng
sôi.

Xa xa mặt nước hồ Tân-nguyệt,
Gió trái làn hương lặn cuối
trời.
Nhạn-Tháp rồng thiên còn ẩn
bóng,
Nghìn năm đêm mãi tiếng
chuông rơi.

Đồi Ba - Tháp

Cách chùa 100 thước về phía tây, ngọn đồi Ba-tháp (còn gọi núi Long-cốt) sừng sững. Đây là một ngọn đồi, phía trên bằng phẳng, chính giữa một khoảng trũng xuống rộng 50 thước. Cũng tại ngọn đồi này, xưa kia có 3 ngọn thắm Chàm nhưng đã sụp đổ và hiện nay chẳng còn lưu lại dấu vết gì.

Nhìn về phía bắc, cách đó chừng hai trăm thước là thành Đồ Bàn ngày xưa. Cũng về phía bắc, tại ấp Nam-tân, cách đó không xa, một bầu sen rộng đến 20 mẫu. Bầu này vào mùa hè những đóa hoa sen đỏ tỏa hương thơm ngát. Dân chúng địa phương cho biết rằng bầu này ít cạn nước và nếu có trường hợp cạn nước ắt có một sự gì khác lạ. Họ cũng đã cho biết trong năm 1954 và trong năm 1963, đã xảy ra hai lần hồ này nước cạn.

Nhìn về phía đông bắc, tại ấp Bả-canh thuộc xã Đập-đá là bầu

Bể. Tương truyền nơi đây xưa kia các vua chúa hay dùng nơi này làm nơi tắm voi ngựa. Tại bầu này, đào sâu xuống, người ta tìm thấy những chiếc neo của ghe thuyền. Vì vậy, nhiều người bảo rằng xưa kia nơi đó là biển. Cũng vì lý do này, bầu kể trên được gọi bầu Bể.

Đồng bào ấp Nhạn-tháp đa số sống về nghề nông. Trong 6 xóm tại ấp này chỉ có xóm An-xuân, dân chúng chuyên về làm đồ gốm. Ấp này gồm 121 mẫu ruộng và toàn ruộng 3 mùa, Thêm vào đó, dòng sông Côn được chảy qua ấp này càng khiến đồng lúa thêm phần màu mỡ. Dòng sông khi chảy đến An-xuân tách riêng thành hai nhánh. Do đó, dân chúng địa phương đã nhắc đến những câu :

«Ai về Nhạn-tháp mà coi.
Có sông hai ngã có đồi xanh xanh.
Nhạn-son Ông Đá hiền lành.
Bốn phương đạo hữu tu hành về đây».

LÊ-NGỌC-QUANG
(Qui - Nhơn)



Độc hành ca

Ồ sao ta lại về đây.
Nát tâm - can dưới gót giày ngoại nhân.
Kính thành vắng bóng người thân.
Ngược xuôi tang - tóc phong trần dấy lên.
Biên cương tiếng súng nổ rền.
Tiếng quân ca, vọng tới miền nào đâu.
Mắt xanh ngày một đổi màu.
Nào ai son phấn, ai sầu vong - nô.
Ai chờ ngọn lửa Cô-Tô
Mà ai Phạm - Lãi Ngũ - hồ gió sương.
Vang vang khúc nhạc lên đường,
Hồn thiêng cây cỏ đau thương đợi chờ.
Gió thu tố thấm rìng cò.
Tuổi xanh ai để lu mờ sử - xanh.
Véo von tiếng trúc độc hành.

VIỆT - XUÂN

ĐỘC THOẠI

NHỮNG ngày tháng thật dài buồn nản và lười biếng làm nó lang thang như một gã thất tình, mồm mề mẩu thuốc lá còn lại tắt đỏ trên chiếc gạt tàn bằng thủy tinh cho nó một hiện tại thật trống. Quán đông khách người, tiếng nhạc réo rắc vang vang mang âm thanh hỗn tạp của đủ tiếng ồn ào nồn mửa. Bất chợt nó để cái nhìn gần như xa lạ nhìn người xung quanh, mặc dầu nó biết còn người nào không biết nó đâu ở một, cái quán nhỏ bé như Phù-Cát, chỗ nó làm thì hầu hết còn lạ gì nó.

Cái đám con trai đàn độn trốn chui nhủi như lũ bọ rầy khi thấy lính hành quân lục soát càng tới, thằng nào cũng vội cón đùm để khai sinh cùng lắm 17 tuổi.

Còn gì chán nản cho bằng những thằng con trai trang lứa nó, cứ vẫn phê phởn rong rêu như phường du đảng, trong khi nó phải nằm bò nằm ruộng thức trắng đêm để tìm sự sống cho bản thân và cho những người khác,

Còn lũ con gái thì cho nó gần kiêu căng phách lối ..v.v... nó chẳng buồn bình luận những lời vớ vẩn ngoài tai, nó chỉ cười đầu nụ cười vô nghĩa bằng quơ bởi vì có ai hiểu được nó đâu? Nó vẫn làm việc điều hòa vẫn nhậu nhẹt say sưa, vẫn điên cuồng khát máu. Xấu số cho thằng Việt Cộng hoặc thằng trốn quân dịch nào bị nó bắt, sau đó nó sẽ làm gì thì hẳn ai cũng biết.

Ly 33 thứ tư vừa cạn thì ... cũng bắt đầu đến, lúc uống

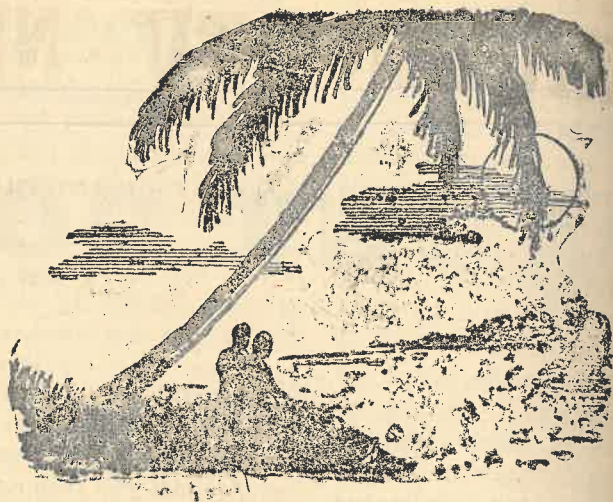
bãi tha ma cô tịch, nó xoay vớ thêm điều thuốc vào môi, từng phẩn mỏng dần dần trải qua đầu óc sặc sụa hận thù gây cho nó cái cảm giác thích thú kỳ diệu. Nó khẽ mỉm cười như tự cười chính nó, cái cười nửa miệng trịch thượng của nó mang đến cho người trong quán ít nhiều thắc mắc và khó chịu. Tự nhiên nó quay cặp mắt ma quái về cô chủ quán như muốn cầu xé soi thấu mặt người. Tới bên cô chủ quán có khuôn mặt khá xinh hách dịch ngăm kiêu hãnh lại nhiều quyến rũ nhất là vòng eo eo eo cho người đối diện sự đam mê tẻ nhạt, nó tự nghĩ phê bình vậy. Đột nhiên nó nghĩ nhiều đến người yêu nó, người yêu nó ngày xưa cũng thế nhưng không kêu sa thần thánh như nàng chủ quán; mà thật hiền ôn hậu và cũng chính thế nó mang cái khổ vào thân, của kẻ yêu bị phụ nó không trách nàng không trách nó, chỉ thù cái xã hội nhơ nhớp dối trá lọc lừa này, giờ thì nó hiểu khá nhiều đời là như thế nào rồi? Những khi buồn cô đơn nó chỉ biết tiêu xài bằng rượu, gói điếu hoặc lang thang với những bước chân vô định...

Cái nhìn ăn trộm vụng về của cô chủ quán bị nó bắt gặp quátang cho nàng bối rối quay ngó nhìn sang bên gục đầu như thú tội? Nó cảm thấy thương hại nàng như thương hại một con nai bị tên đang cố lè vào bụi trốn tránh bước chân người đồn dập chạy kiể. Đàn bà ôi đàn bà nó không nghĩ đàn bà là thánh, nó chỉ nghĩ đàn bà cũng tầm thường như nó, cũng hèn hạ như nó thế mà lắm kẻ khổ vì đàn bà ... đàn bà là cái quái gì? đàn bà là cái chó gì? là một con người là một đũa xuẩn ngốc có thiên tài! là một con chó biết nghĩ suy! hay là gì? hay là gì?

HOÀNG-LINH-TRUNG

KBC. 6719





Chim mồi

*Ru giấc ngàn năm đã ngủ buồn,
Thôi từ nay xếp cánh tha-phương.
Ý hoang vu đỏ xanh màu cỏ,
Lời lạc loài kia bạc ánh sương.
Tri đã tìm quên tình đất nước,
Hồn còn ray rứt nghĩa quê hương.
Nửa đêm tủi hổ sách đèn bút,
Lòng lại say theo gió loạn cuồng?*

NGUYỄN - NGỌC - UYÊN
(Huế)

KHƯƠNG - TỬ - NHA

Một bài học quý báu về CÁCH MẠNG QUỐC GIA

★ TÂN NHÂN

«Cam-La sớm gặp cũng sinh»
«Muộn thời Khương Tử cũng vinh một đời»
(Đồ Chiểu)

KHƯƠNG - TỬ - NHA một đại lão anh hùng thời Mạt Trụ thiên hạ nhiều như rồng : sống ăn dật không đành, trở lại sinh hoạt theo giới bình dân lương thiện làm ăn như bán giò bán bột .. không xong ; quay ra hợp tác với Chánh quyền để cải cách lại chế độ thối nát của một triều đại suy đồi trụy lạc không thành, chỉ còn có nước huy động các trấn chư hầu để dùng lực lượng nhân dân lật đổ chế độ bạo tàn, mới mong đem hòa bình hạnh phúc bị cho toàn dân.

«Muộn thời Khương-Tử...» thật vậy, một ông già «đầu râu tóc bạc» tuổi quá 70 cũng không yên thân được nơi Bàn Khê để ngắm giòng sông Vị vui thú thanh bần.

Dưới thời Mạt Trụ, dân chúng điêu linh, sinh linh đồ thán, tiếng kêu than oán hận khắp nơi, khiến cho một bậc hiền nhân quân tử như Khương Thượng Tử Nha đã quyết từ bỏ cuộc đời phù phiếm sa hoa tìm nơi ẩn dật, gặt bỏ danh lợi ngoài tai, tuy nay tuổi đã 70 cũng không nỡ lòng nào

ngồi yên nhìn thế sự đảo điên người người sống trong cảnh dầu sôi lửa bỏng.

Rồi nơi ăn ở, trước tiên ông bắt tay vào sự sống với giới bình dân để hiểu biết thế nào là cái khổ của dân đen. Giới chịu nhiều đau khổ nhất trong xã hội lại thêm trong thời loạn đang sống oằn oại dưới chế độ cai trị tàn bạo của Trụ vương một ông vua đặt Đắc-Kỷ trên cả giang san tổ quốc.

Lấy cái chết của dân để làm trò cười : chặt chơn coi mỡ, mổ bụng xem thai, chế bào lạc (ống đồng nung đỏ) đất trung thân, tạo sai bòn (hầm rắn độc) hại cung nữ, vợ vết tài sản quốc gia xây bá-lạc-dài, tửu tri (hầm rượu) nhục lâm (rừng thịt) để ngày đêm say sưa trác táng ngụp lặn trong sự truy hoan dâm dật, mặt chàng kêu than oán hận ngất trời.

Vào đời, ông được Tống di Nhân người bạn cũ giàu tình cảm mà cũng lắm của tiền. Nhưng ông một mực từ chối sự hưởng thụ về vật chất để cầu an hưởng lạc (không

phải là ý nguyện của ông) không lợi dụng vào lòng tốt của bạn hiền. Ông chỉ ước mong lặn giúp phương tiện để tự túc sống đời lao động chung đụng cùng bình dân. Khâm phục trước đức khiêm tốn liêm khiết của Tử Nha Tống di Nhân để ông được vừa lòng,

Chu đáo hơn, người bạn tốt này đứng ra tác hợp người con gái lớn thời đồng hương kết duyên cùng Khương Thượng ông rề 70 cưới bà dâu 68 thật là xứng lứa vừa đôi, bắt tay xây dựng gia đình.

Khương tử Nha ông già 70 lần đầu tiên thực sự trở thành một gia đình bình dân, Ông khởi sự bằng nghề lao động đốn tre đương giỗ đem ra chợ bán.

Nhưng sanh hoạt nhân dân thời bấy giờ phản ảnh một xã hội điều tàn xơ xác, khắp nơi đói khát lầm than, chỉ có ăn mày và cướp giựt chẳng còn ai thiết gì đến mua với bán.

Truyện viết rằng: « Thấy nghề đan giỗ không xong. Tống viên ngoại có ý kiến là vào kho lấy lúa ra xay bột đem bán chắc chắn sẽ khá hơn.

Đồi nghề, Tử Nha mang bột ra chợ ngồi từ sớm đến trưa bụng đã đói cào mà mà cũng chẳng thấy ai mua. Buồn tình vừa cất gánh lên vai thì có tiếng kêu mua bột mừng thầm, ông đặt gánh xuống bên đường té ra đũa nhỏ chỉ mua một có đồng điếu mà thôi. Thất vọng ! Nhưng cũng phải bán. Đương loay quay gói bột thì tiếng nạt đường của đoàn kỵ mã triều đình đi qua. Ông già chậm chạp không xoay trở kịp bị đoàn ngựa tuồng vào mang cả gánh bột kéo lê theo lộ, phải vất vả lắm ông mới thu được giống gánh, thì ô hô ! thằng nhỏ mua bột chưa trả tiền thừa con lợn xộn quýt luôn ! »

Những giai thoại về ông có nhiều, nhưng nội câu chuyện trên đây đã nói lên cái thực trạng xã hội bi đát ấy : quan quân hống hách, con người tham lam, Kinh tế kiệt quệ kẻ làm ăn lương thiện luôn luôn chịu cảnh thiệt thòi.

Thất vọng vì làm ăn liên tiếp thất bại, bà vợ đã tỏ ý rẽ khinh cho là Khương Thượng

bất tài, đi lần đến gia đình xào xào bất hòa, Ông cố giác dắc lời hơn lẽ thiệt cốt khuyên bà nên nhẫn nhục cùng tạm sống thiếu thốn như mọi người trong thời đại nhiều nhương, rồi tất sẽ có ngày «bĩ cực thối lai» khi chế độ bạo tàn nhứt định không còn nữa. Nhưng khát vọng của bà về cơm áo là nhu cầu cấp thiết hằng ngày trước mặt trong khi ông tính chuyện «lấp biển vá trời» mà hiện nay cơm chẳng có mà ăn. Bà không «nuốt nổi cái cao xa viễn vọng của Ông, nên cuộc tình duyên của đôi lão ông lão bà chưa chi đã tan rã

Trong cái xã hội đổ nát toàn bộ, chỉ trừ bọn quyền thế lợi dụng thời cơ «đục nước béo cò», lương thiện như gia đình ông chẳng trách gì hạnh phúc phải vỡ tan dù ông là một bậc anh hùng quán thế đi nữa.

Sau khi vợ chồng ly dị vì nghèo, ông đã hiểu thế nào là nguyện vọng và nhu cầu cấp thiết của người dân. Ông đã thực sự đau khổ cái đau khổ của dân, cái ước vọng về đời sống của giới bình dân mà vợ ông là tiêu biểu hết sức khiên

tổn giản đơn mà cũng không tài nào thực hiện được với một nghề làm ăn lương thiện, trừ bọn đầu cơ bóc lột, khi mà quyền sanh sát trong tay bọn người dã man mất cả nhân tính chỉ biết vui say trên xương máu dân lành. Bài học sống đã giúp cho ông quyết tâm biến cái cái xã hội thối nát này.

Biết được cái nguyên nhân gây ra khốn khổ cho đời xuất phát từ cái triều đình thối nát vua dân loạn, gian ninh lộng quyền, trung thần thì bị cô lập, bá tánh lầm than. Khương tử Nha về với Trụ vương, với chức gián nghị đại phục ông có ý định dùng lời ngay lẽ phải để khuyên vua, đưa ra kế hoạch cứu quốc an dân, bài trừ tham nhũng hầu sửa đổi lại triều chính nâng đỡ cơ đồ giải nguy cho dân chúng.

Nhưng Trụ Vương là một tên bạo chúa dâm loạn vất biêu chương ông xuống đất và thẳng thắn bảo rằng: «Trẫm chẳng cần cái kế hoạch cứu nước an dân, mà chỉ muốn làm sao xây cất cho thật gấp được chừng nào tốt chừng ấy cái Bá-lạc-Đài!» Ông phần nộ

trước tên bạo chúa vô nhân vô đạo suýt nữa Ông bị vua Trụ hành hình vì lời ngay lẽ thật của ông.

Bỏ vua Trụ ra đi, thêm một lần nữa ông học được bài học về «Trị Quốc» đừng hòng chấp vá hoặc cải lương không tài nào cứu vãn được một chế độ đã sụp đổ từ nền móng: chỉ có nước phá bỏ và xây dựng lại toàn bộ. Ông bắt tay vào việc này.

Hậu quả tất nhiên của triều đại Trụ Vương cái môi trường rất tốt cho bọn Bì-Trọng Vu-Hồn, lũ núp bóng nâng bị tác oai tác oái. Gian ninh lẽ đương nhiên là đối lập với Trung can «bọn Đắc-Kỷ ăn tìm uống huyết Tỷ-Can». Triều đình càng gần bọn tà ngụy bao nhiêu thì cũng xa lánh nhân nghĩa bấy nhiêu. Yêu nước thương dân không phải ngoan ngoãn cúi đầu vâng dạ như Tỷ-Can dù có hiển «trái Tim 7 lỗ» cho Trụ Vương thì sự hy sinh của một lão trung thần không ích lợi gì cho quốc gia dân tộc, ngược lại càng làm cho cái tương quan lực lượng tà-chánh càng thêm chênh lệch, nói cách khác là làm cho bọn Đắc Kỷ hò reo đất

đang mà thôi!

Châu-văn-Vương sau 7 năm vũ lý đã ý thức được chữ trung. Không phải đề cung phụng cho một bạo chúa dâm loạn. Cũng không phải đề bảo vệ cái chế độ đã bắt ông phải ăn thịt con ông, một hành vi man rợ vô lương chưa từng thấy trong lịch sử nhân loại,

Hoàng phi Hồ tìm về với chánh nghĩa chẳng màng miêng đời khắc nghiệt vô ý thức cho là đồ « phản Trụ đầu Chân ». Câu thành ngữ cổ chấp nầy quả là chế độ phong kiến dùng để làm rào kẽm gai giữ bầy tôi của mình nhắm mắt làm trâu ngựa trọn đời.

Người phải trở về với lẽ phải. Gươm súng tuy có trở lực nhưng quyết không ngăn nổi người có quyết tâm và nghĩa khí. Chỉ có chánh nghĩa mới quy tụ được con người.

Thái sư Văn Trọng dù có tài ba, nhưng cái trụ cột lẽ loi một ít người bảo thủ ấy có 3 đầu 6 tay cũng không thể nào kéo lùi được bánh xe tiến hóa.

Khi toàn dân căm thù bạo chúa đứng lên, khi mà giới sĩ phu đồng hướng về chính nghĩa, khi mà anh hùng nghĩa sĩ phải tuốt kiếm ra gươm, ngọn lửa căm hờn từ lòng mọi người ngùn ngụt phừng lên biến thành Hỏa diệm sơn đốt cháy tất cả triều đại thối nát của Trụ vương dưới tài chỉ huy của Đại lão anh hùng khi mà toàn dân tín nhiệm trao cho « lúa viết cờ mao » Khương tử Nha thống lĩnh quan quân các trấn chư hầu dấy lên phạt Trụ Những bài học sống trước kia khi ông xuống núi và chung sống với nhân dân giúp ông làm ngọn đuốc soi đường. Ông cùng Châu văn-Vương lãnh đạo đưa cuộc toàn dân phạt Trụ đến chỗ thành công.

Như thế, trong một xã hội đồ nát suy, đời Khương tử Nha từ một nhà chí sĩ ẩn dật ông phải đi vào đời để cùng sống cùng khổ với nhân dân. Đi vào nhân dân không phải để hưởng cao lương mỹ vị của hạng giàu sang như Tống dị Nhân, mà là chung sống với giới bình dân lao động, Do đó ông biết rõ được thế nào là

nguyện vọng chính đáng bắt
hiết của đồng bào và mức độ
tàn ác cường quyền bạo chúa
đến đâu. Học được bao hành
động vì dân vì nước những
bài học quý báu ông kết luận:
không thể làm ăn lương thiện
được trong một xã hội thối
nát suy đồi. Khi cái xã hội xấu
cá nhân muốn tốt khó mà tốt,
không còn ảo tưởng cái lương
chỉ là nước sơn hào nhoáng
giả tạo bên ngoài miễn gỗ mục
mà thôi, hy sinh vô ích cho
chế độ bạo tàn là « trợ bạo vi
ngược». Đường lối dứt khoát
nhờ vào quá trình thực
nghiệm của ông do đó ông
đoàn kết được toàn dân lật đổ
toàn bộ bạo quyền, nhờ ông huy
động được cái tìm năng vô

địch trong nhân dân nơi lớp
người quần chúng lao khổ nạn
nhân của áp bức cường quyền.

Trước sự vùng dậy của toàn
dân, với tài thao lược của vị
lão anh hùng lịch duyệt và
Châu-vân-Vương nhân đức bọn
tà ngụy phải hiện nguyên hình
một lũ hồ ly yêu nghiệt.

Tàng đầu lộ vỹ, dù con
hồ ly đó nó có 9 cái đuôi hay
90 cái đuôi đi nữa cũng không
tài nào đủ để che đậy được
bọn phản nước hại dân đó
cuốn đa số là một bầy thú
vật đội lột người. Việc làm
của chúng dù nguy trang với
chiêu bài hay nhân hiệu gì đi
nữa cũng chỉ để cho thế giới
muôn đời nguyền rủa
mà thôi.

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231 - 233, Phạm-Ngũ-Lão

Điện.thoại : 25861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP VẬT DỤNG VĂN PHÒNG
CÓ XƯỞNG MÁY CUNG CẤP PHỦ HIỆU, CỜ HIỆU ĐOÀN,
NHÂN CỜ ÁO, (ÉTIQUETTES) MÀU ĐẸP BỀN, KHÔNG PHAI
Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện

Saigon TÌM 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

Câu đối trong văn chương Trung - quốc và Việt - Nam.

□□□ NGUYỄN-QUANG-TÔ

NÓI chung về văn-hóa
của toàn khối người ba tỷ rưỡi
trên mặt trái đất gồm có 2
khối. Một là khối LA HY (La
mã và Hy Lạp) Hai khối
Trung, Ấn, (Trung-Hoa, Ấn-
độ). Trong khối Trung Ấn,
thì khối Trung Hoa gồm có
Tàu, Nhật, Việt-Nam và Triều
Tiên là rộng lớn hơn.

Trong khối này, văn-hóa nói
chung, văn tự, văn chương và
tất cả mỗi bộ môn nói riêng...
đều xuất phát đều từ Dịch học,
từ Nhất nguyên Thái cực rồi
lưỡng nghi Âm Dương (Trời
Đất), rồi Tứ tượng, Bát quái
và tất cả, đều khởi điểm từ
đạo Âm Dương, trung hòa,
xống đối.

Xuất phát từ điểm căn bản
ấy, nên bộ môn kiến trúc thời
cổ, thì có những hình thức
nhà chữ môn, lầu trùng diêm.
Về điêu khắc và hội họa thì
có những hình thức: «Lưỡng
long triều nguyệt, Song phụng
triều dương, Lưỡng sư hý cù»
v.v...

Về hình thức cấu tạo văn
tự, thì mỗi chữ đều có bốn góc
cân đối (Tứ giác). Vậy thì
hình thức câu đối trong cổ văn
Hán Việt, cũng không thể chạy
ra ngoài nguyên lý đó.

Nhưng câu đối là một hình
thức của một văn thể tối sơ và
tối thiểu, của người bắt đầu
học vỡ lòng nhưng nó cũng
rất khó, rất hàm súc, cho tới

những bậc khoa bảng xưa cũng phải chịu cho nó 1 khổ.

Chúng tôi nói tới sơ và tới thiều, là vì đời xưa đi học chữ Hán, các cụ đồ bắt học trò làm câu đối từ chữ một, hai chữ một, rồi ba, bốn chữ một. Ví dụ:

«Thiên là trời», thì đối «Địa là đất», «Thi vân» thì đối: «Thư viết» «Khuyên thủ dạ» thì đối «Kê tư thần» «Đệ tử tam thiên» thì đối «Hiền nhân thất thập».

Chúng tôi nói rất khó, rất hàm súc, đây không phải ý kiến một kẻ học thiều tài sơ như chúng tôi, mà các tay hay chữ, các cụ khoa giáp ngày xưa đã nhận như thế.

Sau đây là những ví dụ cụ thể:

Tương truyền rằng, trước kia ở ngoài Bắc có một cụ nghề hay chữ, làm uản vũ tại một tỉnh ở ngoài Bắc Hà. Khi Tây kéo quân tới cướp tỉnh lỵ, cụ với quan Lãnh binh chỉ huy Nam quân chống lại, Nam quân bị thua, cụ bị giặc

lùa xuống sông Hồng-Hà, tưởng thế nào cũng bị chết chìm, may nhờ một cây chuối trôi qua cụ ôm lấy được lợi vào bờ thoát nạn. Sau đó cụ không ra làm quan với Pháp mà tự ý hồi lưu. Năm hạ thọ 90 tuổi, nhằm vào triều Thành Thái, là một vị vua có tư tưởng, Nhà vua đặc tứ một số bạc, và một đồng tiền vàng, trên khắc 4 chữ «Đặc tứ thọ quan». Cụ có một người học trò, đậu cử nhân, lúc đó đang làm quan án sát, đem một câu đối tới mừng thầy học cũ. Khi dâng câu đối ra xem, cụ Nghè hỏi cụ Ân: «Câu đối này ai làm hộ ông?» (Đậu cử nhân còn phải cậy ai làm câu đối nữa) cụ Ân trả lời: Bẩm thầy, con làm. Cụ Nghè ngắt lời: «Không phải! sức ông không làm nổi câu đối này, tôi biết». Cụ Ân phải thú thực: Bẩm thầy, con nhờ cụ Nghè Yên Đờ. Cụ Nghè cười rồi nói: «Phải rồi, sức ông làm đâu nổi câu đối này, tôi biết mà...»

Câu đối thơ, một vế chỉ có 7 chữ, mà các Ngài có thể quí quyết là, một ông cử nhân không thể làm nổi.

Câu chuyện giai thoại văn

trong trên đây, cho ta một niệm, câu đối là một thể văn cực kỳ hàm súc, thâm thúy, mà người không có đặc tài không thể làm hay.

Câu đối ấy, bằng chữ Hán như vậy:

Thiên di nhất lão nan
trầm thủy,
Đệ tử tam thiên đắc tứ
kim».

Đại ý nói: ý trời muốn để lại một ông già, cho nên năm nào, bị giặc lùa xuống sông mà vẫn không bị chết đuối.

Vì thương mến một vị lão thần cô trung, cho nên nhà vua mới đặt tứ cho tiền và vàng để làm lễ hạ thọ.

NHUNG CÂU ĐỐI LÀ GÌ ?

Như trên đã phớt qua, xuất phát từ điểm căn bản Triết lý Âm dương, đối ngẫu phản đối của Tàu và Việt-Nam thời xưa, có một đặc tính. «Đối ngẫu». Đối nghĩa là song nhau. Ngẫu nghĩa là chẳng đối.

Không những là văn vần như THƠ, PHÚ, TỪ, mà các biên văn, như Tứ lục,

kinh nghĩa v.v... cũng vẫn xây dựng trên cơ sở văn thể đó, cho nên mới có danh từ «văn biên ngẫu». Không những thế, lối tán văn (văn xuôi) của Tàu ngày xưa, cũn như Việt văn từ nhóm Nam-Phong (Phạm-Quỳnh) Đông-Dương tạp chí (Nguyễn-Văn-Vĩnh) trở về trước, trong một bài văn xuôi, ta vẫn thấy có những câu tiểu đối nạp trung vào. Ví dụ: «Con rồng cháu tiên», một đoàn nô lệ. Can Hồng cổ Lạc, chín suối sục sùi».

Thế nào gọi là đối ?

Đối là đặt hai câu đi song đôi cho ý và chữ trong hai câu ấy cân xứng với nhau.

Vậy trong phép đối, vừa phải đối ý, vừa phải đối chữ.

Đối ý là tìm nội dung, nghĩa lý cân nhau, mà đặt thành hai vế song đối nhau.

Đối chữ có hai phương diện, một là «thanh» của chữ, hai là «loại» của chữ, về «thanh» thì bằng đối với «trắc», hay ngược lại, về «loại» thì hai chữ phải cùng một loại tiếng với nhau. Ngày xưa các

cụ chia thực tự và hư tự, cách phân định thiếu khoa học ấy, ngày nay không còn nữa.

Văn phạm Trung Hoa cũng như văn phạm Việt Nam hiện đại, người ta dễ phân biệt rõ ràng thành 9 loại. Vậy khi đối nhau tiếng thuộc từ loại nào phải đối với loại ấy. Ví dụ : « Nhất » là một, phải đối « Song » là đôi, « Hoàng » là vàng phải đối « Bạch » là trắng, « Lý Thái Tổ » phải đối « Nguyễn-Quang-Trung » v...v...

Câu đối là một văn thể làm nền tảng cho tất cả mọi văn thể khác trong văn cổ Hán Viêt. Ví dụ : 4 câu « Thực, Luận » của bài thơ Đường Luật. Những câu « Tứ Tự, Bát tự, Song quan, Hạc tất, Cách cú v...v... » trong một bài phú. Những câu : « Tứ lục, biến ngẫu » trong một bài kinh nghĩa. Những câu « Tiêu đối » trong những bài Tán văn (Văn Xuôi) cũ.

Nội dung và hình thể văn này đã ăn sâu vào trong tiềm thức của những thi, văn gia Việt-Nam cũ.

Thi sĩ Tố Như, Nguyễn gia

Thiều, Bần nữ thân, Trần tuần Khải, trong những tác phẩm văn nghệ thuần túy Việt-Nam : Lục bát, song thất lục bát v...v... ta vẫn thấy văn vương thể văn đối ngẫu ấy.

Ví dụ :

« Hỡi ông, ông mắc...
Hỡi, nàng, nàng đã... »

Và :

Khi tựa gối, khi cúi đầu,
Khi vò chín khúc, khi chau
đôi mày...

Và :

Kể ngoài cười, người trong
khóc thầm

Và :

Trúc se ngọn thỏ, tơ chùng
phim loan

NGUYỄN-DU

(Đoạn trường Tân-Thanh)

DECAPAN

THUỐC THOA CHUYÊN
TRỊ CÁC BỆNH NGOÀI
DA.

Mai phù quỷ như làng xa
mã,
Binh hoa lửa gĩa công
khanh.

NGUYỄN-GIA-THIỆU
(Cung oán ngâm khúc)

Mai trở sớm, mai cười hạnh
muộn,
Hạnh trở sau, hạnh ngán mai
suy.

VÔ DANH
(Bần nữ thân)

Chốn ải Bắc Mây sầu ảm
đam.
Cõi trời Nam gió thảm dịu
hieu.

Và :

Kiếp luôn cúi đỉnh chung
cũng nhục,
Thân tự do chiến chức mà
vinh

TRẦN TUẤN KHẢI
(Hai chữ nước nhà)

Hai mươi triệu, người cùng
của hết,
Bảy mươi năm, nước mất
quyền không.

PHAN SÀO NAM
(Ái quốc ca)

Và chúng ta có thể nói mà không sợ sai lầm rằng : tất cả những tác phẩm thuần túy Việt-Nam thời xưa chưa có một tác phẩm nào, thoát hẳn lối văn « đối ngẫu » ấy.

★

NHỮNG GIAI THOẠI VỀ
CÂU ĐỐI TRUNG - QUỐC
VÀ VIỆT - NAM.

Vì tính chất uyên thâm, hàm súc của câu đối, với bút pháp đảo trang, với kỹ thuật ẩn tượng, cổ nhân đã bao hàm những nội dung phong phú, tinh vi trong một hình thức cực kỳ đơn giản, cô đọng. Thường khi chỉ có 5 chữ một vế (ngũ ngôn), 7 (chữ thất ngôn), hay 15, 20 chữ phú mà cả bốn công dụng của văn tự. « Ngôn tình, thuyết lý, tự sự và tả vật » như cả một bài văn dài. Tương truyền rằng, vào lúc Thanh mạt, trong lúc phong trào cách mạng Trung Hoa đang như lửa cháy ngấm. Nhà chí sĩ cách mạng Thạch đạt Khai, lần tới Thượng Hải để tuyên truyền, tổ chức cơ sở cách mạng. Trong khi chưa ai biết mình, Tiên sinh trang tác một người thợ cạo rong trên

các đường phố. Ngoài rường
đựng đồ thợ cạo, Tiên sinh đề
câu đối như vậy :

*Ma lệ dị tu, vấn thiên hà
đầu lộ kỷ hử ?*

*Cập phong nhi thí, khan lão
phu thủ đoạn như hà ?*

Đại ý nói : dao kéo đã mài
sắc sẵn rồi, hỏi trong thiên hạ,
có những đầu lâu nào cần phải
cắt.

Tới nơi là làm liền, hãy xem
ta đây làm ra sao.

Câu đối trên đây bao hàm
một ý nghĩa thời thế của một
chính khách dám nghĩ dám làm,
trong những công tác hệ trọng
diệt thù cứu nước. Nội dung
ấy gói gắm vào một người thợ
cạo một cách sâu kín : «Tĩnh
tại bất ngôn trung», hay là «ý
tại ngôn ngoại».

Người ta kể chuyện rằng :
câu đối trên đây đã thay vì lời
tự giới thiệu của tiên sinh đề
tiến tới một phong trào cách
mạng trong thời gian «Thái bình
Thiên Quốc» cũng như hai câu
«song quan» trong bài phú «Bái
thạch vihuynh»: «Tam sinh diên
hải chi tự, vi vong tướng bá,
Nhất phiến bồ thiên chi lục,

hữu thị phùng quân» của nhà
chí sĩ Phan-sào-Nam, đã tự
giới thiệu mình cho cụ Mai
Sơn Nguyễn thượng Hiền.



THÊM VÀO MỘT CHỮ

Mục Trai là một vị đại thần
triều Minh trọng dụng, chưa hẳn
đã vì tài đức, mà có những yếu
tố phức tạp khác, ví dụ : thân
thuộc, bè lũ, hay tài nịnh bợ
của Trai chẳng hạn. Nhưng
Trai vẫn tự vỗ ngực xưng mình
là một vị trung thần. Trước
cửa Dinh thực của gã, không ngăn
ngại cho thợ khắc câu đối sau
đây :

*«Quân ân thâm tự hải,
Thân tiết trọng như sơn».*

DỊCH NGHĨA :

*Ơn vua sâu tựa bể,
Tiết tôi nặng như núi.*

Thế nhưng, sau khi nhà
Minh bị nhà Mãn Thanh cướp
nước, đánh mất ngôi, Mục
Trai chẳng những không từ
tiết với vua cũ, mà còn ra thờ
chủ mới, lại cũng làm quan to
như khi Triều Minh vậy.
Thế rồi câu đối trên, người ta
thêm vào mỗi vế mỗi chữ,

thành ra :

*Quân ân thâm tự hải hử !
Thân tiết trọng như sơn hồ ?*

Dịch nghĩa ;

*Ơn vua sâu tựa bể vậy.
Tiết tôi trọng như núi sao ?*

Trong cuốn «văn - phạm
Trung-Quốc» của nhà văn Mã
Kiến Trung, có quy định : Chữ
«Hử, Hồ» là hai hư tự, và và
Tiên sinh còn giải thích thêm :
Muốn biết thế nào là «Hư tự»
thì khi lấy nó đi, nội dung câu
văn không thay đổi.

Giải thích như vậy, đối với
«Hử, hồ» ở câu đối trên đây,
cũng sợ chưa ổn. Vì thêm nó
vào hoàn toàn đảo lộn lại nội
dung, không những mỉa mai,
nguyên rủa tên Mục Trai, mà
còn chửi vào mặt tất cả những
mẫu người, khi kẻ nào lên voi
thì sẵn sàng tuyên bố trung
thành với kẻ ấy, lại cũng kẻ
ấy, nhưng khi xuống chó, thì
lập tức không tiếc lời mạt sát,
đả đảo. Mặc dù kẻ ấy trước đây
là ân nhân của họ, và chính
miệng họ cũng đã hơn một lần,
tuyên bố tuyệt đối trung thành.



HIẾU NHẦM, HAY LÁ VÌ DỐT... !

Hồ đắc Ứng, vốn vị là một
nhà «ác, đơ» xuất thân gã đi
Pháp giúp «Mẫu quốc» trong
đại chiến thứ nhất (1914 - 1918)
về nước, được cải bổ sang
Nam triều, bỏ mũ với tới Tổng
đốc Thanh-Hóa.

Lúc đó ở Thanh-Hóa, có nhà
tiền bối cách mạng Hoàng-văn-
Khải, đã từng bị Pháp đày đi
Côn đảo. Vào khoảng năm 1940
sau khi Pháp bị mất bên chính
quốc, ở Đông-Dương một cao
trào cách mạng đang dâng lên,
ông bị bọn thống trị Pháp
Nam ở Thanh-Hóa theo dõi,
ông mới viết một câu đối dán
lên chỗ ngồi. Đối rằng :

*Hồ nhiên nhi, hồ nhiên nhi
để,
Ứng chi vi mã, ứng chi vi
ngưu !*

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG

ĐAU NHÚT, CẢM CÚM

DỊNH NGHĨA :

Sao vậy hỏi trời ! Sao vậy
hỏi trời !
Cũng cho là ngựa, cũng cho
là trâu !

Khi Hồ Đắc Ứng được
thuộc hạ cho hay, gã lập tức
gọi viên án sát tới đốc bộ
đường. Vừa thấy mặt ông An,
Ứng nói như điên tiết :

— Tôi lại phải cho cái lão Cự
Ngọ (tên thường gọi của cụ
Khải) nầy đi Côn lôn lần nữa.
Ý giả gã muốn dựng lên một
vụ án « văn tự ngược ».

Viên án sát ngạc nhiên hỏi :

— Bầm cụ lớn, có gì vậy ?

Ứng liền đọc câu đối trên
và định nghĩa : « Ứng chi vi
mã, ứng chi vi ngưu » là tác
tác giả chửi mình là đồ trâu
ngựa.

Nhưng sau, Viên An sát lại
là một nhà nho (Đậu cử nhân
Hán học) biết rằng Ứng đã
viết nên hiểu sai nghĩa, với
giọng từ hòa, ông nói :

— Cụ lớn là Thủ hiến, cụ có
quyền tất cả. Nhưng nghĩa câu
đối ấy tao tôi, không phải thế, vì

nó có một điển cổ, hay là
hành ngữ :

« Ứng chi vi mã, ứng chi vi
ngưu » có nghĩa là : « Người
ta nói với tôi. Đây là một con
ngựa, thì tôi cũng ừ cho là
ngựa, mà người nói, đây là
một con trâu thì tôi cũng ừ
cho là một con trâu ». Xuất
phát từ câu chữ Hán : « Nhân
hồ chi vi mã, ngã diệc ứng chi
viết mã ».

Nay vì câu đối đó, mà cụ
lớn sinh sự với ông ta, thì
thiên hạ sẽ cười cụ lớn là...

Mặc dù Hồ Đắc Ứng không
dám thẳng thắn nhận mình là
đốt trước viên An sát là kẻ
tay dưới mình, nhưng rồi cũng
phải cho thông qua câu chuyện



Quái-Đàn Tây-Phương

CHÍNH NÓ

● LÉONID ANDRÉEV (Nhà Văn Nga)

★ GIANG TÂN dịch

QUÁ sung sướng, tôi thốt
lên lời cảm ơn Trời Phật. Là
một sinh viên nghèo rớt mồng
tơi, tôi bị đuổi ra khỏi trường
Đại Học chỉ vì cái tội không
trả được tiền học phí. Lục túi
chỉ còn lại 40 đồng Kopeck, tôi
liền viết một quảng cáo nhỏ
xin đăng lên mặt báo với hy
vọng tìm được một chỗ làm để
nuôi sống.

Thế rồi, vào một buổi sáng
xăm xít cửa kinh thành Pete-
rsbourg, tôi nhận được một lá
thư. Có người mời tôi đến
khách sạn ở bến Norskai.

Trời mưa phùn, suốt cả một
tiếng đồng hồ, tôi vẫn

lầm lũi đi dưới trời ướt át. Họ
đã nhận tôi làm người kèm trẻ
với cơm ăn, nhà trọ và còn
được nhận trước một số tiền
nhỏ là 20 rúp.

Thật là một giấc mộng.

Chuyện giống như trong
chuyện thần tiên !

Cách đón tiếp thật là lịch sự.
Đó là một khách sạn hạng sang.
Họ mời tôi bước vào một căn
phòng rộng rãi với những lời
đón tiếp lễ phép. Lúc đó, tôi có
cảm giác vui buồn lẫn lộn khi
tôi nhận thấy người chủ của tôi
là người đứng tuổi, phục sức
theo kiểu giới giàu sang.

Điều kiện ông ta đặt ra cho

tôi cũng trường hợp với ý muốn của tôi: sống ở một vùng quê, trong một căn phòng độc lập, kèm cho một bé trai 8 tuổi, mỗi tháng lãnh 50 đồng «rúp» tiền thù lao...

— Norden (tên người này) hỏi tôi:

— Cậu thích biển chứ?

Tôi đáp ứng:

— Biển! Tuyệt!

Ông ta cười.

— Lẽ dĩ nhiên! tuổi trẻ thường thích biển cả. Bờ biển nơi chúng tôi lại tuyệt đẹp... hơi buồn, nhưng cũng có lúc nổi giận... chắc cậu sẽ vừa ý.

Đến lượt tôi phá lên cười. Bỗng Norden nói tiếp:

— Nhưng chính ở biển ấy đã cướp mất một đứa con gái của tôi. Cháu tên là Eleua. Mới cách đây chừng 5 năm. Cháu đã là một thiếu nữ rồi!

Tôi cảm thấy lúng túng. Phải trả lời như thế nào trong trường hợp này. Cái cười của ông đã làm cho tôi lưỡng lự. Vì sao người ta lại có thể cười được khi nhắc đến cái chết của đứa con gái của mình. Hoặc là ông ta có ý đùa giỡn.

Norden biểu tôi ngay 20 đồng «rúp» mà chẳng bảo tôi viết hoá đơn nhận tiền hay hỏi giấy căn cước gì của tôi cả. Norden cũng không hỏi đến danh tánh của tôi nữa. Trong lúc bình thường thì cũng chẳng có chuyện gì đáng nói. Nhưng trong trường hợp của tôi là khác. Tôi đang đau khổ, đầu bù tóc rối, giày sút giầy... tôi không còn tự tin nơi tôi, ai dám tin tưởng tôi.

Dần dần, tôi quen thuộc với cảnh sống mới. Một tuần lễ sau, tôi tá túc trong nhà của Norden. Tôi được ở phòng riêng, đầy đủ tiện nghi, ăn uống đầy đủ, chân chẳng luôn luôn khô ráo. Kỳ ức của một cuộc sống vất vả của một sinh viên nghèo dần dần lui về dĩ vãng tuy nhiên tôi có linh tính là số phận của tôi vẫn thiếu cái gì vui tươi thắm thía.

Trong những lá thư tôi viết cho bạn bè tôi kể hết những tiện nghi đầy đủ, nhưng luôn luôn tôi vẫn tỏ ra buồn,

Vì sao?

Thoạt nhìn thì thấy cảnh nhà Norden vui tươi, đầm ấm nhưng dần dần, tôi cảm thấy như vắng hẵn nụ cười.

Tôi cố tìm hiểu những bí mật về ngôi nhà giá lạnh này, tìm

biết về gia đình kỳ lạ này và cũng bắt đầu đưa ra những giả thuyết.

Ngôi nhà hai tầng lầu nhìn ra mặt biển, trông nó đồ sộ và đẹp mắt. Căn phòng của tôi nằm ở tầng dưới, giá trị ngang với phòng một công chức cao cấp. Ngôi vườn khổng lồ chôn chôn. Bao tiền của, bao nhân lực đã bỏ vào ngôi vườn này. Với lối đi ghép đá, với hàng thông cao mang sương mù trắng xóa lúc rạng đông với gió rì rào vào buổi chiều nắng đẹp, Bông hoa cũng không thiếu. từng gốc hồng, hoa lài nằm trên thảm cỏ rộng màu xanh lục.

Norden không hãnh diện



với ngôi vườn của ông ta lắm.

Tôi tự đặt câu hỏi là không hiểu vì sao không có một dấu chân nào in hằn lên các lối đi cả? Mặc dù trong ngôi nhà có ba đứa trẻ.

Norden tỏ ra thích thú về các lối đi trong khu vườn vì các lối đi đó được trải lên một lớp đất sét, pha cát lẫn sạn. Sau những trận mưa lớn, nước rút thật mau, bước chân đi cũng không bị lún và cũng không để lại một dấu vết nào.

Tôi tỏ vẻ ngạc nhiên thì Norden cười và bảo tôi:

— Cứ nhìn về phía đằng kia thì cậu hiểu ngay là tại sao không có một vết chân nào.

Sáng hôm sau tôi thức dậy thật sớm, lau cửa kiếng, nhìn ra vườn thì bắt gặp ba bóng người đang khom lưng kéo một vật dụng nặng có răng bằng sắt. Chính vật dụng này đã làm xóa đi các dấu vết trên các lối đi. Những hàng cây, vào mùa thu thông những chiếc lá cuối cùng xuống. Nhìn những chiếc lá đó rơi xuống dính vào cát sạn, cảnh đó chẳng đẹp mắt gì. Dường như Norden đã phải khổ sở rất nhiều khi phải chống chọi với những kỷ niệm xảy ra tại

khu vườn này. Tôi chỉ là một người xa lạ nhưng khi đặt chân đến đây, tự nhiên tôi có cảm giác buồn, một nỗi buồn vu vơ như nhìn thấy một hạnh phúc nào đã mất, một thời đầm ấm nào đã ra đi.

Lúc đầu, tôi chỉ mới có ý nghĩ đi tìm hiểu. Về sau tôi trở thành như một nhà trinh thám, tiếp tục điều tra tất cả mọi chi tiết, mọi hiện tượng, mọi sự việc.

Ôc tưởng tượng đau yếu của tôi cho rằng khu vườn này từng đầy dẫy những xác chết, những án mạng, Những máu.

Đến tháng 11, khi ánh nắng mặt trời phá tan những bóng tối còn sót lại, tôi cảm thấy lòng vui một chút.

Nhưng rồi năm sương mù lại kéo đến bao phủ mặt biển, trùm lên mặt đất, làm nghẹt lấy tia sáng... ba bóng người lại khum lưng kéo vật dụng có răng bằng sắt lên các lối đi.

Chính Norden đã vén màn bí mật. Một ngày nọ, tôi cùng Norden dạo chơi trên bờ biển. Ông ta chỉ cho tôi thấy một cái tháp bằng đá trét xi măng. Những đợt thủy triều mùa thu

liếm vào chân tháp làm cho vài viên đá lung lay thay hình đổi dạng hình chân tháp.

Norden nói :

— Cậu thấy cái tháp này ra sao ? Dĩ nhiên, nó nhỏ thua cái tháp Chéops nhưng nó cũng là một cái tháp.

Đoạn, Norden cười. Tôi không hiểu vì sao Norden cười hoài.

Ông ta lại tiếp :

— Tôi có ý định xây cất ngay tại đây một ngôi nhà thờ theo kiểu các giáo đường miền Normandie. Cậu có thích kiểu ấy không ? Nhưng người ta hẹp hòi quá !

Tôi vẫn im lặng, cũng không biết sẽ trả lời ra sao. Norden có ý đợi một câu chất vấn của tôi. Nhưng câu hỏi ấy đã không đến. Ông ta lại nhún vai.

— Chính nơi đây tôi đã tìm thấy xác đứa con gái của tôi. Cháu Elena. Cái đầu nơi này, hai chân phía kia. Cháu bị chết đuối.

Dường như tôi đã nói chuyện này với cậu.

— Tại nạn đã xảy ra như thế nào ? Norden lại cười và nói :

— Lốp trẻ chết đuối ra sao nhỉ ? Cháu nó một mình bơi trên

một chiếc thuyền. Sóng to gió lớn, thuyền lật ... Việc xảy ra thường tình như vậy.

Tôi đưa mắt nhìn ra mặt biển màu xám. Những đợt sóng nhỏ đập vào những hòn đá chênh vênh. Có nơi nước trong xanh nhìn thấy rõ ràng mặt đáy.

— Xem chừng nước không sâu lắm !

Tôi nói vậy. Norden trả lời :

— Nhưng cháu nó chèo thuyền ra xa.

— Tại sao vậy ?

Norden lại cười :

— Ờ ! tại sao lớp trẻ lại thích ra khơi ? Norden tiếp lời bằng cách đưa tay thúc vào cùi chỏ của tôi, đó là một cử chỉ quen thuộc của ông ta :

— Tôi có hai chiếc thuyền khá đẹp. Về mùa đông thuyền được cất dấu vào một nơi, đến mùa xuân tôi mới cho hạ thủy. Cậu có thích chèo thuyền không ?

Nhưng vì sao, sóng biển không đưa chiếc thuyền ấy vào bờ ?

Mới đầu, xem chừng Norden không hiểu câu nói của tôi nên hỏi ;

— Chuyển thuyền nào ?

Hỏi xong, ông ta lại trả lời ngay :

— À ! chiếc thuyền ấy ! lẽ dĩ nhiên, sóng biển lại đánh thuyền vào bờ. Nhưng rồi thuyền được sơn quét lại chiếc thuyền rất vững chắc, rất đẹp. Đến mùa xuân, cậu có thể lấy thuyền chèo.

— Sự thật, câu chuyện vừa qua cũng không giúp tôi tìm ra một tia sáng nào cho chuyện bí mật kia cả.

Mỗi ngày tôi vẫn mãi ngắm nhìn cái tháp đá đó. Câu nói : Cái đầu nơi này, hai chân phía kia, câu nói của Norden lại đến trong trí tôi. Rồi tôi tự hỏi vì sao Norden muốn xóa nhòa tất cả mọi dấu vết về đứa con gái yêu quý của gã, vì sao ông ta lại cho sơn lại màu trắng chiếc thuyền, nơi con gái của gã đã chết đuối... và cái tháp kia ? ..

Tôi chưa kịp tìm ra câu giải đáp thì quang cảnh biển cả thu hút tất cả sự chú ý của tôi. Ồi ! Biển là cái buồn rộng lớn cho mọi vật trên quả đất này...

Bây giờ tôi muốn kể cho các bạn biết về cách thức tôi sử dụng thì giờ từ khi tôi vào tá túc nhà của Norden, ngôi nhà hết sức kỳ lạ vì nơi đây nếu cuộc vui có đến thì cũng chỉ trong chốc lát tan biến rất mau với khung cảnh u buồn nặng nề.

Mỗi sáng, tôi kèm cho Volodia. Đó là một em bé trai 8 tuổi, khôn ngoan, có lương tâm, lễ phép và dễ dạy. Cử chỉ của cậu bé đáng hoàng như một người lớn tuổi. Cậu không gác chân lên bàn như một vài trẻ khác, không thọc tay vào lỗ mũi, không vẽ bậy lên sách vở, bàn viết, chưa hề chơi nghịch tôi lần nào cả. Tôi để ý ở Volodia một điểm. Cậu chăm chú nghe lời tôi dạy, coi tôi như vua Salomon, còn cậu như một quần thần ngoan ngoãn, trung kiên. Cậu tin tưởng ở tôi thật sự hay giả bộ làm như thế? Tôi luôn luôn tỏ ra khó chịu trước cử chỉ kỳ lạ đó, cho nên mỗi lời nói của tôi ít nhiều mang tính cách quan trọng giả tạo.

Mỗi ngày Volodia đến với tôi lúc 10 giờ rồi đến trưa lại biến mất. Mỗi ngày, tôi lại bắt gặp cái khuôn mặt bằng phẳng

trắng trẻo ấy, cặp mắt lớn dường như không có lông mi... Nhưng luôn luôn tỏ một sự cung kính. Nhưng không hiểu sao dù có sự cung kính ấy, dù Volodia rất mực khôn ngoan, tôi vẫn không thích thú cậu bé đó. Vì chính sự lễ phép đó, sự phục tùng đó đã làm cho tôi rối trí. Không bao giờ tôi thấy Volodia cười. Nhìn khuôn mặt bằng phẳng đó, nhiều khi tôi lại đâm sợ hãi. Đó không phải là một đứa trẻ mà là một sinh vật đóng vai đứa trẻ. Khi em bé tỏ ra tinh nghịch thì rõ ràng là Volodia bắt chước cách tinh nghịch của các trẻ khác và lại bắt chước theo những điều người ta kể lại trong sách vở. Hai đứa em của Volodia, một đứa trai 7 tuổi và một đứa gái 5 tuổi đã không dạy cho Volodia được gì. Và hai đứa đó cũng giống Volodia. Ít khi tôi được thấy mặt chúng. Một phụ nữ người Anh chăm sóc hai em bé đó. Tôi không biết tiếng Anh do đó tôi cũng chẳng nói chuyện với bà ta bao giờ cả.

Thỉnh thoảng một đôi khi tôi dẫn Volodia đi chơi. Cử chỉ của Volodia làm cho tôi rất ngạc nhiên. Tôi có cảm tưởng như tôi dẫn theo một

con «búp bê» biết nói. Thế thôi!

Chỉ có một lần duy nhất là tôi bắt gặp một tia sáng nảy ra trong con người Volodia. Trong lúc dạo chơi trong khu vườn thì hình linh tôi bắt gặp Volodia ngồi gần một chiếc ghế sơn màu trắng... Volodia ngồi xuống trên mặt cát ẩm ướt, đang dẫm chân vào trong lòng hai bàn tay. Em bé nhăn mặt lại có lẽ vì quá đau đớn. Nước mắt tràn ra khỏi mi Volodia thật! Vừa thấy tôi, Volodia đứng dậy vừa đi cà nhấc bước tôi. Nước mắt đã khô. Nét mặt trở lại như thường lệ.

Tôi hỏi Volodia:

— Em đau chân sao?

— Vâng. Hơi đau một chút



— Vì sao em không khóc?

Volodia chăm chú nhìn, cố tìm hiểu câu nói của tôi, và trước thái độ nghiêm nghị của tôi, em nói:

— Em khóc rồi!

Volodia lại nói tiếp:

— Cảm ơn ông.

Tôi càng ngạc nhiên hơn vì câu nói tiếp đó. Vì sao một em bé 8 tuổi lại biết nói ra câu nói đó. Tôi thương hại cho Volodia.

Tôi rảnh rỗi suốt cả ngày. Nhất là vào tháng 11 không đi dạo chơi thì tôi lại nằm trong phòng đọc sách. Nhà này đầy sách vở. Norden đã có ý dành riêng cho tôi được tự do chọn lựa sách báo để đọc. Trong những tháng đầu, đọc sách là cái thú vui lớn lao nhất của tôi. Có khi tôi đọc ngay ở phòng đọc. Norden vẫn để tôi được tự do. Tôi có cảm tưởng như tôi là một ông vua nho nhỏ. Tôi có sẵn giường êm, nệm ấm có sẵn những chiếc bàn, đầy sách quý... phòng sách lại hết sức yên tĩnh vì nằm ở tầng lầu hai, xa hẳn mọi tiếng động. Chỉ

một đôi khi có tiếng chó sủa, có tiếng trẻ hát...

Giờ ăn, mọi người ăn chung một bàn 3: đứa trẻ, người phụ nữ Anh, Norden và tôi. Không bao giờ thấy bóng khách ngoại trừ một người Đức trầm lặng chỉ mở miệng ra để ăn hoặc để cười theo sự đòi hỏi của Norden. Có lẽ ông ta là quản gia tài sản, nhà cửa của Norden ở thành phố Petersburg.

Ngồi vào bàn ăn, họ ham cười. Thật khó mà biết cười cái gì.

Nhưng họ vẫn cười. Chủ nhà kể những chuyện xưa và xúi mọi người càng cười. Ông ta còn dịch ra tiếng Anh và lúc ông ta quên dịch, người ta cũng cứ cười. Dường như tập tục trong nhà đòi hỏi việc đó. Trong mấy ngày đầu, tôi cố giữ vẻ nghiêm nghị, thái độ của tôi làm cho Norden buồn. Hơi ngạc nhiên, ông ta chăm chú nhìn tôi, tỏ vẻ lảng:

— Vì sao cậu không cười? Câu chuyện không làm cho cậu thích thú sao? Ồ! Nó thú vị lắm kia mà!

Norden giải thích nó thú vị

như thế nào và lại hỏi tại sao tôi không cười. Nếu tôi vẫn cứ giữ thái độ nghiêm nghị, Norden lại tiếp tục kể hết chuyện này đến chuyện khác, cố gắng làm cho tôi cười, giống như một người cố chặt lấy vài giọt nước trong một miếng bọt. Norden cúi xuống cầm lấy bàn tay tôi hôn, nài nỉ tôi cười lên. Tôi bỗng phá lên cười với mọi người. Luôn luôn tôi vẫn nhớ cái cười hôm ấy. Quả thật là cái cười vô lý, cái cười đã xé miệng tôi như cái cương móc vào trong miệng con ngựa. Tôi luôn luôn nhớ đến cảm giác đau đớn yếu hèn như điên dại xâm chiếm trí óc tôi làm cho tôi muốn phá lên cười khi một mình ngồi trong phòng vắng vẻ hoặc một mình dạo chơi ngoài bãi biển. Phải rồi! Tôi muốn cười một mình. Cái cười đó không làm cho tôi vui lên một chút nào cả.

Vào một ngày nọ, vào giờ ăn tối khi mọi người vào bàn, ở phòng trên lầu, vẫn đóng kín cửa, có tiếng đàn dương cầm vang lên. Tôi buột miệng hỏi:

— Ai chơi dương cầm trên ấy nhỉ?

Norden vui vẻ trả lời:

— Ồ! Cậu không biết sao?

Vợ tôi đấy!

Xin lỗi, tôi không báo trước cho hay. Chính vợ tôi đấy! Vợ tôi, sức khỏe không khả quan lắm nên ít khi ra khỏi phòng. Nhưng nhà tôi có tài lắm. Hãy nghe tiếng đàn thì biết. Tiếng nhạc nghe ra có vẻ buồn ảo-não. Norden xem chừng có vẻ lo lắng.

— Tuyệt! Tuyệt!

Norden vừa cầm cây dao nhỏ vừa nhấp xuống mép đĩa. Nhưng rồi, ông ta không thể chịu đựng lâu thêm nữa vội vàng bước lên lầu. Khi quay trở lại, đứng ngang cầu thang, Norden vui vẻ la lớn.



— Các con đâu? Các con sẵn sàng chưa? Mà các con muốn các con vui chơi đó.

Tiếng nhạc trời mạnh lên. Đó là một bản nhạc đệm cho một vũ khúc đòi hỏi những cử động uyển chuyển nhịp nhàng. Người chơi đàn vẫn chơi đều tay nhưng cứ nghe tiếng nhạc, người rành tai biết rõ nhạc sĩ có cái gì thiên tự tin.

Norden liền thân mật giải thích:

— Hãy chơi bản Petersburg đi. Vũ khúc đó mê ly lắm. Cả Âu châu đều thích vũ khúc đó. Rồi họ ta vừa cười, vừa la lớn:

— Tanzieren, meine kinder, Tanzieren... Lũ trẻ rất dễ bảo bắt đầu quay cuồng. Đứa nhỏ nhút tở ra vụng về khi cất bước chân cũng như đưa tay lên cổ bắt chước anh chị nó. Nhưng chính em bé đó đã vui chơi thành thật nhất.

Norden nhấp bằng tay như có ý khuyến khích bọn trẻ, cuối cùng, cao hứng, ông ta cũng bước ra nhảy múa quay cuồng, miệng gọi tôi ơi ới:

— Còn cậu nữa!

Norden nngừng chân nài nỉ tôi:

— Ra đây. Một chốc thôi mà !
Cậu ra đây cho tôi vui. Cậu
không biết khiêu vũ sao ?

Đề vợ tôi dạy cho cậu.

Tôi lắc đầu chối từ. Khiêu
vũ một lát, Norden thấm mệt.
Ông ta đốt một điếu xì gà hút,
giọng hờn hển nói với tôi :

— Không khi gia đình chúng
tôi đấy chứ ?

Từ đó, mỗi ngày, tôi lại
nghe tiếng nhạc trên lầu vọng
xuống. Điệu nhạc thỉnh thoảng
buồn nhưng thường thường vui
tươi, nhưng thiếu tự tin. Cứ
mỗi lần đi Petersbourg về, Nor-
den lại mang về một điệu vũ
mới mà ông ta quen miệng
bảo rằng cả Âu châu đều thích
điệu vũ đó. Norden đi Peters-
bourg như người ta đi chợ, có
khi vắng nhà một hoặc hai ngày,
nhưng không bao giờ hơn nữa.
Tôi nảy ra ý muốn thiết tha là
tìm biết những bí mật quanh
người vợ của Norden. Phải
chẳng bà này là lý do chánh đã
giao rắc không khí buồn lặng
lẽ trong ngôi nhà này. Nhưng
rồi mọi cố gắng của tôi vô hiệu.
Tôi không muốn nhờ cậy bất
cứ một việc gì ở mẹ quản gia
người Anh vì tôi nghĩ rằng bà
ta cũng chẳng biết gì hơn tôi,

còn Volodia, vẫn luôn luôn
cung kính và kín miệng.

Một ngày nọ, tôi hỏi Volodia :

— Má em hôm nay khỏe chứ ?
Em lên lầu thăm má chưa ?

— Vâng. Mỗi buổi sáng, chúng
em đều lên lầu thăm má. Má
em rất tiếc là chưa được biết
ông đó.

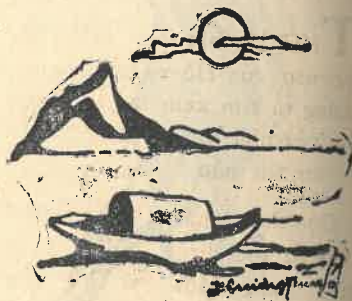
— Má đau nặng lắm sao ?

— Không nặng lắm. Bà chờ
đương cầm rất hay.

— Bà rất có tài.

Tôi cắt ngang câu nói của
Volodia.

(Còn nữa)



PHỒ-THÔNG — 255

HỒ-XUÂN-HƯƠNG

Một nữ Thi-sĩ tài-hoa nhất của
Lịch - sử nhân - loại, sau Sapho.

★ NGUYỄN-VỸ

XV.— *Hồ-Xuân-Hương, nhà Thơ
Việt nam đầu tiên thuần túy của
tiếng Việt*

(tiếp theo)

THỬ lấy bất cứ một bài
thơ nào của Hồ-xuân-Hương,
chúng ta tìm xem thi tài độc-
đáo của nhà thơ đã được tiết
 lộ như thế nào ?

Độc-đáo nhất là bài nào
cũng có thể được coi như là
điển hình. Mỗi bài thơ của
Hồ-xuân-Hương đều có thể

tiêu-biểu cho tất cả Thơ Hồ-
xuân-Hương.

Thiên tài của Xuân-Hương
là bẩm-chất thơ cô được toát
ra tràn ngập thị-giác-trường
(son champ de vision) sâu rộng
của riêng cô, nơi đây thi-hứng
dồi-dào của cô tra nỏ dả tình
nghịch như ở một thế-giới
siêu phàm, và siêu thực.

PHỒ-THÔNG — 255

Tiếng Thơ của Hồ-xuân-Hương văng-vẳng một giọng cười kiêu-hãnh ngay trong Chùa Miếu thiêng liêng của Phật giáo : **Sư bị ong châm, Sư bị làng đuổi, Đền Trần Quốc, Chùa Quán Sứ, Chùa Hương, Hang Thánh Hóa, Chùa xưa, Chẽ Sư...**, của Không giáo :

Con Cua. Bọn Đồ dốt, Giễu Quan Hậu, Đèo Ba Dội, Thiếu nữ ngủ ngày, Khóc Quan Phủ Vĩnh tường, và trước cửa quan-liều. :

Đồng tiền hoản, Đỗ bạn khóc chồng, Chợ Trời, Quạt giấy I, II...

Trên đây là cái cười ngạo mạn, cái cười đặc biệt của Hồ-xuân-Hương, khinh bạc, bất chấp Thần, Thánh, Phật, Vua, Quan. Và đây nữa, là cái cười thách đố, tự hào, đề bảo vệ phẩm giá của người phụ nữ thường bị bọn đàn ông bạc đãi, cái cười khiêu-khích của cô gái cách mạng của thời đại Quang-Trung :

Quả mít, ốc nhồi, Bánh trôi nước, đèn Thái Thú,

Đánh đu, Lấy chồng chung, đánh cờ...

Cách thức biến chế một vật dụng rất thô sơ, hay một sự kiện rất tầm thường, một phong cảnh thiên nhiên, thành cơ-quan sinh dục của phụ nữ, không phải vì một ám ảnh nào cả, mà thực ra là cốt đề quan trọng hóa nó, đề cao nó như là một trung-tâm hấp lực của vũ trụ, tức là đề cao giá trị quý trọng của người đàn bà trong nhân loại :

Đánh đu, cái quạt, tát nước, Đèo Ba Dội, Hang Cốc Cờ, Kẽm Trống, Thiếu nữ ngủ ngày, đánh cờ, Dệt vải...

Tư tưởng cách mạng của Hồ-xuân-Hương đã nứt mầm ngay trong những bài mà mới nghe qua ai cũng tưởng là một lời than thở, nhưng hiểu thâm thúy thì là tiếng kêu uất-hàn của người đàn bà bị thiệt thòi trong thành kiến phong kiến của xã hội :

Chừa hoang, đánh đu, già kén kén hom, ốc nhồi, quả mít.v.v...

Chỉ hai câu thơ giản dị :

*... xuân đã biết xuân
chẳng tũ ?*

(Đánh đu)

bao hàm cả một thiên trường hận của số kiếp người phụ-nữ bị bỏ rơi, bơ-vơ, thẹn-hùng, tủi-nhục, sau khi kẻ «chơi xuân» được thỏa mãn, không tha thiết nữa. Cái gì còn lại trong «lỗ bỏ không» ấy ? Với Hồ-xuân-Hương là hương-vị chua chát của chán chường hiu quạnh. Chỉ một câu thơ hùng biện ấy đã làm nổi bật số kiếp đọa đày của người Phụ-Nữ, không riêng ở thời đại Hồ-xuân-Hương, mà ở khắp các thời đại, không riêng ở đất Việt-Nam mà ở khắp cả loài người.



Đề diễn đạt tư-tưởng cách

mạng của một cô gái Việt-Nam chống lại ảnh-hưởng dù đã thâm căn cố đế của hai giáo điều ngoại-lai, Trung-quốc và Ấn-Độ (Không-giáo và Phật-giáo), Hồ-xuân-Hương cũng đã vận dụng triệt để tiếng Việt-Nam thuần-túy, nhất quyết không vay mượn một tý gì của Nho và của Thích.

Tiếng Việt Nam của Hồ-xuân-Hương là ngôn-ngữ trong sạch nhất, đẹp đẽ nhất, tế-nhị nhất, và đầy-dủ nhất, với tất cả những tinh-vi độc-đáo của nó. Ngòi bút vô cùng linh động của Nữ-Thi Hào đã khai-thác triệt-đề những tru-điểm của tiếng Việt, lần đầu tiên trong Lịch-sử Văn-hóa Việt-Nam.

Chúng ta gặp rất nhiều đặc tính nghệ-thuật ấy trong Thơ Hồ-xuân-Hương :

1) Tiếng ghép đồng-âm :

- Khéo khéo bày trò hồi Hóa-công,
- Tám cột khen ai khéo khéo trồng
- Trai đu gối hạc khom khom cột
- Gái uốn lưng ong ngửa ngửa lòng

- Giọt nước hữu tình rơi **bồm bồm**
- Con đường vô ngần tối **om-om**
- Con thuyền vô trạo cũi **khom khom**
- Cầu trắng **phau-phau** đôi vãn ghép
- Nước trong **lẻo-lẻo** một dòng thông
- Hai chân đạp xuống **năng năng** nhắc
- Một suốt đâm ngang **thích thích** mau

2) Tiếng ghép sát âm :

- Vị gì một chút **tẻo tèo tèo**
- Thương chồng nên khóc **tỉ-tì-tì ..**
- **Lẻo-đẻo** chiếc gàu ba gác chum
- Trời đất sinh ra đã một chòm,
- Nứt làm hai mảnh **hồm-hòm-hòm**
Kẻ hầu rêu mốc tro **toen hoên**
Luồng gió thông reo vỡ **phập phòm**
- Lườn đá cổ leo rờ rậm rạp
- Lách kh nước rỉ mó lam-nham.
- Ba trạc cây xanh hình **uốn-éo**
Một dòng nước biếc, cổ leo-teo
- Gió đập cành cây khua **lắc cắc**
Sóng dồn mặt nước vỡ **long-bong**
- Cửa son đỏ loét **bùm-tum** móc
Hòn đá xanh rì lún **phún rêu**
- Cổ gà lún **phún** leo quanh mép.

- Cá giếc le te lách giã. **đong**
- Khi cảnh, khi tin, khu **chũm chọe**,
Giọng hi, giống hi, giọng hi ha
- Nàng niu ươm hời người quán tử,
Phi phạch trong lòng đã chán chưa.
- Trước nghe những tiếng thêm rầu rĩ
Sau giận vì duyên đã **môm môm**
- **Xì xòm** đáy nước mình nghiêng ngửa,
Nhấp-nhồm bên bờ đất vất ve.
Co-đo cúi mặt leo từ dưới
Khúm-núm thu hình thót nhảy cao...

3) Nói lái :

- Cái kiếp tu hành nặng **đá-đeo**.
- **Trái-gió** cho nên phải **lộn-lèo**
- Đang cơn **năng cực** chữa mưa tè
- Quán sứ sao mà cảnh vắng teo,
Hỏi thăm Sư cụ **đáo** nơi neo ?
- Tráng hạt vãi lần **đếm lại** đeo
- Cảnh buồn nên **ngán** nợ tình **đeo**
- Khen ai **đẻo-đá** tài xuyên tạc.
- **Đứng tréo** trông ra cảnh hắt hèo.
- Kìa cái điều ai nó **lộn lèo**.

4) l hững chữ đồng âm, hoặc hai nghĩa :

- **Khéo hở** hang ra lắm kẻ dòm (Hang Cắc Cỏ)

- Nứt ra một lỗ hòm-hòm-hom (Chùa Hương)
- Xỏ kẻ kèo tre, đốt khẳng kheo
- Qua cửa mình ơi, nên ngắm lại
- Cỏ gà lùn phún leo quanh mép.
- Cái nghĩa trăm năm, chàng nhớ chưa ?
- Mảnh tình một khối, thiếp xin mang.
- Có nào muốn tốt ngâm cho kỹ
- Một lỗ sáu sáu mấy cũng vừa
- Vành ra ba gốc da còn méo
Khép lại đôi bên thịt vẫn thừa
- Quân thiếp trắng, quân chàng đen,
Hai quân ấy chơi nhau đã đã lữa.
- Thiếp vội vàng vén phứa tình lên
- Đem tốt đầu dú dí vô cung.

5) Những chữ gần đồng âm, đề gợi ý :

- Quân tử có thương thì đóng Cọc
- Ngọt bùi, thiếp nhớ mùi cam thảo
- Dao cầu, thiếp biết trao ai nhỉ ?
- Trai du gối hạc khom-khom cật
- Gái uốn lưng ong, ngửa ngửa lòng.
- Lườn đã cỏ leo, rò rậm rạp.
- Gió dập cánh cây khua lắt-cắt
- Đói lòng nên mới phải ăn khoai

6) Những chữ dùng sát nghĩa :

- Quân tử có thương thì đóng cọc
Xin đừng mân-mó, nhựa ra tay.
- Quân tử có thương thì bực vểm
- Xin đừng ngó-ngoáy lỗ tròn tôi
- Kém cạnh cho nên mang tiếng hoản,
- Đủ đồng ắt cũng đóng nên quan.
- Thạch nhũ trần bì, sao để lại
Quy-thân, liên nhục, tằm mang đi.
- Chơi xuân đã biết xuân chẳng tá,
Cột nhỏ đi rồi, lỗ bỏ không.
- Mãi miết làm ăn quên cả mệt
- Dạng hang một lúc đã đầy phè.
- Sáng banh không kẻ khua tang mít
Trưa trật nào người mọc kẻ rêu,
- Giọt nước hữu tình rơi lồm bồm
Con đường vô ngọn tối om-om.

7) Những câu kết tuyệt bút :

- Mãi miết làm ăn quên cả mệt
Dạng hang một lúc đã đầy phè
(Tát Nước)
- Chơi xuân đã biết xuân chẳng tá ?
Cột nhỏ đi rồi, lỗ bỏ không.
(Đánh Đu)
- Bá-ngọ con ong bé cái làm l
(Sư bị ong chàm)
- Trái gió cho nên phải lộn lèo !
(Sư bị lạng đuổi)
- Vì đây đôi phạn làm trai được

Sự nghiệp anh hùng há bấy nhiêu ?

(Đền Thái-Thú)

— Năm canh lơ lững chờ ai đó

Hay có tình riêng với nước non ?

(Hỏi Trăng)

— Đã kia còn biết xuân già nhỉ.

Chớ trách người ta lúc trẻ trung

(Vinh đá Ông Chồng)

— Hiền nhân quân tử ai là chẳng ..

Mỗi gối chồn chân cũng muốn trèo

(Đèo Ba Dội)

— Quân tử dùng dằng đi chẳng dứt

Đó thì cũng dở, ở không xong !

(Thiếu nữ ngủ ngày).

— Không có nhưng mà có mới ngoan

(chửa hoang)

— Đói lòng nên mới phải ăn khoai !

(Già kèn kện hom).

— Tài tử văn-nhân ai đó tá,

Thân này đâu đã chịu già tom ?

(Tự Tình II)

— Nàng niu wóm hỏi người trong trường

Phì-phạch trong lòng đã sướng chưa ?

(Cái Quạt I)

— Kia cái điều ai thả lộn lèo,

(Vịnh Hạng ở Thanh)

— Xin đừng ngó-ngoáy lỗ tròn tôi

(Ốc nhỏ)

(Còn nữa)

Mừng Lê - Dung Phan - Quỳnh

NHÂN dịp lễ thành hôn của cô LÊ DUNG, ái nữ của ông Bà Lê-Tràng-Kiều, đẹp duyên cùng cậu PHAN QUỲNH, con trai của Ông Bà Phan-văn-Phổ, chúng tôi rất hoan hỉ đăng hai bài thơ sau đây của Nữ-sĩ Quý-Hương và Nữ-sĩ Mộng Tuyết mừng đôi tân hôn :

* Đăng trình

Mến tặng hai cháu Phan-Quỳnh Lê Dung.

Trang lòng viết chữ : ái ân,

Năm cung nhạc nổi, đôi vần « kết giao »

Nét thuyền duyên, vẽ anh hào.

Phượng loan hội mở ; tiệc đào hòa minh.

Mên xuân say bước đăng trình,

Đường vào xứ mộng, hương tình lưá đôi.

Biển Đông nào ngai đây vơi !

Vòng tay xiết chặt, giao bôi rót thể.

« Quan thư » từ buổi thơ đề

Uyên ương vẫn hẹn lối về Bách niên.

Phan, Lê nồng chén thảo hiền,

Trước thềm lan-quế, Rồng-Tiên nổi giông

Lòng thung huyền, khách sàng đông.

Sân Quỳnh có bóng phên Dung đêm hồng

Sài-đô cuối Thu, Canh Tuất.

QUỲ HƯƠNG đề tặng

18-10-1970 (19 tháng 9 âm lịch)

● Mừng cháu Lê Dung vu quy

Lời huê hương thơm

Ý đào bông thắm

Tình Văn-chương một tấm

Môi tơ tóc trăm năm.

Đặt diu điệu sắt cung cầm,

Giai nhân tui tử duyên đầm thắm duyên.

MỘNG TUYẾT

Xi-rô

NICO B6

BÊ BÊ

CÓ SINH-TÔ B6 + SINH-TÔ PP

trị em nhỏ:

**ỢC SỮA
ĐEN
LỖ LỎI NGOÀI DA
SUY NHUỘC**

**BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
VIỆN BẢO-CHÊ NGỌC-ĐIỆP CHOLON**

28IX BYT 1-7-68



XI-RÔ

TONIVITAL

Của trẻ em

Gồm có các
sinh-tô:

- A - C
- D - PP
- B1 - B2
- B12
- B6
- LYSINE



*Bồi-dưỡng cơ-thể
Giúp trẻ em chóng lớn*

trị: **BIẾNG ĂN - GÂY CƠM
SUNG LƯỖI - SUNG RUỘT**

Viện Bảo-Chê
NGỌC-ĐIỆP
CHOLON

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

PHONG-THU

58IX BYT/20-6-68

trị: ỈA CHẬY - NHIỄM ĐỘC
Ở RUỘT

KIỆT-LY CÓ ĐÂM MAU

Dùng thuốc

TANIGELAMIDE

PHONG-PHÚ

Thuốc viên cho người lớn
Thuốc bột cho trẻ em.

Hộp với
người lớn
trẻ em

ẤN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
206a/BT/17-8-67

NƯỚC NGỌT

"CON CỌP"



Ở mọi nơi,
Thôn quê,
Thành thị.

Nước ngọt Con Cọp
ở đâu,
Đấy là Khỏe Mạnh,
Sống lâu, Yêu Đời.

Brasseries et Glacières
de l'Indochine
6 Hai-Bà-Trung, Saigon Tél: 20.311

Nhà hàng Đại - La - Thiên

Điện-thoại số. 26.893

31 — 33 đường Lãng-Ông CHOLON

- Đặc biệt các món ăn Tiều
- ★ Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- ★ Có máy điều hòa không khí

Ở lầu 3 lộ-thiên có không khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Gần đến kinh kỳ, Bần thần đã dưng hay là đang hành
kinh mà đau bụng, uống Lôi Công Hoàn «**Ông Tiên**». Các tiệm
thuốc Bắc có bán lẻ. Nhà thuốc **Ông-Tiên** Phú-Lâm Cholon.
K.N.BYT. số 9.5-63

Phong ngứa Ghẻ chốc, lở loét, gãi tới đâu ăn lan tới
đó không phải thoa phết sơ sai ngoài da mà hết. Uống Giải
phong Sát-Độc-Hoàn «**Ông Tiên**» Trên 30 năm danh
tiếng. Có bán lẻ ở các tiệm thuốc Bắc.

Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm, Cholon
(K.N, BY. số 3-9-5-63)

Giấy phép số 292 CDVTT/ND ngày 9-10-1961

Chủ-nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**

In tại nhà in riêng của **PHỒ-THÔNG**

231, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Đ.T. : 25.861

GIÁ : 50 đ

Công sở : gấp đôi